



Kiểm duyệt số 3070/UBKD ngày 5-6-1963
 Kiểm nhận số 245/SYT ngày 20-6-1963

Nhà Thuốc MAC-PHSU trân trọng lưu ý quý vị thân chủ xa gần, khách hàng bốn phương lúc nào cần mua 1 ve Dầu Cù-Là MAC-PHSU nên xem kỹ từ hộp đến ve dầu qua những đặc điểm vừa trình bày.

Trước hết, xin quý vị xem hai « Nhân Cầu Chứng » hình tròn dán trên và dưới hộp số 1 và số 2 còn thật nguyên vẹn. Sau khi mở hộp ra, xem tiếp băng « Giấy Bảo Đảm MAC-PHSU » dán ngang qua nắp ve dầu chưa bị đứt đoạn thì mới tin chất dầu bên trong đúng là phẩm được do Nhà Thuốc MAC-PHSU bào chế.

Tốt hơn hết, quý vị nên mua Dầu Cù-Là MAC-PHSU trong các Tiệm Thuốc Hoa Việt hoặc tìm ngay nơi các Đại Lý MAC-PHSU là chắc ý.

Hiện giờ còn một số Dầu Cù-Là MAC-PHSU đang bày bán trên thị trường chưa dán thêm Nhân tròn ngoài hộp và Giấy Bảo Đảm trong ve, đó là số Dầu Cù-Là đã phát hành trước khi có Bối Cáo này. Lần lượt Nhà Thuốc MAC-PHSU sẽ đòi lại số dầu ấy cho phù hợp với hình thức mới.

KÍNH CÁO,

Nhà Thuốc **MAC-PHSU**

205, đường Lê - Thánh - Tôn Saigon

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT-NAM
 PHỔ BIẾN VĂN-HOÀ ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861

Ty Quản-lý: 531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon



NĂM THỨ V ★ SỐ 113 ★ 15-10-63

1.— Danh nhân miền Nam: Bùi-hữu-Nghĩa	Bùi-hữu-Giáp	7 — 14
2.— Truyện thần-thoại Hy-lạp	Đàm-quang-Thiện	15 — 19
3.— Người Gilans	Trần-tướng-Niệm	20 — 25
4.— Thù thầm, mưa đêm (thơ)	Sơn — Thắng	26
5.— Lệ thu buồn rơi-rơi, lời người ca-nữ	Hân — Ni	27
6 — Những bí mật trong thế chiến.	Thiếu-Sơn	28 — 32
7.— Sinh trai, sinh gái	Võ-quang-Yến	33 — 41
8.— Cuộc đời trong tấm kính	Trong-Tấu	42 — 46
9.— Tiếng nói của gái và trai thế hệ	Phổ-Thông	47 — 61
10.— Bộ trưởng Quốc-phòng Mỹ: ông Mac Namara	Thiếu-Sơn	62 — 67
11.— Cầu cứu (thơ)	Hoài-viên-Phương	68
12.— Hai bóng đen (thơ)	Nguyễn-thế-Giác	69
13.— Những người dân bà lừng danh	Tân-Phong	70 — 76
14.— Phê bình sách mới	Diệu-Huyền	77 — 80
15.— Tuổi, chàng trai nước Việt	Nguyễn Vũ	81 — 85
16.— Khóc cha (TĐBN)	Thu-Nhi	86

17.— Một cành cây khô (T.Đ.B.N)	Minh Đức	87
18.— Tha thứ (T.Đ.B.N)	Đào-thanh-Khiết	88
19.— Ngủ (T.Đ.B.N)	Anh-Tuấn	89
20.— Một bài thơ của vua Thành Thái	Thiện Sinh	90 — 92
21.— 2 cuộc triển lãm hội họa	Châu-Giang	93 — 95
22.— Thơ lên ruột	D.H. — N.P.S.	96 — 97
23.— Thơ ngoại quốc nổi tiếng	Kennedy	98 — 99
24.— — — — —	Pasternak	100 — 101
25.— — — — —	Lucrèce	102 — 103
26.— Sách báo mới	Phổ-Thông	104
27.— Bức thư Paris	Minh-Đức	105 — 109
28.— Đề ngũ chu niên	Ph. Th.	110
29.— Người tù 69	Nguyễn-Vỹ	111 — 112
30.— Minh ơi!	Điệu-Huyền	113 — 130



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chi quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chi PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chi PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-Phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
 * Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

● Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP

13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
 (vente — abonnements — Publicité)

DANH - NHÂN MIỀN NAM

Bùi hữu nghĩa

★ Bùi-hữu-Giáp

Đề gom-góp tài-liệu chính-thức và đầy-dủ, và để bảo-tồn kho-tàng Việt-sử, của các bậc danh-nhân miền Nam, chúng tôi xin đăng loạt bài sau đây của ông **Bùi-hữu-Giáp**, con cháu của cụ Thủ-Khoa Bùi-hữu-Nghĩa, viết theo các sử-liệu xác-thật nhất và đầy-dủ nhất hiện còn giữ trong gia-phả họ Bùi.

N. V.

Lời nói đầu

- 1) Tiểu-sử Cụ Thủ - Khoa. Nghĩa
- 2) > Cụ Chánh thất Nguyễn-thị-Tôn
- 3) > Cụ Kê thất Lưu-thị-Hoán
- 4) Văn phẩm của cụ Thủ. Khoa sáng-tác

- 5) Cụ Chánh thất ra Kinh-Đô Huê đền Tòa Tam-Pháp đánh trống, đội-trạng minh - oan cho chồng là cụ Thủ - Khoa.
- 6) Cụ Kê thất Lưu-thị-Hoán một gia đình có liên hệ với vua Gia-Long lúc còn tâu quốc ra Đáo Phú-Quốc.

ĐẼN nay chúng tôi mới viết Tiểu-Sử các cụ thật quá muộn màng, vì chúng tôi là con cháu dòng họ của cụ có bốn phen phải sưu tầm, viết thành quyển xuất bản để khỏi thất-lạc, những tác phẩm quý báu của ông chúng tôi dày công sáng tác và bà là một bậc nữ lưu thông-minh, gan dạ liêu thác minh-oan cho chồng khỏi tội tử hình, được đời khen tặng là một người đàn bà trịnh thuận và trọn đạo làm vợ ; xuất bản sách để bảo tồn tác phẩm và nêu gương trung chánh và tiết, liệt sáng tỏ cho hậu thế soi chung.

Lý do : thuở tổ tiên chúng tôi còn đoàn tụ tại chợ Bình-Thủy (Cần-thơ) rồi đến sau khi cụ Thủ-Khoa tạ thế, ông bà chia ly đi mưu sinh.

Ông thân sinh tôi nhà nghèo di cư xuống Sóc-Trăng (bây giờ là Ba-xuyên) lập nghiệp, tài liệu thì vẫn mỗi người đem theo cất giữ một phần thôi, rồi vì sự lưu thông không thuận tiện, không trao đổi bốn thảo đầy đủ cho nhau.

Đến năm 1945 xảy ra cuộc biến động, bất ngờ người Cao-Miên ở Ba-xuyên nổi dậy chém giết người Việt-Nam và thiêu hủy nhà cửa, bị cháy gần hết bốn thảo thơ chữ nôm,

thơ chữ nho, văn tề, tướng Kim-Thạch Kỳ-Duyên và luôn cả Gia-Phả nhà họ Bùi trong cuộc biến động đầu tiên ấy, tài liệu còn lại một phần đem theo ghe chạy đi tản cư lại gặp đảng phái chống đối xung đột lẫn nhau, xét hỏi lung tung ; ghe nào có đem theo sách tây, tàu, chữ nho, họ cho đó là theo Nhật, theo Tây... bị làm khó để tịch thu, người ta ra lệnh phải hủy bỏ, nếu không tin sẽ bị bắt điều tra.

Chúng tôi đành phải đem bốn thảo là môn gia bảo ném xuống sông để ulla lẽ trông theo giòng nước cuốn đi ; vì nơi đây không có nhà bà con quen thuộc để gởi chôn đầu dùm.

Chúng tôi phiêu lưu đi và ở luôn tại tỉnh lỵ Cần-Thơ, gom góp lại các tài-liệu tác phẩm của cụ Thủ-Khoa, đến nay việc sưu-tầm được một phần ít tác phẩm của cụ.

Tài liệu : nhờ chúng tôi nhớ thuộc lòng lịch-sử các cụ và chút ít thì văn.

Tài liệu ông Nguyễn-văn-Giai, cựu giáo viên, cháu ngoại cụ Thủ-Khoa là chú tôi.

Ông Nguyễn-dại Liêng một bậc kỳ lão con của một người học trò của cụ Thủ-Khoa lúc tri sĩ hồi hưu về dạy học ở Bình-Thủy.

BÙI HỮU NGHĨA

Năm 1936, chú tôi và người thân tộc bà cụ chánh thất Nguyễn-thị-Tôn có giúp tài liệu cho ông giáo Nguyễn-văn-Nghĩa ở Giồng-Ông-Tò ăn hành quyển Văn Chương và Lịch-Sử của cụ trong năm ấy.

Về quyển tướng Kim-Thạch Kỳ-Duyên.

Ông chú tôi Bùi-hữu-Sanh, con trai thứ bảy của cụ Thủ-Khoa, hồi còn sanh tiền ở Bình-Thủy có mượn học trò sao y bốn chánh quyển K.T. K.D. giao cho chúng tôi cất,

đã bắt buộc phải ném xuống sông trong cuộc biến động 1945 như nói trên.

Ông chú tôi có cho ông Phò Bùi-quang-Nhơn xuất bản năm 1895. Ngày nay chúng tôi còn giữ bản này.

Ông tôi lại cũng có cho ông Nguyễn-văn-Xương bản thảo.

Chúng tôi xin đốt nén hương lòng kính dâng cụ tổ.

Viết tại Cần-Thơ,
ngày 10 tháng 9 năm 1962

Bùi-hữu-Giáp



● Tiểu-sử cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa (1807-1872).

CỤ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa hiệu **Nghi-Chi** (1) biệt hiệu là **Liễu-Lâm chủ nhơn** (2) sanh năm Đinh-Mão (1807) tạ thế năm Nhâm-Thân ngày 21 tháng giêng (1872) 65 tuổi, tại làng Long-Tuyền (Bình-Thủy) Cần-thơ nay là Phong-Dinh.

Mở mã tại vườn ông Trùm-Meo cách cầu sắt chợ Bình-Thủy chừng hai cây số ngàn về hướng Nam. Con cụ **Bùi-hữu-Đá** (3) mẹ quê quán ở Cao-Lãnh, cha

làm nghề hạ-bạc.

Do theo gia phả nhà họ Bùi, ông nội tổ của cụ Bùi-hữu-Nghĩa

Chú thích : (1) *Hiệu Nghi-Chi* 宜之, cụ lấy theo câu sách : « nghĩa đã nghi-chi » việc làm hợp nghĩa.

(2) *Biệt hiệu « Liễu Lâm chủ nhơn »* là khi về già gần 60 tuổi cụ ở đất vườn cửa cụ mua và sau là ông Trùm-Meo chuộc lại, trong sở đất có bãi phụ bởi rừng cây bần nên cụ để biệt hiệu « Liễu Lâm chủ nhơn ».

(3) *Thân sanh cụ Bùi-hữu-Đá không phải cụ Bùi-hữu-Di như có bản viết.*

là cụ **Bùi-hứa-Vi**, gốc người Ngũ-Quảng (Trung phần) di cư vào Nam và ở Bình-Thủy.

● Lúc thiếu thời

Thuở còn nhỏ học chữ Hán (Nho-học) thông-minh ham học, đến khi biết chữ khá, cụ Bùi-hữu-Đá gửi cụ lên Biên-Hòa và nhờ ông xã-trưởng **Ngô-khắc-Giản** đỡ đầu và cho con ông là **Ngô-tấn-Du** cùng đi học với cụ Thủ-Khoa cho có bạn, về sau ông Du tòng quân làm chức Tri-Bộ, nên kêu là ông Bộ-Du, ở học tại nhà ông Hộ-Trưởng **Nguyễn-văn-Lý** làng Mỹ - Khánh tổng chánh Mỹ - Thượng Biên-Hòa. Theo học với ông **Nguyễn-phạm-Hàm** kêu là Đồ-Hoành (4) thời **Lê-văn-Khôi** chống triều-đình. Ở nơi đây cụ Bùi-hữu-Nghĩa chăm lo việc học, nhờ trí thông minh thiên phú, học giỏi được thầy khen bạn mến. Đến kỳ thi hương tuyền khoa (5) năm Ất-Vị tại Gia-Định. Cụ Bùi-hữu-Nghĩa đậu Thủ-Khoa giải-nguyên, tên tuổi truyền ra khắp xứ.

* Khi xướng danh đậu giải-nguyên, cụ đem tin mừng cho ông Hộ-Lý hay, ông Hộ-Trưởng là người lân lý đều vui mừng, ông Hộ - Trưởng thiết tiệc đãi cụ Tân - Khoa Giải - Nguyên Bùi-hữu-Nghĩa, và nhơn

dịp ngộ ý muốn gả con gái đầu lòng là **Nguyễn-thị-Tồn** kết duyên cầm sắt với cụ Thủ-Khoa, cụ hứa và xin thừa lại cha mẹ. Cụ về Bình-Thủy được cha mẹ đồng ý và hôn lễ cử hành.

Sau khi thi đậu được bổ đi tri-phủ Phước-Long tỉnh Biên-Hòa.

● Đời quan-trưởng

Đời quan trưởng cụ là một ông quan có tiếng thanh liêm trung trực. Khi đang tại chức, triều đình giao cho cụ đi sứ qua Xiêm, lãnh sứ mạng Ngoại giao

(4) *Hoành* : Theo cụ Thủ-Khoa thuật lại con cháu nghe : *Hiệu Hoành là ông Nguyễn-phạm-Hàm thầy học của cụ vì ưa thích nhân cách nghĩa-sĩ Điền Hoành dòng tôn thất nước Tề (sách Tàu) nên đặt hiệu là Hoành và trước ông thi đậu Sanh Đồ nên người ta kêu là Đồ-Hoành. Triều Gia Long thi Sanh Đồ và Hương Cống. Triều Minh-Mạng đổi lại Sanh Đồ ra tú tài, Hương Cống đổi ra cử nhân.*

(5) *Các kỳ thi hương là, Tí, Ngọ, Mão, Dậu, nhưng vì có giặc Lê-văn-Khôi từ Tỵ tới năm Mùi, nên mới có lập thêm kỳ tuyền khoa năm Mùi (1835) cụ Nghĩa thi.*

Chánh-khoa : khoa thi nhất định. Ân-khoa : khoa thi trong nước được việc vui mừng. Thi dụ : Hoàng-hậu sanh Hoàng-lử. Truyền-khoa : vì thời cuộc giặc giả kéo dài kỳ thi.

và tặng cho Lịch xem ngày tháng của Việt-Nam, khi đi sứ về, bà sanh con gái đầu lòng ông đặt tên là **Xiêm (Bùi-thị-Xiêm)** để kỷ-niệm chuyến đi Xiêm.

Một thời gian được lệnh triều đình thuyền bỏ đi trấn nhậm phủ Trà-Vang (Trà-Vinh), tỉnh Vinh-Long. Từng sự quan Tổng-Đốc **Trương-văn-Uyền** và quan Bố-Chánh Truyen.

Một ngày nọ cụ Thủ-Khoa đang ngồi làm việc trong dinh bỗng nghe tiếng lạc ngựa kêu vang, cụ ngó ra thấy một thanh niên ngồi trên lưng ngựa có vẻ kiêu hãnh, không xuống ngựa cũng không cắt nón.

Cụ sai lính ra chặn lại đòi vào cho cụ dạy bảo, cụ định răn dạy cho thanh niên biết tuân theo luật lệ triều đình, chứ không hành phạt, chẳng ngờ thanh niên ương ngạnh không chịu lỗi và nói : « Quan Bố-Chánh sai tôi đi có việc gấp, tôi là em vợ quan Bố-Chánh ».

Thấy lời nói không lễ phép, cụ giận nói : « Tưởng ngươi là dân đã không biết luật triều đình thì còn tha thứ được, té ra ngươi là em vợ quan Bố ở trong dinh đã biết luật mà khinh mạng nên phải trừng trị đánh ngươi ».

Cụ sai lính đánh năm roi và

bảo quan Bố không nghiêm dạy người.

Cậu Công-Tử về thuật lại, vợ chồng quan Bố Chánh, cố hận thù.

Vì tách cang trực, không chịu bỏ đỡ, chịu đòn quan trên nên sau này ông bị hại.

● Thủy-lợi kinh Láng-Thé

Thuở chúa **Nguyễn-Ánh** lúc tàu quốc, khi đến Trà-Vang (Trà-Vinh) người Miên ở đây có quyền tiền giúp chúa lương thực và từng chinh đánh giặc (1802). Đến khi tức vị Hoàng-đế, vua nhớ ơn trước xuống chiếu miễn vĩnh-viễn thuế thủy-lợi rạch Láng Thé cho nhân dân được nhờ.

Sau có một người Huê-kiều muốn chiếm độc-quyền cày người chạy chọt lo hối lộ với hai quan đầu tỉnh mua thủy lợi rạch Láng Thé.

Hai ông Tổng-Đốc **Trương-văn-Uyền** và **Bố Chánh Truyen** thấy mối lợi lớn và ham của hối lộ nên đồng ý bán thủy-lợi độc quyền cho người Huê-kiều. Người Huê-kiều được lệnh về khởi công đắp đập, làm nò, xây rọ đặt lập cơ sở bắt cá không cho người Miên bắt cá.

Người Miên hay tin mất huê lợi kiếm cá ăn, nên mẹ Sốc, con Sốc cùng nhau đến Huyện trình

bày việc thiệt hại của nhân dân bị áp-bức. Quan Huyện, cụ Thủ Khoa, biết được việc hối lộ lộ quyền của hai quan đầu tỉnh. Trong khi chưa giải quyết việc phân xử và lúc tiếp chuyện các dân Miên cụ nói: «Rạch Láng-Thế, Đức Thế Tồ tha thuế thủy-lợi vĩnh - viễn, các người được hưởng; nếu có ai lớn hơn vua phê bán rạch ấy, còn người nào nhỏ hơn vua và không thừa lệnh vua thì dầu có chém nó cũng vô tội ». Tưởng nói như vậy để sau dần xếp không dè họ làm thiệt. Nhân dân Miên nghe vậy trở về ngăn cản người Huê-Kiêu mua thủy-lợi và gây lý sự. Bọn người Huê-Kiêu ý mạnh vì có đủ giấy tờ quan tỉnh, áp ra đánh nhau chí mạng và có người chết.

Việc phi báo đến tỉnh, quan Tổng-Dốc phái quân lính bắt bọn người Miên sát nhân tra hỏi.

Muốn chữa lỗi, bọn người Miên khai rằng :

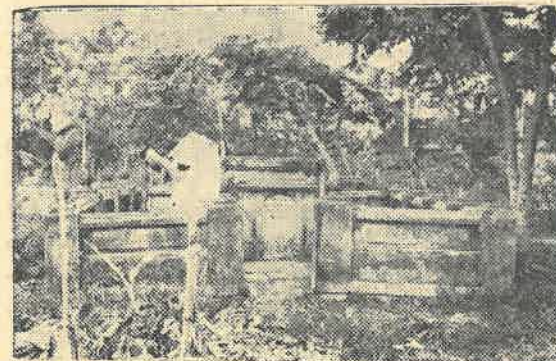
— Thủy lợi ngư nghiệp rạch Láng-Thế của vua cho chúng tôi hưởng xưa nay, người Huê-Kiêu đoạt lấy, chúng tôi thưa quan Huyện và quan Huyện bảo chúng tôi ngăn không cho người Huê-Kiêu đắp đập xây rọ, bị khách trú ý thế mạnh đánh chúng tôi, nên chúng tôi phải tự-vệ và xảy

ra việc án mạng ». Nghe được lời cung khai, các quan tỉnh cho việc này tại quan Huyện Trà-Vang nói rõ việc bí ẩn lạm quyền cho dân Miên nghe.

Các quan tỉnh sợ lỗi vừa giận cụ Thủ-Khoa vừa lo có tội, nhưng việc đã lỡ xảy ra rồi phải tìm kế chữa mình, lập tức sai quân lính xuống Trà-Vang bắt cụ Thủ-Khoa áp giải về Gia-Định, hội công đồng dâng sớ về triều báo cáo kết tội cụ Thủ-Khoa tự tiện xúi dân Cao-Miên làm loạn giết người. Do theo tờ sớ gởi ra, triều đình Huế kết tội bản án cụ «tử hình» « Tam ban triều đình ».

Bà chánh-thất (vợ lớn) của cụ Thủ-Khoa thấy việc nguy cấp lo sợ và quyết lòng liều thác ra tận mặt vua kêu oan, một mặt chuẩn-bị việc quá giang mau lẹ ra Đê-đô, mặt khác hỏa tốc xuống Trà-Vang, toan tính và cậy ông Quản-Kiểm người bà con bạn dì với cụ Thủ-Khoa Nghĩa lo việc lập mưu lấy tờ chiếu xử tử cụ Thủ-Khoa, do triều đình gửi vào.

Sau khi được toan tính kỹ, ông Quản-Kiểm lo đón lính trạm của vua đem chiếu chỉ vào, ông giao thiệp thân mật với họ, đãi ăn uống nồng hậu, phục rượu cho họ say, rồi lên mở ống



← Lăng cụ Thủ-khoa Búi-hữu-Nghĩa

đựng chiếu, đánh cắp bản án tử hình đem đi thủ tiêu. Nhờ mưu tính thành công, phe nghịch không có bản án đem cụ ra hành quyết.

Bà chánh thất yên lòng tức tốc xuống ghe bầu ra Huế minh oan và kết quả tốt đẹp, cụ Thủ Khoa được xá tội tử hình, nhưng bị giáng cấp làm lính. Bản án: « quân tiền hiệu lực, đái tội lập công ».

● Về hưu

Được lệnh bỏ cụ đi với chức thủ-ngữ trấn Vĩnh-Thông đồn Châu-Dốc chỗ gần biên thù Mên-Việt mà người Miên thường nổi loạn (thò dây giặc). Cụ dẹp giặc lập công được thăng chức Phó Quản Cơ. Có lần cụ bị quân

Miên bắt, quan Cao-Miên có nghe tiếng cụ là quan thanh liêm ngay thẳng và thấy cụ tướng tốt, râu dài đạo mạo nên tâu lên vua xin thả cụ. Vua Ông-Đuôn thả cụ và cho đưa về Ba Nam rồi thẳng đường về Tịnh-Biên. Ở đây một thời gian, cụ cảm thấy tuổi già làm chức nhỏ không phù hợp với khả năng của cụ. Phần cũng chán ghét quan lại tham nhũng, người nhỏ a dua người lớn dưng áp bức nhân-dân.

Nên Cụ viện lẽ tuổi già xin về hưu, trở lại quê quán làng Long-Tuyền mua chợ Bình-Thủy của ông hương-quản Sang bán và một sở vườn ông Trùm Meo và về sau Ông Trùm Meo đã chuộc đất lại. Cụ mở trường dạy học

và bốc thuốc Bắc để sống thanh nhàn tuổi già.

Những ngày nhàn rỗi cụ câu cá, uống rượu, làm thi, đến ngày 21 tháng giêng năm Nhâm-Thân (1872) cụ Bùi-hữu-Nghĩa từ già cõi đời, thọ 65 tuổi.

Mộ cụ hiện trong vườn ông Trùm-Meo làng Long-Tuyền chợ Bình Thủy Cần-thơ như chỉ rõ ở trên. Bia đá khắc chữ nhỏ:

Đệi-Nam

*Hiền-khảo giải-nguyên Bùi phủ
quan chi mộ.*

*Tốt vu nhâm-thân niên, chánh
ngoặt nằm nhứt nhứt.*

Nam : **Bùi-hữu-Tú** kính lập.

Thân chủ (bài vị) thờ ở chùa Nam Nhã, chợ Bình-Thủy.

Ba thần chủ

1.— cụ Thủ-Khoa Bùi-hữu-Nghĩa

2.— cụ chánh thất Nguyễn-thị-Tồn

3.— cụ kế thất Lưu-thị-Hoán

Về đường con cái các cụ kết duyên với bà cụ Nguyễn thị Tồn sanh được 3 người con : 1 Bùi-thị-Xiêm, 2 Bùi-hữu-Vang, 3 Bùi-hữu-Tú.

Và với cụ kế thất Lưu-thị-Hoán sanh 4 người con : 1) Bùi-thị-Bè, 2) Bùi-hữu-Khánh, 3) Bùi-hữu-Sanh, 4) Bùi-hữu-Út.

(còn nữa)



● TẠI SAO LÔNG CON CHÓ KHÔNG ĐỎ ?

Grace Coolidge, phu-nhân của cố Tổng-Thống Huê-Kỳ Calvin Coolidge, một hôm mời một họa-sĩ đến họa chân dung.

Muốn bức họa có màu sắc cân đối, họa-sĩ ân cần khuyên bà Coolidge nên mặc chiếc áo màu đỏ, vì bà muốn để cạnh bà một con chó xù lông trắng.

Bà Coolidge không trả lời. Rồi khi ở phòng trang điểm trở ra, bà mặc một chiếc áo cam-châu trắng.

Nhà họa-sĩ có vẻ bất mãn, nhưng vẫn từ tốn thưa :

— Thưa phu-nhân, tôi đã trình với phu-nhân nên mặc áo màu đỏ...

— Vâng, tôi đã nghe, bà Coolidge trả lời. Nhưng ông tôi thích ngắm tôi mặc áo màu trắng, vậy ai bắt buộc họa-sĩ không họa được con chó với sắc lông đỏ...

Họa-sĩ : — ...

P. C.

truyện thần-thoại

hy | la
lạp - mã

* Đạm-quang-Thiện

ZEUS HAY JUPITER

★

(Tiếp theo P. T. 112)

NHƯ chúng ta đã nói, Zeus là vị hoàng-đề tối cao của Olympe, vị chúa tể của thế-giới, người cha chung của loài người và của các vị thần linh. Trời và đất đều đặt dưới uy quyền của ngài; và từ lá

cây ngọn cỏ cho tới con chim sẽ chim ưng, vật gì cũng tùy thuộc ngài cả. Ngài ngự ở Empyrée, điều khiển đoàn mây và biểu lộ quyền thế khi hiển-dụ trên trời sáng ngời, khi ghê gớm trên trời gió bão. Những hy vọng và lo ngại của ta hình như từ trên trời xuống cả, vì vậy mọi việc xảy ra trong đời đều tùy thuộc ở vị chúa tối cao, tôi đại công minh ấy. Khi nào nền trời của Hy-Lạp chói lọi, đây là Zeus tôn nghiêm đang

hiện ra trong ánh sáng trong trời của ngài. Khi trời mưa, đây chính là Zeus mưa. Khi trời rơi tuyết, đây cũng vẫn là Zeus bao phủ mặt đất bằng một tấm áo tơ bằng da chồn trắng.

Zeus cũng như Ngọc-Hoàng thượng-đế của Thần thoại Trung-hoa vậy.

Những ngày và đêm đều tuân theo mệnh lệnh của ngài, Zeus có thể làm cho trời quang mây tạnh, cho cầu vồng hiện ra, cho gió thổi giúp các tàu trên biển khơi tới bến. Nhưng oai quyền của ngài không bao giờ biểu lộ rõ rệt bằng lúc người làm phong ba bão táp. Lúc đó, ngài thu những mây đen tối lại, làm nổi cơn giông phá hoại, dâng làn sóng biển, bay cát bụi trên đường, phóng lên đỉnh núi những mũi tên chớp nhoáng, xuyên thủng những đám mây, để mở dòng hết túi nước của chúng, và làm vang dậy từ trên trời cao xuống đáy thung lũng, tiếng gấm thét của sét.

Nhưng sét mà ngài cầm ở trong tay như một mũi tên lửa thì Zeus dùng để làm gì? Có phải chỉ để đánh vào những đỉnh núi và những

mái nhà cao để cho người đời sợ và biết phép của ngài mà thôi không? Không phải thế. Quả vậy, tuy Zeus sai khiến được cả mây, mưa, gió, bão, nhưng người cai trị muôn loài thực công bình. Các quyết nghị của ngài hết sức khôn ngoan. Từ những người quyền thế nhất đến những kẻ hèn yếu nhất, ai ai cũng được đối ơn ngài cả. Những phúc hay họa người ban ra đều rất đích đáng. Khi người ta tốt thì lúa mì lúa mạch mọc đầy, cây cối nặng trĩu những quả, dê cừu sinh sản đầy đàn và cá đầy rẫy trong biển. Trái lại với những người độc ác, gió bão tàn phá cánh đồng, nước sông dâng lên, sấm sét vang dội và mưa đá tàn hại mùa màng.

Zeus, vị chúa tể của công lý, cũng có bồ và mẹ. Không phải là bồ mẹ đã sinh thực sự ra Zeus, vì ngài bắt từ và là sinh vật đầu tiên ở trên đời, là sự khởi đầu và sự tận cùng của mọi vật. Cũng vì không thể ý niệm vị thần rực rỡ đó nên các thi sĩ gán cho ngài một thân hình và tướng tượng ngài dưới hình thức một người rất oai nghiêm và tươi đẹp. Và

muốn cho ta rõ ảnh hưởng không ngừng của ngài trong vũ trụ, họ thêm dệt rất nhiều chuyện và cho là đời ngài cũng bị những thăng trầm như đời người thường vậy. Vì thế muốn cho ta hiểu rằng Zeus bắt từ, các thi sĩ nói rằng: Zeus là con của Cronos nghĩa là Sức Mạnh — Sáng-Tác, và Phá-Hoại của Temps. Mẹ của người là bà Rhéa, vị nữ thần chủ tọa sự trôi qua chậm chạp của những thế kỷ. Bà Rhéa qua suốt các thời đại, sinh rất nhiều con. Nhưng những đứa con đó vừa đặt vào lòng bồ liền bị ông này ăn thịt ngay. Thời gian, quả vậy, vừa sáng luôn. Tuy vậy, sự khát khao phá hoại đó phải có hạn. Một lời tiên tri nói rằng Rhéa sẽ có một người con truật ngôi của bồ làm chúa tể muôn loài và giữ cho vũ trụ được nguyên vẹn. Muốn cứu người con đó thoát khỏi số phận của các anh nó, bà Rhéa khi thụ thai liền trốn xuống trần ở trong một thung lũng sâu. Bà nấp trong bụi cây rậm nhất và sinh hạ vị thần đặt tên là Zeus. Sinh xong bà định rửa cho con thì chung quanh bà đất khô khan không có một

giọt nước. Thất vọng bà quý xuống và cầu khẩn Đất từ bi: « Hỡi Đất mẹ và bạn, xin người hãy sinh sản đi, những sự sinh sản của người cũng dễ dàng lắm vậy! » Bà cầu khẩn như thế rồi cầm gậy đập vào tảng đá. Đá nứt thành một suối nước trong và mát. Vị nữ thần tắm, quần lót cho con rồi giao cho một vị Nymphê đem giấu sang củ lao Crète trong một hang bí mật.

Hang ấy vừa sâu vừa rộng. Cửa vào có cây cối rậm rạp che lấp và mặt trong có giấy leo phủ kín. Đứa nhỏ đưa đến liền được các vị Nymphes tiếp đón. Họ đặt nó vào một cái nôi vàng. Con dê Amalthée cho sữa nuôi nó. Ông kéo mật cho nó ăn. Một đôi khi những chim bồ câu từ các bờ biển xa xăm đem món ăn của các thần lại và một con chim Phượng-hoàng lớn đến suối thần lấy rượu bắt từ về chợp nó. Một hôm Adrastée, một vị Nymphê (Tiên) làm quà cho nó một món đồ chơi kỳ diệu. Đây là một quả tròn có rua làm bằng nhiều vòng vàng. Mỗi khi đưa trẻ kêu, Adrastée ném quả đó lên như một trái banh

và khi rơi xuống nó vạch ra một đường dài đồ ỏi. Zeus cười. Những khi đứa trẻ kêu to quá thì những gia nhân của mẹ nó là Corybantes hay Curètes nhảy múa. Họ rang những mộc hoàng đồng trên nõ của đứa nhỏ rồi vừa nhảy họ vừa cầm những thanh kiếm ngắn đập vào mộc. Tiếng mộc che lấp tiếng kêu của đứa trẻ và người cha không thể đoán biết chỗ đứa bé mà ông yên chí là đã ăn thịt, rồi khi ông nuốt một hòn đá.

Zeus mau lón và rất thông minh. Những thần lực sĩ, Cyclopes đúc ô vuông của sét cho ngài chơi, và ngay từ lúc còn nhỏ, Zeus đã thích rém những mũi tên chói lợi đem sấm đi.

Một hôm, chơi đùa với con dê Amalthée, mẹ nuôi ngài, ngài nhớ làm nó va phải gốc cây và gãy mất một sừng. Vị nympe Mélissa thấy thế, băng bó cho dê. Zeus liền nhặt cái sừng, ban cho nó nhiều phép lạ xong tặng cho Mélissa để thưởng lòng tốt của nàng. Từ đó sừng đó gọi là Corné d'Abondance vì nó có phép hóa ra đủ các thứ của cái.

Lớn lên Zeus thành một vị thanh niên tuấn-tú và trau dồi ngôi của bồ đề trị vì thiên-hạ. Nhưng một số quý-quả kiêu-ngạo bị xích ở dưới đất không chịu phục-tòng vị chúa tể mới của Olympe. Muốn cho chúng khỏi quây rối lay chuyển những núi gây ra bao sự đảo lộn trên mặt đất, Zeus liền thả chúng ra. Chẳng ngờ vừa ra khỏi, chúng lập tức gây



ZEUS

chiến với Zeus. Chúng chống chắt núi lên nhau để tới Olympe và ném những núi đá lên ngài. Những núi ấy rơi xuống bề thành củ lao, xuống đất thành đồi. Sự nổi loạn kinh khủng đó kéo dài hơn mười năm trời. Muốn chấm dứt tình trạng đó, Zeus liền xuống Tartare, một vùng ở sâu dưới các đáy bể, âm thấp, hiu quạnh, tối tăm mù mịt, nơi giam cầm những Cyclopes. Bọn này chỉ có một mắt ở giữa trán, dữ tợn và khỏe mạnh vô cùng. Họ dùng đe bằng hoàng đồng mà đúc sét cho vị chúa Trời. Để canh gác bọn Cyclopes còn có 3 Géants mỗi người có 100 cánh tay và 50 đầu.

Zeus bảo họ : « Ta muốn mượn cánh tay và khí giới của các ngươi để làm chấm dứt những tai họa trên mặt đất. Hãy theo giúp ta rồi ta sẽ giải phóng cho ».

Cyclopes và Géants đồng thanh trả lời : « Chúng tôi xin cho người mượn ».

Ra đến ngoài ánh sáng, họ gặp bọn Titans phiên loạn. Cyclopes vung những ngọn thương chói lợi lên, còn Géants thì lấy núi đá làm

khí giới. Một tiếng hét dữ - dội bắt thỉnh - linh nổi lên. Mặt bể vang dậy một cách kinh-khủng làm rung động từ những lâu đài ở Olympe đến những vực thẳm của Tartare. Hai bên đánh nhau dữ-dội : hàng ngàn tảng đá lay ở các núi bị ném từ bên nọ sang bên kia. Trận ác chiến diễn ra vô cùng hỗn độn. Một tiếng ồn ào ghê gớm mọi rợ vang lên đến tận mây xanh. Đang lúc hai bên bắt phân thắng bại và cuộc chiến đấu hăng hái nhất thì Zeus hiện tới trong một chiếc thần xa. Sét từ trên trời bắt thỉnh linh đánh xuống bọn Titans. Tiếng sấm làm nứt đôi các núi và những mũi tên lửa của chớp đốt cháy các rừng. Một làn khói dày đặc được gió đưa sang làm ngạt và tê liệt bên địch. Lợi dụng sự lộn-xộn, 3 vị Géants dùng 300 cánh tay ném 300 núi đá sang chôn vùi bọn phiên-loạn. Thắng được những quân địch ghê gớm ấy, Zeus lại đẩy họ xuống sông Tartare tối tăm. Từ đó Trời và đất lại đặt dưới quyền một vị chúa độc nhất.

(kỳ sau tiếp)

gitans

★ Trần-Tường-Niệm

Bộ mặt của Văn Nghệ-thuật hậu chiến của dân văn minh trên thế giới khác hẳn xưa với sự xuất hiện của các bản Thánh-Ca da Đen, các vũ điệu mới. Các vũ điệu này, dù có vay mượn và rút từ mọi vũ điệu vẫn mang nặng nét chính: «vũ Gitans», một thứ vũ biểu lộ sự uất ức đang trào dâng trong sự bơ vơ... Nói tóm lại là chúng biểu lộ được sắc thái của lớp người trẻ không có trách-nhiệm gì về sự khủng hoảng chiến tranh đã qua nhưng lại chịu ảnh hưởng, lại là nạn nhân của chính-trị, của tiền bộ khoa-học giết người, của sự tàn diệt. Chính dân «lưu manh», lang thang Gitans đã lo sợ bị diệt qua hàng chục thế kỷ đã là tổ của những tiết điệu nhạc, động tác vũ mới. Họ đã lo sợ, nỗi lo sợ

của thế giới ngày nay mà trường tồn lại nhờ một yếu tố: một chút tin tưởng và chút tin tưởng nhỏ bé ấy đã cứu sống dân Gitans.

● Không có quê hương

Lây dầy núi «Pyrénées» nước Pháp làm chiếc «nồi», làm trung tâm điếm đi về, ở miền Tây Nam nước Pháp và miền Bắc nước Tây Ban Nha có giống dân, từ nghìn đời nghìn



NGƯỜI GITANS

kiếp cho đến nay vẫn sống lang thang, họp thành từng đoàn mà đơn vị là một gia đình. Không có lãnh thổ, không có nhà, không có luật pháp, dân Gitans xê dịch quanh vùng ấy — hình như là vì trời xanh nắng sáng vùng Tây Bắc Địa Trung Hải cột chặt họ lại — bằng những chiếc xe bò (đền này có gia đình có xe hơi) xe do bò hoặc lừa kéo trang bị như một cái nhà nhỏ, kéo đi từng đoàn, đem theo cả gia súc (gà, vịt v.v...) Đêm đến, họ quây xe lại, đốt lửa, nấu ăn rồi họp nhau lại ca hát, nhảy múa, thổi khầu cầm, đệm Tây Ban Cầm. Những điệu hát, điệu vũ riêng biệt của Gitans cho đến khuya. Rồi trẻ con, đàn bà sẽ chui vào xe, đàn ông sẽ căng «bạt» vào thành xe, trải chăn xuống ngủ. Sáng mai dậy, còn kiếm ăn được thì ở, không kiếm ăn được thì đi.

Gitans sống bằng nghề gì? Nhiều lắm! Chặt cây đốn củi bán, làm trò ảo thuật, bán «thuốc cao!», xem «bói toán» và đặc biệt giỏi nhất về nghề ăn trộm, ăn cắp. Dân Gitans mà không giỏi ăn trộm không phải là Gitans chính hiệu!...

Cứ thế mà quanh một vùng rộng lớn gồm 1/2 nước Tây Ban-Nha, một góc nhỏ nước Pháp và miền Pyrénées là giang sơn của vài chục nghìn người Gitans, lang thang mãi mãi cho đến ngày tận thế.

Lịch sử Gitans cũng hết sức mờ mờ, người ta chưa hiểu rõ «sắc dân» và tập tục truyền thống Gitans vì sao mà có. Nhưng người ta chỉ biết rằng họ chính gốc Tây-Ban-Nha ở chỗ da bánh mặt ngăm đen, mắt đồng thau nhìn hau hau và mũi dài nhưng quắp vào.

Gitans có ngôn ngữ riêng và đặc biệt có một nền Vũ-Nhạc độc đáo... Như dân da đen ở Mỹ có các bản Thánh-Ca hay không gì bằng, âm thanh tiết điệu thế thiết vì số phận hẩm hiu, ý nhạc bao hàm sự cam chịu không trước con người mà trước Chúa, nhưng vẫn chất chứa nguyện vọng ngẩng mặt lên, dân Gitans có một nền Vũ đặc sắc mà nhịp điệu, động tác chứa đựng một sự sắp nổi loạn thường trực, một sự cuồng uất muốn phá hết tất cả để tạo một cái gì mới nhưng chưa dám làm và làm không nổi.

Chính Vũ-diệu, các vũ điệu Gitans này, có âm nhạc khâu cầm và Tây Ban Cầm phụ xướng là nền tảng, là biểu hiệu cho sự sống, cho tinh thần Gitans mà các vũ điệu này càng ngày càng ảnh hưởng mạnh tới thế giới văn minh, lẫn át hẳn những vũ điệu xưa, rất « văn hóa », nhưng ngày nay đã mất hết sinh khí, mất hết lý do sống còn trước một thế giới mới của những con người mới không bao giờ bình yên và mạnh khỏe. Các vũ điệu Gitans ấy, âm nhạc ấy là tất cả của người Gitans !

Đàn bà mặc áo cổ hở rộng, tay rộng cột chặt ở khuỷu, vòng tay đeo rất nhiều vòng, chân cũng rất nhiều và hai tai đeo hai chiếc vòng rất lớn, tóc rất dày, đen mượt, để dài ngang lưng và rối loạn, man dại, khiêu khích. Lối tóc đàn bà Gitans này, thế giới văn minh cũng bắt chước, điển hình là cô đào độc đáo B. B. và có hàng triệu cô theo B. B. khắp thế giới.

— Đàn ông đội khăn đầu riều hải tặc ngày xưa. Mặc cũng thế; áo ngắn rộng tay để hở bộ ngực lông lá « xam »

chàm, tay rộng và ngắn, một tai đeo chiếc khuyên nhỏ, thắt lưng rất to bản để giữ chiếc quần dài chặt. Đi chân đất hoặc dày mỏng gót, ở hai cườm tay cột hai vòng da (để đỡ dao chém). Rất tài nghề bắn súng tay, ném dao găm, bắn cung. Mắt đồng thau nhìn thiên hạ hau háu, liếc rất nhanh.

Đây là dân Gitans, dân Gitans mà thế giới văn minh rất khinh thị nhưng lại chịu ảnh hưởng của nghệ thuật Gitans qua Vũ và Nhạc. Không có Vũ, Nhạc đó, không còn Gitans nữa. Mà Vũ, nhạc ấy xuất hiện và tồn tại được cùng với đời sống lang bang, phiêu lưu và không lương thiện ấy lại xuất phát từ văn đề Tôn-giáo mà ra. Có thể nói thêm rằng dân Gitans, đời sống Gitans, Vũ Nhạc Gitans sẽ mất hết nếu không có Tôn-Giáo mà người Gitans « phục vụ » : Đó là một điểm, một điều đặc biệt của Thiên Chúa Giáo :

Nữ Chúa Sara !

Dân Gitans có cổ lệ, hàng năm vào các ngày 24, 25 tháng 5 và vào tháng 10, đổ về một hải cảng nhỏ ở ven Địa Trung Hải: cảng Saintes-Maries, nơi

mà sau ngày Chúa lên trời, thánh Lazare và các nữ thánh Maydeleine, Marthe và mấy người chị em của Đức Mẹ : Marie-Jacobée, Marie Salomé cùng người tớ gái Sara tóc đen dài, da bánh mật và Maximin, Marcelle đổ bộ sau một hải trình rất dài. Người Gitans thờ phụng Sara vì tóc đen mượt dài rối loạn và nước da bánh mật của nàng, tôn nàng lên làm Nữ Chúa.

Từ khuya, dân Gitans đã tụ hợp. Múa, Hát và Họ truyền dạy cho nhau các Vũ Điệu, nhạc-khúc để chờ lúc mờ sáng, người ta đem « di thánh thể » của nàng Sara từ lòng một ngôi nhà nguyện để rồi lại hạ xuống nền bàn thờ Thánh Đường. Chính lúc « hôm » đựng « di thể » của các nữ thánh Marie bà con Đức Mẹ và di thể Nữ Chúa Sara xuất hiện, người Gitans trông như là những kẻ điên loạn, giao cảm với Nữ Chúa Sara. Lúc hôm Nữ Chúa Sara đền ngang tầm mắt là người Gitans biểu lộ hết con người của họ họ, nhảy lên, nhào vào ôm hôn hôn, lăn trên hôn,

Đoàn Gitans đi lang-thang khắp Âu-Châu, sống vất-va vất-vường, không cửa không nhà, ngủ màn trời chiếu đất, ăn xó chợ đầu đường, nhưng luôn luôn dưới sự chỉ-huy của một Hoàng-hậu do họ tôn lên mà tất cả đều phải tuân-lệnh. Đây MIMI ROSETTO, 65 tuổi, Hoàng-hậu Gitane ..



la hét, khóc lóc thảm thiết... giữa tiếng hát Thánh Ca của các hàng giáo phẩm, tu sĩ Thiên Chúa Giáo..

Thánh Lễ nửa đêm ở Thánh đường Saintes Maries được dành riêng cho dân Gitans, Người đạo Thiên Chúa không được dự: giáo sĩ Thiên Chúa Giáo cử Thánh lễ cho dân ngoại đạo dự mà dự một cách đặc biệt; trong nhà thờ ngói ngồn ngang, không thứ tự, trẻ em cũng nằm ngủ ngồn ngang... dưới bàn thờ... Cha Xứ cứ làm lễ và lúc quan hệ nhất là lúc Thê; Cha quay xuống cử Tạ, nhìn họ triu mến và cất tiếng kêu gọi:

« Các bạn Gitans thân mến! » rồi Cha nhắc, giảng một ít về đạo, giảng cho dân Gitans hiểu rằng dù họ không là đạo Thiên Chúa cũng vẫn được Chúa Jésus cứu rỗi linh hồn.

Sáng mai lại Lễ nữa. Lễ này do chính Đức Cha địa phận Aix dự. Thánh Lễ lại cử hành, đặc biệt là một phụ nữ Gitans lại hô khẩu hiệu « Vạn tuê Nữ Chúa Sara! » có hàng nghìn người hô theo. Rồi vỗ tay, hoan hô, Nhạc, Thánh Ca.

Xong lễ, dưới sự chủ tọa của Đức Cha, dân Gitans rước di thể thánh Sara trên vai 4 chàng Gitans lực lưỡng, có đoàn hộ tòng gồm các người kỵ mã Carmague và các cô thiếu nữ Arlesienne áo quần rực rỡ. Đám rước đi từ nhà thờ đến bờ biển do Đức Cha và các hàng Giáo phẩm dẫn đầu.

Ở bờ biển đã có sẵn một chiếc thuyền kết hoa lá. Đức Giám Mục Aix ngồi vào chỗ danh dự trong thuyền, di thể « Nữ Chúa Sara » và các nàng Maries được treo là là trên mặt nước, đúng chỗ các Ngai đồ bộ ngày xưa!

Chính lúc ấy, dân Gitans mở đại tiệc trong khắp các xe, các lều của họ: con gái ăn mặc diêm-dúa, mang hết đồ trang sức vào người, đội bình nước trên đầu chạy đi chạy lại tung tăng, tóc bay phất phơ, đàn ông nằm hay ngồi dài trên cỏ, uống rượu... rồi múa hát.

Buổi chiều, lại lễ rước di thể về, treo trên cửa sổ cao nhất của Thánh-đường. Đêm là mở hội: nhảy múa, hát, bắn súng và đánh bạc suốt đêm ngoài trời từ Thánh đường cho đến bãi biển.

Chính trong những ngày lễ này, dân Gitans mới tụ họp được với nhau, làm quen nhau và nhiều đám cưới hỏi được tổ chức sau ngày lễ... Chính trong những ngày lễ này, họ mới sáng tác ra những vũ điệu của họ, những bản nhạc của họ biểu thị sự thèm khát một đời sống tinh thần, những ước nguyện sinh sống yên ổn không bao giờ có, khiến cho vũ điệu của họ nói lên sự quờ quạng, sự bơ vơ, sự uất ức đã nhập « thần », sự khát khao tôn giáo mà thực-tê họ chưa « có » được và trở thành đau khổ

triền miên, nghĩa là không có ngày lễ này là không còn Gitans nữa.

Xong lễ, ngày mai họ lại rút lều, đánh xe lẳng lẳng bỏ đi lúc dân chài ở Saintes Maries còn ngủ, bỏ đi để lại phân tán quanh vùng Bắc Tây-Ban-Nha, vùng Nam Pháp-quốc, dựa vào núi Pyrénées rộng lớn, hoang vu và hiểm-trở, sông lang-thang, khốn nạn, kiếp này sang kiếp khác, ăn cắp... coi bói, và nhảy múa quanh đồng lửa lúc đêm khuya.



★ TÔI LÀ NGƯỜI HẦU PHÒNG ÔNG ẤY

Ngày xưa Honoré de Balzac bị nợ như Chúa chồm. Tuy thế ông cứ quen thói bốc trời.

H de Balzac nhờ người đến mượn một căn phòng rất đẹp ở công-trường Opéra gần Balignolles.

Một hôm có người đến thăm, thấy căn phòng của Balzac trang hoàng lộng lẫy, bèn hỏi:

— Căn phòng này chắc chủ đòi giá cao lắm...

Balzac trả lời:

— Chẳng những hắn đòi giá cao mà thôi, ngày nào hắn cũng đến đòi...

— Và ông trả lời thế nào?

— Tôi bảo ông Balzac đi du-lịch chưa về, và tôi chỉ là người hầu-phòng của ông ấy.

P. C.

★ thì thầm ★

cô đơn hơn tỉnh vật
buồn đen hơn lao tù
làn khói cay vào mắt
khi đălạt vào thu

lời nhiều làm sao nói ?
nơi này ai có nghe ?
nhìn quanh mình trơ trọi
núi đồi sương mờ che

mưa bụi bay ngoài phố
trong lòng mưa bụi bay
(cao nguyên đêm mưa nhỏ
vào lòng mình trưa nay)

cũng rồi thôi sách vở
cũng rồi thôi một ngày
đơn côi ra đi nữa
nhớ thương thành phố .học này

em thời gian đại học
xin nhẹ bước dừng qua
mình buồn hơn tiếng khóc
nhưng xin buồn dừng qua

★ MY-SƠN
(Đại-Học Đalat)
Thu 1963

★ ★ mưa đêm ★ ★

Gió gào trên mái lá,
Mưa đua chạy mái đường.
Những thuyền xe vội vã
Lướt sóng về hai phương.

Khách ngồi co mặt ghế,
Từng ly lên vành môi.
Nước mưa vồn chân kẻ,
Lá, giấy bập bênh trôi.

Em bơ vơ mặt nước,
Da trắng cuốn quần đen.
Màu môi nhạt son đỏ,
Mắt ngủ chưa đã thêm.

Buồn mưa chiều thứ bảy,
Lướt đần khít không gian.
Ta say ? Đèn run rẩy ?
Sầu hay nhớ miên man ?

★ HOÀNG-THẮNG
(21.9.63)

lệ thu buồn
rơi... rơi...

Gửi Hà-Thủy-Liên-Châu
Nhị C-11 N.B.T.

Mùa Thu sang điệu-vợ,
Heo may về mơn man,
Lá vàng mừng khai hội,
Hương thu tỏa dịu dàng,

Sương thu giăng bằng bạc,
Trăng thu chiếu mơ màng,
Khói mùa thu xanh nhạt,
Hồn thu sâu mang mang.

Mưa thu buồn hiu hắt,
Nắng thu vàng loang loang,
Mây thu xanh xanh ngắt,
Lệ thu vương bằng-hoàng.

Thu về nơi quan ải.
Thu tràn chốn sơn khê.
Nghe lòng vương tê-tái.
Mây sầu thu lê thê

Chiều thu nào gặp gỡ ?
Chiều thu nào ly-bôi ?
Thu đem về thương nhớ
Lệ thu buồn rơi .. rơi...

★ NGỌC-HÀN



Gió yêu điệu lùa qua khung cửa sổ,
Mang theo hồn trời rộng biển rừng xanh.
Em đừng đó mỗi chiều trời rạn vỡ,
Chết nửa hồn với niềm nhớ thương anh.

Bản nhạc buồn như lời ru người mẹ,
Đổ dành con thương tuổi trẻ xanh xao.
Em ngồi đó nghe cuộc đời kẻ lẻ,
Nhìn người đi dưới cuộc sống thương đau.

Rời nhạc trường quay nhịp đời nao động
Mỗi đêm về em tựa cửa trông anh,
Chờ đợi mãi một ngày anh về trận...
Linh cảm trong hồn... có sự không lành.

Và anh chết ! Trời cao rừng ời gió !
Phòng khuya sầu em góp hận ngàn phương,
Bờ vực thăm chừ cũng khung cửa đó.
(Mà ngày xưa là khung cửa yêu đương !)

Vòng địa ngục vòng tay người tội lỗi,
Con Người không tên đã giết muôn người.
Em ngủ xuống, hồn theo anh trôi nổi,
Còn tâm thần xin trả lại đời thôi.
Anh ơi anh ! Vòng tay siết con Ngươi ơi !

lời người ca nữ

★ HOÀNG-THỊ BÍCH-NI
(Quảng-Nam)



Những bí - mật trong thế-chiến thứ II

★ Thiếu-Sơn

● CON HEO ĐÃ QUA ● MẶT TRẬN PHÍA TÂY

SAU khi Hitler xua quân đánh Ba-Lan chiếm một nửa và chia cho Nga một nửa vào tháng 9 năm 1939 mặt trận phía Tây vẫn y-nhiên bất động. Trong khi đó Nga đánh Phần-Lan, Đức chiếm Đan-Mạch và Na-Uy.

Thời gian đã kéo dài suốt 8 tháng. Pháp có ngày giờ đề tồ-chức kháng-chiến. Nhưng sống hoài trong tình - trạng báo - động, quân-đội Pháp mất nhuệ-khí bộn-

NGÀY 10-5 TỪ 300 TỚI 400 PHI-CƠ BỊ PHÁ HỦY TRÊN 72
PHI-TRƯỜNG, NGÀY 11-5, 250 CHIẾC, NGÀY 12-5, 100 CHIẾC

NHỮNG BÍ MẬT TRONG THẾ CHIẾN THỨ HAI

bàng, mặc dù các chứng bệnh: chủ - quan, bất - cần, thiếu cảnh-giác và thiếu cả tinh-thần chiến - đấu.

Mỗi lần có báo-động là mỗi lần chánh-phủ nhảy nhồm, bộ tham-mưu luyễn-quynh, quân-đội được lệnh chuẩn-bị, báo-chí thi-đua nói dóc, nhân-dân trợn-rợn ít lâu rồi dàu lại vào đó.

Thật ra thì Hitler 12 lần ra lệnh tấn-công nhưng 11 lần đã thu-hồi lệnh đó lại.

Lần ra lệnh thứ 12 nhằm ngày 10 tháng 5 năm 1940.

Ngày 3-5 năm đó Tướng Oster chống Hitler nhưng còn nằm trong hàng ngũ Đức đã tiết-lộ với Đại-tá Sas, tùy-viên quân-sự Hòa-Lan ở Bá - Linh rằng cuộc tổng tấn-công sẽ trù-tính vào ngày 10-5.

Ngày 9-5 Oster còn nói thêm : « Con heo đã đi qua mặt trận phía Tây ».

Con heo là ám-chỉ Hitler. Liên khi đó Tùy-viên quân-sự Hòa-Lan báo tin cho tùy - viên Quân - sự Bỉ và kêu điện - thoại về nước bằng mật - mã : « Sáng mai hừng đông, chuẩn bị. »

Lúc này Paul Reynaud đã lên thay thế cho Daladier làm thủ-tướng ở Pháp. Paul Reynaud muốn thay Tổng-tư-lệnh cho rằng

Đại-Tướng Gamelin không đủ khả-năng. Đại-trưởng đã thảo đơn từ-chức. Quốc-Hội đã trù-tính một cuộc tranh-luận về vụ này.

Thình-lình ngày 10-5 quân Đức tấn công vào hừng đông.

Paul Reynaud tạm đình-chỉ vụ này và viết cho Tướng Gamelin :

« Thưa Đại-Tướng, trận đánh đã bắt đầu. Chỉ có một điều đáng kể là chiến-thắng. Cả hai ta đều làm việc đó với một tâm hồn như nhau. »

Thế là khi bắt đầu cuộc giao-tranh Tổng Tư-Lệnh Pháp đã ở vào một tình thế nghịch-thường. Ông xin từ chức mà còn được hưởng án treo.

Sự bất-hòa giữa Thủ - tướng chánh-phủ và Tổng-tư-lệnh quân-đội là một điều tối-kỵ trong việc cầm binh.

Nhưng nước Pháp lúc đó còn bê-bối về đủ mặt và đã có đầy đủ yếu-tố đề...thua.

PHÁP KÊU CỨU

Mặt trận Pháp ở Bắc và Đông-Bắc chia làm 3 khu vực :

Ở phía Nam có chiến-lũy Maginot dài 140 cây số, ở phía Bắc có đồng bằng của nước Bỉ. Giữa hai khu-vực có vùng núi Ardenes mà trước đây thống-chế Pétain đã tuyên-bố là bất-khả xâm-

phạm và không cho xây cất công-sự để tiếp nối với chiến-lũy Maginot.

Ngoài quân-đội trú-phòng ở các chiến - lũy, quân - đội Pháp có 78 sư-đoàn trong đó có 67 sư-đoàn bộ binh. Ngoài ra còn có 10 sư-đoàn quân Anh và 1 sư-đoàn Ba-Lan. Quân trừ-bị chỉ được 1 phần tư quân tại ngũ.

Bên kia Đức huy-động 190 sư-đoàn trong đó có 140 sư-đoàn giàn ra ở biên giới 3 nước Bỉ, Hòa-Lan và Pháp. Ngoài ra họ còn có 10 sư đoàn thiết-giáp.

Về không-lực Pháp có : 420 khu-trục-cơ kiểu mới và 150 phi-cơ Anh có căn-cứ ở Pháp. Ngoài ra Pháp có 31 oanh-tạc-cơ kiểu mới với 32 oanh-tạc-cơ Anh. Thế là Pháp có tất cả 633 phi-cơ kiểu mới cả khu-trục lẫn oanh-tạc. Ấy là chưa kể 192 chiếc kiểu cũ đã lỗi-thời.

Đối lại không-lực Đức có 1.500 khu-trục-cơ và 3.000 oanh tạc-cơ kiểu tối-tấn, tổng-cộng là 4.500 chiếc chưa kể những máy bay liên-lạc và hộ-trợ.

Trương - quan lực - lượng về không-quân giữa hai bên thật là hết sức nghiêm-trọng.

Bộ Tham-mưu Pháp nhiều lần

bị báo động xí gát thét rồi tới khi có báo động thiết cũng không thêm tin. Ngày 9/5 Tướng Huntziger ở khu-vực Sedan còn mở tại Hành-dinh một bữa trình-diễn văn-ngệ và đã mời tới dự những vị thượng-khách ở Ba-Lê.

Ngày 10/5, cuộc tấn-công mở màn hồi 3 giờ sáng bằng những cuộc oanh-tạc bằng phi-cơ xuống những hải-cảng, thiết-lộ, phi-trường và những trục giao-thông ở ba nước Bỉ, Hòa-Lan và Pháp.

Nước Bỉ có 180 phi-cơ mà ngay đêm đầu đã bị tiêu-hủy mất phân nửa ở ngay trên mặt đất.

Theo một tờ báo Đức thì nội trong 3 ngày đầu 3 nước nói trên đã tổn-thất như sau :

« Ngày 10/5 từ 300 đến 400 phi-cơ bị phá-hủy trên 72 phi-trường. Ngày 11/5, 250 chiếc. Ngày 12/5, 100 chiếc. Tất-cả bộ máy chỉ huy của địch đã bị tê-liệt ».

Ngày 10-5, hồi 6 giờ 30 sáng Tổng Tư Lệnh Pháp nhận được lời kêu cứu của chánh-phủ Bỉ. Ông đã có sẵn kế-hoạch điều-động quân tiếp-viện cho hai nước Bỉ và Hòa-Lan. Ông tính rằng ít nhất họ cũng cầm-cự và giữ vững mặt trận được 5 ngày ; đủ ngày giờ cho quân Pháp qua tới để tăng

cường sự phòng-thủ đáng bảo-vệ họ và bảo-vệ luôn biên-giới của Pháp.

Ông sợ nhứt một cuộc tao-ngộ chiến (bataille de rencontre). Nhưng sợ mà cũng không tránh khỏi. Chỉ nội trong ngày đầu cuộc tấn-công của Đức đã làm tan-rã tiền-tuyến của quân Bỉ. Còn ở Hòa-Lan thì đạo quân thứ năm được tổ-chức ở trong nước hay thả dù xuống mặc sức tung-hoành.

Khi quân đội Pháp lục-đục kéo tới thì quân - đội Hitler đã tràn đồng khắp nơi và rốt cuộc cũng không tránh được một cuộc tao-ngộ chiến. Mà tao-ngộ trong những điều-kiện đó thì nhứt định phải thua.

Vậy mà báo Le Temps ra ngày 11-5 còn viết :

« Không nghi ngờ rằng chiến-tranh càng ngày càng có bộ mặt tuyệt-vọng về phía Hitler. Hitler và chế-độ của hắn đánh một canh bạc cầu-ân ».

Tổng Tư-lệnh Pháp ra nhứt-lệnh :

« Cuộc tấn-công mà chúng ta đã chờ đợi từ tháng 10 năm ngoái đã khởi sự sáng nay.

Nước Đức quyết tử-chiến với chúng ta. Nước Pháp và các bạn đồng-minh phải đề - cao những danh - từ : Anh - dũng, cương -

quyết và tin-tưởng.

Trước đây 24 năm, Thống-chế Pétain đã nói : « Ta sẽ nắm được họ ».

Và sau đây là nhứt - lệnh của Hitler :

« Quân-sĩ ở mặt trận phía Tây, giờ của các anh đã tới. Trận đánh bắt đầu hôm nay sẽ quyết-định vận-mạng của dân-tộc Đức cho ngàn năm sẽ tới. Các anh hãy làm nhiệm-vụ của các anh. Dân-tộc Đức luôn luôn ủng-hộ các anh ».

Bộ Tư-lệnh Pháp đã gọi phân nửa lực-lượng của mình qua cứu Bỉ mà cứu không kịp.

Ngày 15-5, quân-đội Hòa-Lan đầu hàng.

Ngày 28-5, Vua Bỉ cũng xin hàng.

Trước những ngày đó viện-binh Pháp đã tổn - thất nặng - nề trong những cuộc đụng độ với lực-lượng cơ-giới của Hitler.

Sau những ngày đó họ lật đặt rút lui không trật-tự.

Pháp đã thảm-bại ở màn đầu.

Vậy mà báo-chí Pháp còn tự-cao, tự-đại, khinh-địch, chủ-quan và lạc-quan tếu.

Ngày 12-5 báo Le Journal viết : « Hành-động của Hitler là một hành-động điên-cường ».

Cũng ngày đó báo L'Epoque viết : « Phải, tên Hitler nó tấn công ta là một Hitler mà tất cả mọi kế-hoạch đều tan ra từng mảnh, mà chiến-lược đã bị đảo lộn toi bời ».

Báo L'Action Française viết :

« Chiến-tranh cân-não đã chấm dứt. Chiến - tranh khác đã bắt đầu. Bọn Đức tưởng rằng chúng có thể làm cho chúng ta điên đầu khi chúng đánh thức chúng ta dậy sau 8 tháng ngủ vùi. Chúng đã làm to. Vấn-đề tinh - thần đã được giải - quyết. Quân-đội phẫn-khởi, xung-phong trong một cuộc vận động chiến. Tất cả nước đã thấy trước sự thắng trận đều reo lên : « Rồi ».

Kể ở xa mặt trận thì reo hò láo-khoét nhưng người lâm trận lại đau khổ và uất-hận vô-cùng. Một đại-úy đã rạch bụng tự-sát để phản-đối chánh-phủ và bộ tư-lệnh không trang-bị cho quân lính đầy đủ đề đương đầu với một kẻ thù lợi hại.

Trước khi chết ông đã viết những lời này gởi cho Thủ-Tướng Paul Reynaud :

« Thưa Thủ-Tướng, tôi tự-sát để cho ông hay rằng tất cả quân lính của tôi đều anh dũng. Nhưng

người ta không được đưa họ ra trận với súng trường để cự lại chiến xa. »

Chính Đại-tướng Blenhard đã nghĩ tới binh-lính của ông khi ông viết :

« Tôi tưởng rằng còn nghe thấy tiếng các anh khi không-quân địch bay liệng trên đầu các anh, khi những trận oanh-tạc làm rung chuyển toàn thân các anh và lần lần phá hoại cả nghị-lực lẫn ý-chí của các anh. Khi ngó lên bầu trời thù - nghịch các anh đã rú lên một cách sợ hãi : « Nhưng phi-công của ta làm gì, kìa ! » Can-dảm không phải là tất cả ngay trong chiến-tranh và không bù đắp được sự sút kém về quân-số tới một mức nào trừ phi nếu địch cũng thiếu tinh-thần và thiếu giá-trị về dụng-cụ. Nhưng sự thật lại không phải vậy. »

Ngày 15-5. Thủ-tướng Reynaud gởi cho Thủ-tướng Churchill bức điện-văn như sau :

« Chúng tôi đã thất trận chiều hôm qua. Đờ-ông tới Ba-Lê đã mở. Gởi cho chúng tôi tất cả phi-cơ và quân-đội mà ông có thể có. »



SINH

TRAI

SINH

GÁI

CON ĐỂ

GIỐNG

AI ?

(Thân mến tặng anh chị Vọng với lòng ước mong một cô út như mì)

★ Võ-quang-Yến

BÊN Mỹ, một gia đình nọ, vào khoảng cuối thế kỷ 17, tính ra trong mười đại, có tất cả 35 đứa mà đã 33 đứa trai. Một trường hợp khác còn được đáng chú ý hơn : một gia đình khác ở Nancy (Pháp), chỉ trong ba đại có đến 72 đứa con toàn là gái ! Đây là những thí-dụ lớn

lao mà những nhà khảo cứu đã nêu ra trong sách báo. Xung quanh ta còn có biết bao nhiêu trường hợp còn con : có gia đình đông con trai muốn có một cô út để cưng chiều, có gia đình toàn gái chỉ ước mong một mống trai để sau này chăm nom hương khói,... có khi ăn chay năm dất, cầu khẩn khắp nơi mà chẳng được như ý muốn. Xoay về phía khoa-học, khoa-học hiện

SINH TRAI SINH GÁI

nay cũng phải lắc đầu: khoa học không trả lời được TẠI SAO nhưng đã hiểu được hiện tượng đã xảy ra như THẾ NÀO.

● 46 nhiễm sắc thể trong tất cả các tế bào của loài người

Khi tinh trùng của người đàn ông xông vào phôi châu của đàn bà, liền cùng nhau hợp lại thành trứng. Cái trứng còn con này là tế bào đầu tiên của cơ thể, dù chỉ là một bộ phận có cấu tạo rất giản dị, cũng đã được xác định thuộc về phái nam hay nữ.

Đếm mỗi một tinh trùng, ta sẽ thấy ở trong có một cái nhân. Trong nhân có 23 sợi giây tơ, hình thù khác nhau, hoặc giống những chiếc gậy tí hon, hoặc giống những dấu phẩy hay vòng ngoặc. Muốn nhìn được rõ trong kính hiển vi những sợi giây tơ này, người ta phải đem nhuộm chúng nên từ đấy đặt tên là nhiễm sắc thể (người Âu Mỹ gọi là chromosome do danh từ Hy-lạp Chromos, nghĩa là màu sắc, mà lại). Vậy thì tinh trùng có 23 nhiễm sắc thể. Đáng khác, nếu đem mỗi một phôi châu thì cũng thấy có 23 nhiễm sắc thể. Khi tinh trùng và phôi châu hợp lại thành trứng, 23 nhiễm sắc thể của mỗi bên gặp nhau lại thành 23 đôi. Vậy chiếc trứng

đầu tiên của cơ thể đã có 46 nhiễm sắc thể. Dần dần tế bào chia ra làm 2, làm 4, làm 8,.... sinh sôi nảy nở, các nhiễm sắc thể như một sợi giây tơ cũng tách đôi ra ở mỗi giai đoạn thành thử trong tế bào đứa bé và trong tế bào cả con người sau này, lúc nào người ta cũng đếm có 46 nhiễm sắc thể. Sự chuyển đi 46 nhiễm sắc thể từ tế bào này qua tế bào khác chỉ gặp một ngoại lệ là khi người trưởng thành chế tạo ra tinh trùng hay phôi châu. Như đã thấy, tinh trùng và phôi châu chỉ có 23 nhiễm sắc thể mà thôi để khi hợp lại thành trứng, số nhiễm sắc thể lên đúng 46.

● Người đàn ông định đoạt phái nam hay nữ cho đứa con

Tính cách chỉ định phái nam hay nữ thuộc hoàn toàn về các nhiễm sắc thể, đặc biệt thuộc về một đôi gọi là nhiễm sắc thể tính phái.

Trong chiếc trứng sau này phát sinh ra con gái, đôi nhiễm sắc thể tính phái gồm có hai phần hoàn toàn giống nhau, gọi là các nhiễm sắc thể X. Trong tất cả các tế bào của phái phụ nữ, các nhiễm sắc thể đều thuộc về loại X.

Trong chiếc trứng sau này phát sinh ra con trai, cũng như trong tất cả các tế bào của phái nam



nhì, hai phần của đôi nhiễm sắc thể khác nhau: một phần lớn, cỡ 4 - 5 micron (micron: một phần ngàn milimet), giống ở phái phụ-nữ, là nhiễm sắc thể X; một phần nhỏ hơn, kích thước không quá 1,5 micron, gọi là nhiễm sắc thể Y.

Ta đã thấy ở trên, tinh trùng và phôi châu chỉ có một phần nửa số nhiễm sắc thể trong tế bào thông thường. Vậy khi chế tạo, những cặp nhiễm sắc thể phải chia đôi. Bên phần phôi châu, vì phái phụ nữ chỉ có toàn là nhiễm sắc thể X, nên

khi chia đôi, phần châu nào cũng có nhiễm sắc thể X. Bên phía tinh trùng thì khác: vì người đàn ông có hai loại nhiễm sắc thể nên khi chia đôi, có tinh trùng mang nhiễm sắc thể X, có tinh trùng lại mang nhiễm sắc thể Y. Thấy rõ như vậy, ta hiểu ngay lúc thụ thai, tùy theo tinh trùng mà đứa con sau này sẽ là trai hay gái. Nếu tinh trùng mang nhiễm sắc thể X, hợp với phôi châu có nhiễm sắc thể X, trứng sẽ có hai nhiễm sắc thể X, đứa con là gái. Trái lại, tinh trùng mang nhiễm sắc thể Y làm với phôi châu thành trứng có hai nhiễm sắc thể X và Y khác nhau, tất nhiên đứa con phải là trai.

Như vậy chẳng ai chối cãi được chính tinh trùng hay người đàn ông đã chỉ định phái nam hay nữ cho đứa con. Chuyện ông vua Farouk xứ Ai-cập được ly dị vì tòa án đã đổ tội cho bà vợ chỉ biết sinh con gái mà thôi đã làm phì cười biết bao nhà khoa-học.

● Người đàn bà cũng chẳng tránh được khỏi trách nhiệm

Nhưng khoan vội đổ tội cho phái mày râu vì nếu tinh trùng chỉ định phái đứa con sau này, người đàn ông không làm sao bắt buộc được tinh trùng này

hay tinh trùng kia xông vào phối châu để thụ thai. Vận mệnh của đứa con hoàn toàn thuộc về ngẫu nhiên.

Theo lý thuyết, xác suất sinh con trai và con gái bằng nhau như khi ta đánh chắn lẻ. Thật ra, theo thống kê, số con trai tương đối có phần lấn hơn, chừng 5%. Nhận xét số thai con trai bị sỡ lớn hơn số thai con gái, người ta tính ra số thai con trai được thụ lớn hơn số thai con gái theo tỷ số 120/100. Như vậy, tính chất cân bằng giữa hai phái nam và nữ do hai yếu tố tác dụng trái ngược nhau mà ra. Bây giờ hỏi vì sao số thai con trai được thụ lớn hơn số thai con gái, khoa học chưa biết trả lời được rõ ràng. Như tưởng những tinh trùng có nhiễm sắc thể Y dài dẳng hơn tinh trùng có nhiễm sắc thể X, nhưng đây là một giả thuyết chưa được khoa học chứng minh.

Trong môn phân giải thống kê, người ta cũng chưa chứng tỏ được bẩm tính sinh trai hay gái ở nhiều gia đình. Những gia đình chỉ có toàn con trai hay toàn con gái là những trường hợp khó giải đã được đặt ra cho các nhà sinh vật học. Trong trường hợp nhiều con trai,

người ta có thể tưởng tượng một yếu tố di truyền trong nhiễm sắc thể Y đã ngăn ở sự sinh thành nhiễm sắc thể X. Trong những gia đình nhiều con gái, trái lại, phải thừa nhận nguyên do là từ bên phía người đàn bà. Người ta có thể đặt giả thuyết phối châu, vì một duyên cớ gì, không chịu nhận tinh trùng có nhiễm sắc thể Y, hay đã nhận vào rồi mà lại tiết ra một chất độc nên nhiễm sắc thể này không sống được nữa... Người ta đề ý trong gia đình ở Nancy có 72 đứa con gái, có tất cả 15 ông chồng không bà con gì với nhau: dù muốn dù không phải nhận rằng tính chất sản xuất toàn con gái là nguyên do tại các bà mẹ.

● Những hạt di truyền giữ vai trò quan trọng nhất

Ngày trước ARISTOTE cho bà mẹ đã hiến vật chất để làm ra đứa con còn hình thù vóc dáng là từ cha mà lại. Người ta phải đợi những thí nghiệm của linh mục SPALLANZANI người Ý trên cóc và ếch mới quyết định được vai trò của phái nam trong công cuộc thụ thai. Một người Hòa-lan làm nghề bán gạo, LEEUWENHOEK, tò mò nhìn

xem tinh khí trong máy đếm sợi (một thứ kính hiển vi thô sơ) và tìm ra được tinh trùng. Sau đây nhà sinh lý học người Anh, HARWEY, khảo cứu trên gà và khám phá ra được phối thai lúc ban đầu chỉ là một mầm keo. Sau cùng, nhà vật lý học người Đức HERTWIG nhân đi vớt con cầu gai bên đảo Corse thấy được tinh trùng xông vào bao vây phối châu và thụ thành thai, tiết lộ ra được bí mật của cuộc sanh sản.

Không đây một thế kỷ, khoa học tiến rất chóng. Từ tinh trùng phối châu qua nhiễm sắc thể chỉ là một bước. Ngày nay các nhà bác học đều tin chắc nhiễm sắc thể đã gánh vác hoàn toàn trách nhiệm trong cuộc di truyền từ tính phái cho đến các tính chất khác của cơ thể. Hiểu rõ vai trò quan trọng của nhiễm sắc thể trong công cuộc sanh sản, ta có thể bước sâu vào thế giới tí hon của tế bào để nhìn xem tường tận hơn. Nhiễm sắc thể có một cấu tạo rất phức tạp mà mỗi mẫu nhỏ chịu trách nhiệm một công tác phân minh trong cuộc di truyền. Trong động vật cũng như ở loài thảo mộc, người ta đã phân giải thấu đáo để có thể bảo được nhiễm sắc thể nào hay hơn nữa, vùng nào của nhiễm

sắc thể đã định đoạt tính chất gì. Thuyết di truyền theo nhiễm sắc thể cho rằng nhiễm sắc thể gồm có nhiều bộ phận nhỏ đồng nhau, gọi là những hạt di truyền (gène). Những hạt này nhỏ lắm, cỡ milicron (nghĩa là một phần triệu milimet) và không làm sao thấy được dù đem xem với kính hiển vi điện tử. Người ta biết chúng là những phần tử lớn chất đẽo-xyribonucleôprôtêin và do đó chúng sắp thành chuỗi nằm theo chỗ có thứ tự rõ ràng. Chính những hạt này sẽ định đoạt con người cao hay thấp, da trắng hay đen, mũi vòng hay tẹt, ... Và những tính chất di truyền đều chuyển đạt theo những định luật gọi là định luật Mendel.

● Các hạt đậu của MENDEL và các con ruồi của MORGAN

Vào giữa thế kỷ 19, một tu-sĩ người Tiệp-khắc, nhân làm vườn cho pha những giống đậu và tò mò theo dõi kết quả. 50 năm sau, định luật pha giống đậu đã làm tên ông thành bất diệt với thời gian : Johan Gregor MENDEL (1822-1884).

Ông cho pha giống hai loại đậu vỏ nhăn và vỏ láng. Các đậu sinh ra, đại thứ nhất, đều toàn có vỏ láng: Cho pha giống các

hạt đậu đại thứ nhất này với nhau thì lại được một loạt đậu, đại thứ nhì, gồm có 75% hạt vỏ láng và 25% hạt vỏ nhẵn. Các hạt đậu vỏ nhẵn biến mất ở đại thứ nhất lại hiện ra ở đại thứ nhì. Vì sao? Ông MENDEL tự hỏi và tìm một « cái gì » đã chuyển đi từ đại này qua đại khác nhưng có khi bị che lấp. Ở đại thứ nhất, tính chất vỏ nhẵn đã bị một tính chất ưu thắng, tính chất vỏ láng, át mất nên không thấy được. Cuộc khám phá của MENDEL đặt tảng đá đầu tiên làm nền tảng cho môn khảo cứu khoa học thực nghiệm về di truyền tính. Nhưng rồi thay cho MENDEL, cuộc khám phá của ông chẳng được mấy ai đề ý và hưởng ứng nên ông qua đời trong bóng tối.

Vài chục năm sau, một giáo sư người Mỹ, Thomas Hunt MORGAN (1866-1945) lập lại thí nghiệm nhưng không dùng đậu mà là một loại ruồi giấm mắt đỏ (tên khoa-học là *drosophila melanogaster*). Trong số các thú vật sinh sản mau chóng như chuột, bồ câu, rận... ông đã chọn loại ruồi này vì chúng chỉ sống có 12 ngày và trong một năm ông có thể theo dõi được đến 12 đại. Người ta bảo công tác thí nghiệm trên loại ruồi giấm

tương đương với 5.000 năm khảo cứu trên người. Nguyên lúc đầu, ông MORGAN cho bắt ruồi và cho thử đủ thứ, nào dùng điện, nào thay đổi nhiệt độ, nào cho đứng vào các dụng dịch đủ thứ nhưng chẳng thấy có gì thay đổi. Rồi một buổi sáng ông ngạc nhiên tìm thấy một con ruồi mắt trắng giữa đám ruồi mắt đỏ. Bất chước MENDEL, ông cho giao cấu một con đực mắt trắng và một con cái mắt đỏ. 10 ngày sau, 1237 con ruồi ra đời, toàn là mắt đỏ. Cho giao cấu các con ruồi đại thứ nhất này với nhau, 10 ngày sau ông đếm được 3470 con có mắt đỏ và 1150 con có mắt trắng, đúng như khám phá của MENDEL, 75% bên phía có tính chất ưu thắng và 25% bên phía kia. Được kết quả khuyến-khích, MORGAN bỏ tâm lực đầy mạnh cuộc khảo cứu và khám phá ra được tính chất quan trọng của các hạt di truyền trong di sản kế thừa.

● Cuộc khảo cứu các nhóm máu đã cứu được CHARLOT

Hầu hết các đặc tính của con người đều chuyển đạt theo định luật MENDEL-MORGAN, nghĩa là tùy theo hạt di truyền nằm trong nhiễm sắc thể. Thường

người ta chia những đặc tính ra làm hai loại : loại thông thường như tóc, da, mắt, răng, xương, thịt, các nhóm máu, các cơ quan,... và loại bất thường gồm có các bệnh tật và vết chứng.

Như đã thấy, tùy theo những hạt di truyền ưu thắng hay bị lấn áp mà đặc tính hiện ra hay bị che lấp. Có khi đặc tính bị che lấp một, hai đại rồi lại hiện ra. Người ta biết được chẳng hạn mắt, tóc đen lấn áp mắt, tóc màu nhạt. Tai to, mũi rộng, môi trề, cùng lòng mi dài, lông tay rậm là những đặc tính thường chiếm phần ưu thế. Rồi cho phái nam nhi, tóc sớm bạc, đầu chóng sỏi cũng là những tính chất dễ trội. Không gì những đặc tính thể chất, những trí năng, trí giác cũng chuyển đạt theo di truyền. Trí thông minh trước tiên, sau đến trí nhớ, tính ăn nói hoạt bát, nhiều tưởng tượng, biết chú ý, phán đoán, cùng nghị lực, sức mạnh lao động đều có thể thừa hưởng từ ông cha, tuy những đặc tính này còn tùy theo ngoại giới có thể thay đổi ; khai triển hay cản trở. Những tài năng nghệ thuật chỉ có thể di truyền được một phần nào. Cha mẹ có thể truyền cho con năng khiếu và giữ lại cho mình kỹ tài trước cây đàn, tấm tranh nhờ công lao

luyện tập mà đạt được. Như vậy nghĩa là những thí nghiệm cá nhân không thể chuyển đạt theo di truyền. Cũng đáng mừng là những tánh xấu như ghen tuông, keo kiệt cũng không theo di truyền mà để lại cho con cháu.

Bên mặt bệnh tật, vết chứng, người ta chú ý là theo luật MENDEL-MORGAN, nếu cả hai cha mẹ đều mắt cùng bệnh, hay đúng hơn, đều có hạt di truyền có thể gây nên một bệnh giống nhau thì con cái có nhiều xác suất mắt phải bệnh. Vì vậy cuộc hôn nhân giữa những người bà con cùng máu, nhất là ở Âu Mỹ, là một vấn đề tế nhị, nằm trong vòng nguy-hiêm.

Trong các đặc tính di truyền, các nhóm máu cũng đã được khảo cứu nhiều. Người ta đã tùy theo máu của một người có chứa hay không hai chất agglutino-gen và glutinin (có hai chất này trong máu thì các huyết cầu dính lại với nhau) mà đặt tên là nhóm máu A, B, AB hay O. Nhờ tìm được nhóm máu này mà người ta đã tránh được biết bao tai nạn trong các cuộc truyền huyết chỉ vì máu hai người có thể không hợp nhau. Về mặt di truyền những nhóm máu A và B có tính chất ưu thắng còn nhóm O thì luôn bị lấn áp. Nếu

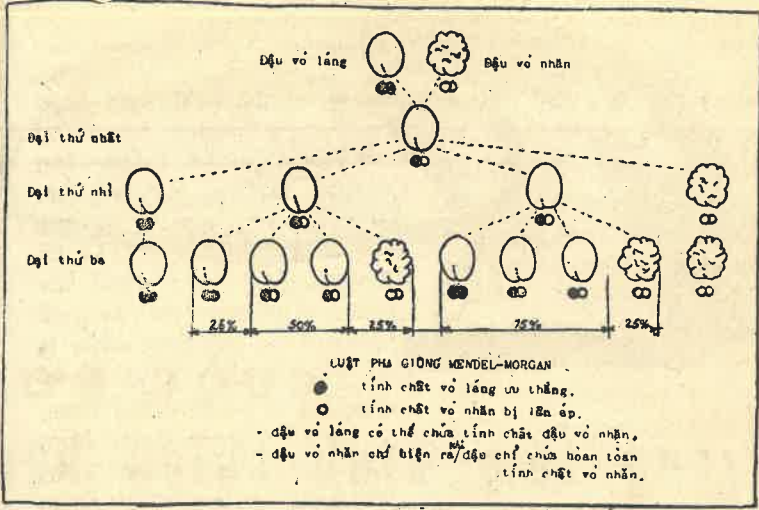
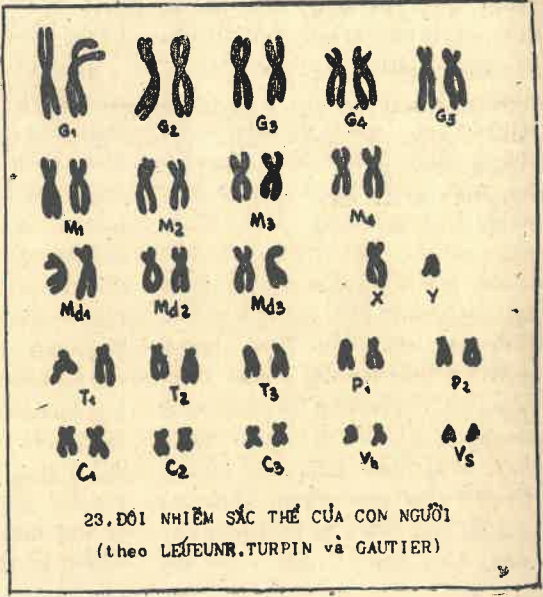
SINH TRAI, SINH GÁI

một người cha có nhóm máu A mà mẹ nhóm O thì tất nhiên cha phải là nhóm A hay AB. Hai vợ chồng có máu nhóm O không thể có con nhóm A hay B, cũng như hai vợ chồng nhóm AB không thể sinh con nhóm O. Cuộc khảo-cứu về máu đã có một ứng dụng bất ngờ ở tòa án : người ta có thể chứng-minh người này không thể là cha người kia (tuy không thể xác định người này là cha người kia). Tài tử danh tiếng Charlie CHAPLIN một lần bị cô đào Joan BARRY vu cáo đã có một con với cô ta. Khám máu, người ta thấy ông ta thuộc nhóm O, cô đào nhóm A và đứa con nhóm B, vậy CHAPLIN không phải là cha (vì ông cha thật sự phải có máu nhóm B hay AB).

● Con sinh trai hay gái, giống cha hay mẹ ?

Ngang đây, với tiến triển khoa học hiện nay, ta đã có thể đưa ra một kết luận rõ ràng : con

sinh ra có thể hoàn toàn khác hẳn cha mẹ. Bà mẹ tuy mang nặng thai nhi hơn 9 tháng cũng không có quyền gì hơn ông cha. Hai anh em cùng cha cùng mẹ cũng vì định luật di truyền có thể hoàn toàn khác nhau. Tuy nhiên một trường hợp đáng đề ý là cặp song đôi thật, nghĩa là sinh cùng trứng. Vì cùng có những hạt di truyền giống nhau, hai người ấy, hay đúng hơn, « hai mẫu của một người » ấy, phải hoàn toàn giống nhau. Ngoài ra những người khác dù bà con ruột cận gần nhau cũng khó lòng giống nhau. Nhà toán



học tính có $256 \cdot 10^{12}$ cách tổ hợp các nhiễm sắc thể, nghĩa là có chừng ấy người khác nhau (10^{12} nghĩa là 12 con số 0).

Đang khác, trai gái chỉ là một trường hợp trong sự ngẫu nhiên điều khiển cuộc di truyền. Hiện nay khoa-học chưa có một phương-pháp gì để gây ra thai

một con trai hay một con gái. Ngày nào có phương cách tách riêng được các tinh trùng mang nhiễm sắc thể X hay Y, hay hiểu biết được tính chất sinh sống của các nhiễm sắc thể ấy, ngày ấy ta mới có thể có hy-vọng điều khiển được lòng mong muốn.

★ HAI LỐI GIẢI QUYẾT

Vợ chồng nhà thông-thái Einstein, một hôm đến viếng Thiên-văn-đài trên núi Polamar ở California. Tại đây, có một viễn-vọng-kính lớn nhất Thế-giới.

Các nhà thiên-văn-học lấy làm hân-hiện đưa bà Einstein đi xem máy móc vĩ-đại và tinh-xảo của đài.

Bà Einstein tha thiết hỏi :

- Những dụng cụ đẹp đẽ này dùng về việc gì ?

- Thưa bà... để giải-quyết những bài toán về vũ-trụ.

Bà Einstein tỏ vẻ ngạc nhiên, nói :

- Thế ư ? ! Các ông phải dùng đến mấy móc phức tạp như thế ư ? Về phần « nhà tôi », ông giải quyết những bài toán về vũ-trụ sau lưng những bao thư cũ.

- ... !

P.C.



CUỘC ĐỜI trong tấm kính chiếu hậu

* Trọng - Tấn

V. — ANH CHẠY XE CHO TÔI, HÈN LẮM !

ÔNG khách đi xe của tôi bữa nay về người rất nhanh nhẹn và hoạt bát. Ông ở trên xe cyclo đạp bước xuống và gọi ngay xe tôi. Ông ta hỏi :

— Anh có tiền lẻ cho tôi mượn 15 đồng trả tiền cyclo rồi lát nữa tính luôn cho tiện.

Tôi móc túi kiểm tiền nhưng cũng lại không có « tiền lẻ ». Tôi đành đưa cho ông « tiền chẵn » vậy : tờ giấy bạc 50 đồng. Ông cầm lấy đưa cho anh phụ

xe cyclo và bỏ luôn món tiền thối lại vào túi đoạn bước lên xe tôi. Ông ta vui vẻ nói chuyện không ngớt. Theo lời tâm sự của ông khách, tôi được biết ông ta là một tay chạy « áp-phe » khét tiếng ở Saigon. Cuộc sống của ông rất thăng trầm ; có những khi, ngày hôm nay ông đang ngồi trên voi, ngày mai ông đã xuống chó rồi. Ông hỏi tôi :

— Anh có chịu đi xe giờ không ?

Tôi đáp :

— Nếu đi theo giá xe giờ, ít ra cũng phải được nửa ngày thì mới bỏ.

Ông đáp :

CUỘC ĐỜI TRONG

— Tôi sẽ đi suốt ngày, nhưng nhiều khi tôi neo lâu lắm — có khi cả giờ — anh không phải lái xe nhiều đâu. Anh cứ đi thử cho tôi một lần, tôi đảm chắc lần sau anh sẽ kiếm tôi cho mà xem.

Vốn dĩ là một kẻ yêu đời và thích nhìn kẻ khác trên những khía cạnh đẹp của họ, tôi cũng cố tin tất cả những lời nói của ông. Ông khách bảo tôi lái xe về phía đường Catinat. Ông bước xuống đi vào nhà hàng Pagode, và bảo tôi neo xe ở một chỗ chờ ông. Đường Catinat đâu phải là chỗ chờ cho bọn tài xế chúng tôi đậu xe chờ khách, vì vậy tôi phải vòng xe ra đường Hai Bà-Trung để đợi khách. Sợ lạc ông nên sau khi đã kiểm được chỗ đậu xe rồi, tôi xuống xe đi lại trước cửa nhà hàng Pagode đứng chờ. Ông khách của tôi quả là hạng người sang trọng. Cứ trông cái dáng ngồi của ông thì đủ biết. Ông có cái phong độ của hạng người quý phái, của các tay đại doanh thương. Nhìn cái cách nhâm nhi tách cà-phê của ông, tôi tự nhủ :

« Ông ta quả có tướng ông chủ bự. Con người này đã không làm gì thì thôi, chứ nếu định làm hẳn phải làm những « áp phe to lắm ! » — Tôi dự đoán như vậy.

Ông khách này quý phái tới quá cả cái mức tưởng tượng của tôi. Với một tách cà-phê đen ông đã ngồi lì trong nhà hàng Pagode đúng 1 giờ 12 phút (Tôi nhìn đồng hồ đeo tay của mình và được biết như vậy). Trên đời này, còn có con người nào sang hơn ông ? Ngồi uống cà-phê mà vẫn neo xe để trả tiền giờ !

Tôi cùng ông khách đi lại chỗ xe đậu. Ông bảo tôi lái xe lại phía đường Hàm-Nghi và ông xuống xe đi vào Hãng Rondon. Độ 15 phút sau ông trở ra, vẻ mặt rất tươi tỉnh. Ông bảo tôi :

— Áp-phe vô rồi ! Kỳ này trúng to. Bữa nay gặp anh sao tôi hên quá.

Tôi cũng lộ vẻ vui mừng lây. Ngồi trên xe ông khách ngằngh cổ ra phía trước hỏi tôi :

— Máy giờ rồi, anh ?

Tôi đáp :

— Mười một giờ rưỡi đúng ! Ông còn đi đâu nữa không ạ ?

— Tôi còn ghé vài chỗ nữa là xong.

Đi những cuộc xe giờ cho ông khách quý này thật là khỏe. Đúng như lời ông nói, tôi chỉ còn phải đưa ông tới vài hãng buôn gần đó nữa thôi chứ không phải chạy đâu xa. Cuối cùng ông đã vào một ngân hàng, tôi đoán

chắc là để lấy tiền.

Khi ông trở ra thì còi 12 giờ vừa hú. Thật là đúng lúc! Tôi sửa soạn đưa ông khách về Phú-Nhuận, nơi ông ở. Tôi chưa kịp ngừng xe thì ông khách đã vội móc bóp. Muốn tỏ cho ông ta biết, mình không phải là một kẻ tham tiền, tôi vội xua tay:

— Đi đâu mà gấp, ông! Để lát nữa tới bến rồi tính toán cũng được.

Ông hỏi tôi:

— Tôi thiếu anh tất cả bao nhiêu?

Tôi trả lời ông khách sộp:

— Ông bắt đầu đi từ lúc 9 giờ; bây giờ là 12 giờ, vị chi là 3 giờ đồng hồ cả thấy. Em tính rẻ ông 25 đồng một giờ, như vậy ông phải trả 75 đồng cộng với số tiền lẻ ông vay năm chục là 125 đồng.

Suy nghĩ một lát, ông khách bỗng nhét bóp vào túi quần rồi bảo tôi:

— À mà thôi! Để tôi còn đi nữa.

Tôi vội nói:

— Nhưng thưa ông trưa rồi, ông cho phép em về ăn cơm, nghỉ trưa.

Ông xua tay:

— Tôi chưa thấy người nào đi xe cho tôi mà lại hèn như anh. Thú thật với anh, tôi hay tin dị đoan lắm. Có lẽ tuổi của anh hợp với tuổi tôi cho nên tôi mới gặp may như thế này. Nội một buổi sáng nay, tôi trúng tới ba bốn cái «áp-phe» to. Tôi muốn anh đi luôn cho tôi cả ngày hôm nay...

— Dạ — tôi đáp — để em về ăn cơm rồi lát nữa sẽ trở lại đón ông!

Ông khách dẫy này:

— Không được, không được! Rồi lát nữa anh không trở lại, có phải là xui cho tôi không. Bây giờ anh theo tôi về nhà ăn cơm luôn, nghỉ trưa ở đó, chiều lại đi nữa. Tôi sẽ tính cả tiền giờ xe neo buổi trưa nay, không để anh thiệt đâu!

Không lẽ đối với một ông khách quá «điệu» như vậy tôi lại nỡ từ chối chẳng hóa ra phụ cả tấm lòng tốt của ông sao, nên tôi đành nhận lời. Tôi đã ăn cơm tại nhà ông buổi trưa hôm đó và nhân dịp ấy tôi được ông kể cho nghe, vì sao sáng nay ông đã bỏ anh cyclo mà đi xe tôi. Ông cho tôi biết:

— Sáng nay, lẽ ra tôi định đi xe cyclo cho khỏe. Cái tính của tôi không thích đi làm «áp-phe»

mà đáng người lại bê bối quá, sợ người ta khi. Tôi thử hỏi anh ngồi nói chuyện với một ông giám đốc hãng lớn mà mồ hôi đổ ra nhễ nhại mặt mũi phờ phạc, áo quần nhàu nát sốc sếch thì họ còn coi mình ra gì nữa. Vì vậy, tôi cẩn thận về vấn đề ăn mặc lắm. Cả những khi đi chuyển, lúc nào tôi cũng muốn giữ một dáng điệu khoan thai. Tôi có xe nhà nhưng vẫn gửi ở ga-ra, chứ có lái bao giờ đâu. Vì lái xe mệt lắm, lúc mình gặp các chủ hãng nói chuyện không có lợi. Thường thường tôi ưa đi cyclo giờ, nhưng sáng nay mới đi được có một lát, anh phu xe lại chợt nhớ ra là tới giờ anh phải đi đón mấy đứa trẻ đi học mà anh lãnh đi tháng. Vì vậy tôi mới phải đổi xe. Tưởng đâu là diêm xấu, ai ngờ được gặp anh lại hèn quá!

Nghe ông khen mình tôi cảm thấy vui vô cùng. Không ngờ cái vía của tôi lại tốt đến như vậy. Ông khách còn hứa với tôi là bắt đầu từ nay, ngày nào ông cũng sẽ đi xe tôi.

Chiều hôm đó, tôi lại lái xe cho ông khách quý của tôi đi chạy «áp-phe». Ông khách của tôi hẳn phải là người giao thiệp rộng rãi, vì tôi thấy ông toàn

đi vào các hãng lớn nhất ở Saigon.

Chiều hôm đó, ông ghé độ bốn năm hãng. Theo lời ông, thì buổi chiều, không có gì đặc biệt lắm, song ông cũng vớ được một vài «áp-phe» nhỏ. Tôi dự tính, nếu cứ cái đà này, nếu có được một thân chủ bảnh như ông để phục vụ thường xuyên thì chẳng mấy chốc, tôi sẽ sắm thêm được chiếc xe khác nữa.

Đã sáu giờ rồi, ông khách vẫn còn bắt tôi đi loanh quanh trên đường phố. Lúc này ông hơi ít neo. Liếc nhìn trong lăm kiếng chiếu hậu, tôi thấy vẻ mặt ông lúc này có vẻ trầm tư quá. Hình như ông đang tính toán trong đầu để giải quyết những công việc làm ăn lớn thì phải.

— Xe chạy ngang qua nhà hàng Thanh-Thế. Đột nhiên tôi nghe có tiếng gọi lớn từ hàng ghế đặt trên vỉa hè:

— Ê, K. say, K. say.

Ông khách cuống quýt vỗ vai tôi:

— Anh ngừng đây đi! Có mấy người bạn gọi tôi. Để tôi ghé đây một chút.

Tôi lượn xe vào bên lề, đỗ ngay gần hàng ghế nhà hàng Thanh-Thế. Mấy người bạn ông

K. say — tôi được biết tên ông nhờ nghe mấy người bạn ông gọi — đang ngồi nhậu nhẹt, cười nói ngả nghiêng. Vừa nhìn thấy ông K. say bước xuống xe, một người trong bọn nói :

— Ê, nhậu mày !

Ông K. say gọi một người ra góc đường nói nhỏ, và vô tình tôi đã nghe rõ những lời đó như sau :

— Tao bị kẹt tiền xe mày ời ! Không ở lại nhậu được đâu, còn phải đi chạy mà chưa kiếm được đồng xu nào cả. Nếu từ giờ tới lát nữa không có, chắc tao phải đi cầm cái bút máy quá. Hay mày có tiền cho tao

vay đỡ mấy « bò » đi.

Tôi chợt hiểu, vì sao ông khách đã phải mượn « tiền lẻ » của tôi để trả tiền cyclo ; vì sao ông đã phải mời tôi ở lại nhà ông dùng bữa cơm trưa và vì sao ông đã phải khen là vĩa tôi hên. Thì ra những « áp-phe » trúng của ông chỉ là những « áp-phe » tưởng tượng cả.

Có lẽ ông khách đã dùng « tiền lẻ » của tôi để uống tách cà-phê sang trọng ở nhà hàng Pagode.

Phước đức cho tôi, là người bạn ông đã cho ông vay tiền để trả tiền xe.



★ ĐÓ LÀ BẢN NHẠC CỦA THẦY

Nhạc-sĩ trứ-danh Arturo Toscanini lúc thiếu thời học đại-vĩ-cầm với giáo-sư Carini.

Carini thấy Toscanini có một trí nhớ phi thường.

Một lần Carini soạn một bản nhạc rất khó và đưa cho Toscanini tấu. Toscanini đánh xong lần đầu, Carini bảo xấp vờ, đánh lại, và Toscanini đánh lại không sai một « nốt ».

Bao năm sau, Toscanini tốt nghiệp ở Đại-học-dương và trở nên một nhạc-sĩ lừng danh trên Thế-giới. Ông trở về thăm thầy cũ và đến ngồi trước chiếc dương-cầm dạo lại khúc đàn xưa.

— Thưa Thầy, Thầy nghe bản nhạc này ra thế nào ?

— Ồ, chẳng hay ho gì cả, Carini trả lời.

— Thưa, đó là bản nhạc xưa và rất khó của Thầy đã sáng

lúc. P. C.



Tiếng Nói của
Gái và Trai
thế-hệ

vài dòng

tâm sự

★ TRẦN THỊ THU-THANH

(22 tuổi, nghề nông, Thường-Đức)

TÔI không phải là một nữ sinh nữa. Nói đến nữ sinh tôi cảm thấy buồn tủi cho cảnh nghèo nàn của mình. Tôi nghỉ học cách đây bốn năm rồi, bốn năm trôi qua, tôi cảm thấy đau lòng và tủi phận ... Nói như thế không phải tôi không học đâu ! Tôi vẫn xem sách, vẫn đọc báo và tìm hiểu nhiều điều hữu-hiệu với đời.

Nhưng với quê hương tôi, một miền quê nằm tận nơi rừng núi,

cách thành phố Hội-an hơn 50 cây số. Gần đây chắc có lẽ quý ông, quý bà và các bạn đã thông-hiểu nơi quê tôi...

đấy mà. Tôi nói như vậy để các bạn thấy báo chí, sách vở nó đến với tôi ra sao, nhất hạng là « Tạp chí Phò Thông » đến tôi ít ra cũng hai mươi ngày là tề. Đến hôm nay tôi vẫn còn đương xem quyển 107 và mới nhất là 108, trong lúc đó chắc 109 và 110 đến

với quý bạn rồi nhỉ !

Xem Phê-Thông 108, ở mục : “ Tiếng nói của gái trai thế hệ ” tôi thấy bạn Kim - Huyền “ chọn người yêu ” ! Tôi cũng viết vào đây và nhận xét về “ chọn người yêu ” cùng với bạn Huyền và mong bạn cho tôi được tỏ-thể tâm-sự. Gọi tên cho thân mật Huyền nhé.

Huyền mến, Thunghe mấy câu con trai khi xem 108 họ cười, họ bàn tán về bạn lắm đấy, song chẳng biết bạn là ai ? Biết đề thì écrit ư ? thì orale ư ? hoặc hai thứ đó trộn lại một ? Không, họ biết Huyền đề trả đũa, họ lại có chính sách tảo-bạo hơn đây Huyền ạ, và chính sách đó rất hiệu-nghiem dù là con nhà có giáo dục có một nền đạo lý cổ truyền. Họ thường bộc-lộ với nhau một khuynh hướng rất hấp dẫn và mới mẻ, Thu cho là mới song biết chừng đâu nó về ở quê Thu quá ư chậm chạp.

Khuynh hướng tồn trung trong câu :

« Hành-dộng hơn là lý-thuyết ».

Vừa rồi đây ở Phê-Thông 107 và 108... ông Điền-Son cho chúng mình bài học quý giá Kim-Huyền nhỉ. Ông ấy bảo các anh thanh-niên đứng đắn thấy tủi hổ cho

hành động của một số bạn mình theo “ đợt sống mới ” bê tha, trụy lạc... và những anh thanh-niên có như vậy lại cau mày suy nghĩ, nhưng họ vẫn “ đường xưa lối cũ ” nên không bỏ lỡ cơ-hội là : “ Phụ nữ chúng mình dư ” !!! Họ cho đời này là “ nguyên tử ”, là mau già nên chơi cho thỏa dục với hiện tại để rồi ngày mai ... không cần.

Sự “ hành động hơn là lý thuyết ” có đặc điểm vui vui :

— Họ chả cần nộp đơn như Huyền đã có, họ mong có cơ hội đề thể xác họ đến nhà bạn là được rồi, là vinh hạnh biết bao ! Được thế, họ sẽ mở rộng chiến-dịch và không cần nghĩ đến thời-gian, họ sẽ đưa ra những vũ khí mới của “ thời đại ”.

— Tiêu diệt những địch thủ cùng đến với họ, rồi tán tỉnh, rồi lần mò nhìn Huyền như “ thôi miên ”, ban đầu Huyền cho là khó coi nhưng sau... « như cá mắc câu ».

Nếu có dịp bạn ra đường họ sẽ mời bạn đi “ xi-nê », đi dạo phố... và mời bạn tất cả. Như vậy họ sẽ không để cho bạn suy nghĩ : đâu là lợi hại, đâu là phải trái để kềm hãm cái thể xác “ 20 xuân ». Thu e rằng bạn sẽ mù-quáng, sẽ chán chường... mệt mỏi. Hồi đó rồi bạn sẽ :

“ Cũng liều nhắm mắt đưa chân
Thử xem con tạo xoay vần
đến đâu ”.

Ồi ! hơi hám đàn ông nó cũng có nhiều quyền rũ lảm Huyền ạ, Thu đã có dịp thưởng thức với người chồng lý-tưởng. Đến hôm nay Thu được một con rươi rồi, tin Huyền hay. Với tuổi hai mươi hai đã chịu khoát lên mình chiếc áo “ chiến y » ghê quá.

Thu đã được tạo hóa đặt ngồi hơi vội nhĩ, song mỗi nhịp cầu nó có một cảm hứng riêng, nó sẽ gặp được nhiều sự gay-cấn riêng ... vui, buồn, ghét, giận...

Huyền ạ, dù quê hương nơi Thu có hẻo lánh, đường sá có phần khúc khuỷu, song hồi Thu chưa đi lấy chồng có biết bao nhiêu người đến gõ, tán, có kẻ lại lịch-thiệp hơn là đi hỏi về làm vợ. Trong các phần tử đó nào : Công, tư chức, học sinh, lính và một vài anh thanh-niên làm ruộng cũng có. Thu biết yêu ai chứ ?

Thu không chọn người “ chính thức », một số “ dự-bị ” và một số “ Service-militaire » như bạn. Thu lại cho rằng :

« Nồi tròn úp vung tròn, nồi méo úp vung méo ». Cồ hủ quá Huyền nhỉ ? Không đâu, họ có đủ khả năng, có đủ tài sức mới

xen lẫn vào “ Ưng cử », chứ, bộ mô họ lại dúi, què, sứt mẻ mà dám đến với mình là con gái : “ cân cân » à, Thu nghĩ như vậy. Huyền thấy sao ? Chắc Huyền cho “ chín người mười ý » rồi chứ gì, Thu công nhận.

Hồi đó Huyền biết mình hành động sao không ? Thu cứ đem bản lý-lịch ra mà xem : nào dĩ vãng họ đã làm gì, hại hay lợi ? hiện tại họ ra sao ? thì tương lai Thu đành nhìn rằng như vậy. Thu thiết tưởng nếu có gì thì họ đã trở-mông rồi. Khi Thu đã xếp đặt xong hồ-sơ, hồi đó Thu mới quyết định :

● À, anh nào đến tán tỉnh Thu thấy vui đề trả lời, nếu họ rút gọn Thu lại dùng chiến thuật “ viện-trợ ” :

— Việc đó tùy nơi cha mẹ Em quyết định, em đâu dám, Anh đừng nói thể, làm thế cha mẹ em không chịu.

● À, anh nào đưa đơn “ thỉnh cầu » thì Thu chỉ trả lời với họ vài câu “ xã-giao » và chen vào đó 2 câu Thơ của cụ Nguyễn Du như :

« Dù cho lá thắm chỉ hồng,
Nên chăng thì cũng tại lòng
mẹ cha ».

Rồi ra, anh nào có đặt thành vấn-đề họ mới có can-dảm đem

lẽ đến hỏi mình chứ bộ, phải không. Huyền? Chuyện gì phải nuôi « om », cho một xác, đòi qua đòi lại bận công soát xét giấy tờ cũng phiền.

Trong số « Ừng cừ » đó có 3 anh rút lui vô trật tự, còn những anh này chắc có lẽ đều là thành-thật. Vì chính nhà Thu và nhà họ chỉ cách xa không quá 3 cây số là cùng, nói đến đây Thu không quên nhắc các bạn :

« Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục, ao nhà vẫn
hơn ».

Thu thấy phần đông ông bà mình ít có sự xích-mích, ly tán là nhờ chỗ đó, hay có khi cũng còn nhờ « địa hình địa vật » của vùng miền nữa, Thu công nhận.

Thu nói như thế không biết các anh : Sài-gòn, Huế... họ sẽ cho rằng : « ở trong ra đây tở ở giá đấy ! » Thừa không, nếu họ thấy ông là người lý tưởng và nếu ông có « kinh-nghiệm » gồm cả « chiến-thuật » gò !

« Trời sinh voi sinh cỏ » mà...

Khi các chàng đó đến hỏi Thu họ cấy mai, cấy mỗi chữ giỡn sao ! Có khi trong vòng một tháng mà có đến 3 ông đi hỏi, họ đến với Thu nườm nượp quá, Thu

cũng hãnh diện nhì Thu có một yêu sách hay ho nhất đề kính xin cha mẹ nói với các ông mỗi là : « Ép đầu ép mở ai nở ép duyên » do đó đề tôi hỏi lại con gái tôi ». Anh chàng nào không được Thu đề ý đến thì Thu sẽ biện bày lý do như :

— Anh ấy giàu quá, con sợ ảnh khinh gia-đình mình, làm cho con khó ăn ở sau này...

— Anh « học sinh » kia tân tiến ! ảnh « học sinh » mà ưng gì con, con thường nghe họ nói : « học sinh ưng học sinh » kia mà... Ảnh sẽ bỏ con mất.

— Hay anh ấy ở ngược nước, cha mẹ gả về con cực, nơi đó nước đục... vân vân và vân vân.

Mình không ưng thì để làm phải không Kim Huyền, nhưng nếu mình ưng rồi lại còn dễ hơn nữa.

Thế, Huyền biết Thu đã yêu ai ? Thu đã yêu anh thanh-niên làm ruộng cùng thôn. Anh thanh-niên này mới lạ chứ ảnh chẳng thư, chẳng từ gì cả, chỉ gặp cha mẹ Thu ảnh chào hỏi lễ phép, vui tính.

Khi nào gặp Thu nếu còn xa ảnh lại nhìn lơ, ngơ ngác...

Khi lại gần anh chỉ nói : « Độ rầy hân cô vẫn khỏe, đẹp hơn trước nhiều ». Đi qua Thu, anh

ta không nhìn lại một cách táo bạo như phần đông các thanh-niên khác. Lần nào Thu gặp ảnh cũng lời nói đó, cứ chỉ đó.

Có thể nói là anh ta hầu chuyện với cha mẹ Thu nhiều hơn nên được. Ông bà yêu và gọi hoài trong óc Thu. Từ khi đó tự nhiên Thu thấy yêu anh ta lạ, và đến lúc cha mẹ Thu hỏi ý kiến cùng Thu, Thu mừng thầm rồi chỉ nói vồn vện một câu :

« Cha mẹ đặt đầu con ngồi đó ».

Như thế là cả hai bên : Cò và Kim đều vẹn toàn.

— Cò, là có sự góp ý kiến của cha mẹ trong việc hôn nhân...

— Kim, là Thu đã tự chọn một người yêu mà Thu thấy thành-thật, không vì giàu nghèo, khá hơn tệ thua gì cả miễn là họ yêu Thu, cùng Thu, mến Thu và...là được. Chữ tiền tài, danh vọng mà không biết đối xử, với Kim Huyền thôi cũng chịu.

Bạn có thấy chẳng cái thành phố bé « tí-tẹo » của bạn có bao nhiêu người con gái : 18 đến 20 xuân... đã tự tử, thậm chí đến những bà có chồng, lương mỗi tháng 12000\$ cũng tự tử chỉ vì danh vọng, tiền, không biết đâu là hạnh phúc, là yêu đương...

Chúng mình cũng chẳng cần trèo

cao té nặng vô ích Huyền nhé ! Hiện giờ, dù đã một con rười song Thu vẫn được chồng yêu hơn thuở nào, hơn hồi mới cưới về. Thu thấy như quê Thu là của Thu hết cả vì có lần lúc chồng Thu đi cày, Thu rải bắp đến khi trắng sáng tỏ cả cánh đồng, hồi đó chỉ còn hai chúng tôi đi trong hoang-lặng, trong say mơ... Hay cả hai vợ chồng Thu hái dâu, chúng tôi nói chuyện còn nhiều và hứng thú hơn « Minh ơi » của Diệu-Huyền nữa. Nhiều khi hết nói chuyện yêu-đương thì chồng Thu lại đem chuyện ở Phò Thông hay của sách nào khác đề kể cho Thu nghe, cho người hái dâu thuê nghe, họ vẫn khen rằng : « cô cậu lắm chuyện đấy, đi làm cho ai bọn tui cũng chẳng thích bưng đi làm thuê cho cô cậu. Như rứa cô cậu có hờn giận, đánh đập nhau hông ?... Thu có tài nhanh miệng đáp ngay :

— Cảm ơn bà, mẹ... đề ý đến chúng cháu, chúng cháu có đập lộn nhau hoài... anh cháu cứ lộn xộn mãi, ảnh đòi đi nói vợ bé nữa mới chết chứ, ảnh chê con xấu xí, khó coi... Nói đến đó Thu thấy chàng ta ngồi bệt xuống đất, quăng năm đầu ra một bên rồi đôi mắt đầy ngấn lệ. Huyền biết

Thu phải đối xử với anh ta ra sao không, Thu biết dù sao đi nữa anh ấy cũng không thể đập Thu được vì ảnh cung Thu, yêu Thu...

Thường lệ là vậy, có cái gì không bằng lòng là khóc mà chính Thu cũng thế! Thu chỉ nở một nụ cười duyên rồi thở-thở:

— Em lỡ lời anh tha, hồi em tha lại cho anh.

Thu phải dõ dằn, phải hôn nhiều. Nhịp sống bắt đầu trở lại hơn cũ.

Thế, ba năm trời chúng tôi chung sống chỉ có lần đó, nhưng

v u i r o n g t h ư c t ế

* HOÀNG-THỊ-PHƯƠNG

(21 tuổi, cựu nữ sinh Trung-học.

Hiện bán cá ở các chợ Phước-Tuy — Saigon)

ĐỌC thư của cô Duyên-Thơ trong Phở-Thông 109, em nhận thấy cô ấy quan-niệm về... Ái-tình một cách ngộ-ngộ. « Vui ái tình vui tròn chốc lát », nên em cũng

muốn góp nhặt cùng cô Duyên-Thơ một vài cảm-nghĩ của mình.

Chị Diệu-Huyền thương mến, em là một thiếu-nữ không được điểm-phúc học nhiều ở học-đường

đó chỉ “ghét yêu” kia mà. Ai có “tiền”, có “danh-vọng” đã hơn được.

Thời Huyền nhé, giới hạn « Phở-Thông » Thu đâu còn chỗ viết, hơn nữa văn của Thu sao tầm thường quá chắc muốn viết nhiều cũng chịu vậy.

Có dịp Huyền cho địa-chỉ và hỏi đó chúng mình sẽ tiếp chuyện nhiều, chuyện vui và mới hơn.

Chúc Huyền và quý bạn nữ chúng ta mạnh tiến đề sánh vai với nam nhi khỏi họ khinh rẻ như trước đây.



như các cô Thùy-Ngọc, N.T. Hoa và nhất là cô Duyên-Thơ. Vì hoàn cảnh gia-đình không cho phép, em đành chịu vậy và chẳng oán trách gì cả, chị ạ! Tuy nhiên, làm sao tránh được một vài sự phiền muộn xảy đến. Nhưng, bù vào đó, em học được khá nhiều ở trường đời qua những cuộc tiếp xúc hàng ngày ở các chợ. Có lẽ, vì vậy mà quan-niệm của em hơi khác các cô ấy chẳng?

Chị Diệu-Huyền ạ, em bằng lòng với cô Duyên-Thơ đề tán thưởng ý nghĩ đẹp của cô N.T. Hoa: « Tự mình biết xấu, em không xe xua và không thích bước ra khỏi nhà. Tôi chỉ lấy sự học làm trọng ». Và em cũng công nhận với cô Duyên-Thơ, chỉ có sự học mới giúp con người vui-sướng, say mê thực sự. Nhưng, trường hợp em, nếu không bước ra khỏi nhà thì đào đâu ra tiền đề sống (chứ đừng nói đề học, đề có thì giờ xem văn, xem thơ). Vì vậy, em nhận thấy chúng ta không nên mặc cảm quá như thế. Em không phủ nhận, sắc diện là một thứ tối cần cho người con gái (cần như cơm ăn, nước uống đối với con người vậy), nhất là thời đại này. Nhưng em lại nghĩ: ngoài cái đẹp ở bên ngoài ấy, chúng ta còn nhiều cái đẹp khác cao quý hơn: đẹp trong

bồn-phận, trong việc làm, trong tư-tưởng, trong lời nói... Nói thế chị lại kêu: « Quái, con bé này sao lạc-quan đến độ chủ-quan, thế nhỉ? ». Thú thực với chị, nhờ sự lạc-quan ấy mà em không nghĩ đến chết, khi mình quá xấu xí và không được học hành nhiều, như cô Duyên-Thơ. Hơn nữa, em tự nghĩ: « Nồi nào úp vung nấy », rồi em cứ tiếp tục công việc của mình đều đều: ngày ngày mua cá về ướp nước đá để chở đến các chợ Long-Thành, Biên-Hòa, Bà Chiểu, Sài-gòn-bán. Thỉnh thoảng biển động, không có cá, thì em nghỉ ở nhà một vài ngày trông coi bếp núc phụ với mẹ và các em của em, rảnh rảnh xem tạp-chí Phở-Thông (như hôm nay). Thế mà em vẫn thấy sung-sướng chán đấy chị ạ! (chị có tin là em nói sự thật đó không?) Bởi vậy, em nghĩ, dù cho tình-cảm của em có “xoay chiều” như dòng điện đi nữa, em vẫn không cảm thấy khổ như cô Hoa và cô Duyên-Thơ: « Tôi không muốn họ e-ngại khi phải đi chung với một người con gái xấu xí như tôi ». Trái lại, tôi còn hãnh diện là khác. Vì sao mà “người ta” bằng lòng đi bên cạnh một cô gái xấu? Phải chăng, bên cái xấu đó, người ta đã tìm thấy những cái đẹp khác? Em cho

rằng : người ta muốn đi bên cạnh một người con gái là để chia vui xẻ buồn với nhau hầu có thể đi trọn quãng đường đầy gian khổ còn lại ; chứ nếu mục đích của người ta chỉ cần tìm một người đẹp đi bên cạnh để... ngắm thôi thì người ta có thể mua lấy một con búp bê tuyệt đẹp để ngắm cũng đủ lắm rồi. Vì nghĩ như vậy mà em quyết định :

★ **TRƯƠNG - HẠN**
(17 tuổi, cựu học sinh
Trung-học Kiến-Phong)

*"Vui đi tình vui trong thực tế,
Vui vẫn chương vui ở mộng mơ"*

Thư quá dài, em xin tạm "treo" bút và không quên cầu chúc quý tạp-chí mạnh tiến trên đường nghệ-thuật. Riêng chị Diệu-Huyền của em phải vui và trẻ mãi mãi.

*Thân-ái chào chị,
Em của chị : Hoàng-thị-Phương*

nếu
tôi
hư
hông...

THÚ thật, trong dĩ-vãng, chưa bao giờ tôi nghĩ rằng tôi sẽ hư hỏng. Nhưng giờ đây, tôi có cảm tưởng rõ rệt rằng, sớm muộn gì rồi tôi cũng hư hỏng ! Tôi cứ băn khoăn mãi... không biết ai là kẻ có tội, nếu thực sự tôi hư hỏng ? — Tôi ư ? — Không ! Vì tôi không muốn mình bị hư hỏng kia mà ! Vậy chứ ai ? — Xã hội ư ? — Không ! tôi không dám đổ lỗi cho xã-hội. Bởi vì tôi

nghĩ, nếu xã hội làm cho con người trở nên hư hỏng, thì tại sao hiện tại, vẫn có những người không hư hỏng ?

Tôi cố tìm nguyên nhân sự hư hỏng của mình — nếu thực sự trong tương lai tôi hư hỏng, — để may ra biết đích xác được ai là phạm-nhân.

Tôi cố nhớ lại những gì đã xảy ra trong đời tôi thời dĩ vãng, để bẻ vào hiện tại, có thể xác

định được giá trị của mình ở tương lai — hư hỏng hay không hư hỏng ?

Sau khi đỗ bằng Tiều-Học (1958), tôi may-mắn được song thân cho bước chân qua ngưỡng cửa Trường Trung-Học. Suốt 3 năm đầu, tôi vẫn vui vẻ hồn-nhiên, hưởng nguyên vẹn niềm vui tuổi trẻ — tuổi trinh-trắng học-trò. Nhưng đến năm thứ tư, một tiếng gọi thiêng-liêng nào đó, thầm kín mà mãnh-liệt, vụt đến với tôi. Mặc nhiên, tôi không còn vui vẻ hồn nhiên nữa, mà trái lại, buồn bã suy tư... Bấy giờ, tôi cười có nghĩa là tôi khóc... Với Dân-tộc, tôi tự thấy ở chính mình phải có một « bổn-phận ». Rồi cùng một người bạn, sắp đặt chương-trình hành-động, tôi thấy trước mắt có vô số những cái đẹp cái hay... nào trắng thanh, nào gió mát, nào cỏ lạ, hoa thơm... Ôi ! không làm sao kể xiết ! Thế là, sau khi cửa phòng thi T.H.Đ.N.C. (1962) khép kín, chúng tôi — bạn tôi và tôi — bắt đầu cuộc hành trình... Thì than ôi ! những gì chúng tôi đã cho là đẹp là hay, trong thực-tế trái lại, hoàn-toàn là xấu là dở... — Thất-vọng ? — Không ! Chúng tôi vẫn hy vọng, vẫn tin tưởng mãnh-liệt ở tương lai... Chúng tôi tin tưởng rằng, rồi một ngày kia, những gì tưởng chừng như khó

có thể thực hiện được ấy, cũng sẽ đến với chúng tôi — những thằng con trai khốn nạn !

Bây giờ, tôi đã ý thức được Chân lý : « Trước hết cần phải có một trình độ học thức tối thiểu nào đó », nên tôi cố gắng học. Nhưng vì lý do sức khỏe, tôi đành phải nghỉ ở nhà trong niên học 1962 — 1963.

Tôi vẫn buồn trong hy vọng, tin tưởng ! Nhưng than ôi ! sự thực quá phũ phàng, sắp đến kỳ tôi có thể học được mà lười hái từ-thần nỡ cắt-nát trái tim hằng đập của phụ thân ! Từ đây, tôi biết rằng, tôi không thể tiếp tục cắp sách đến trường ngày hai buổi như xưa nữa. Vậy mà tôi vẫn hy vọng, tin tưởng... Tôi hy vọng, sẽ tìm được một việc làm hợp khả năng — với sở thích, hợp hay không cũng được — hầu có chút đỉnh tiền giúp mẹ yếu nuôi nấng đứa em khờ, còn dư thì mua sách vở tự học thêm, may ra một ngày kia Phật trời ngó lại, có đủ điều kiện thực hiện lý tưởng hôm nào — lý tưởng mà có người đã ví như ngôi sao, thấy thì thật gần nhưng khi đuổi bắt thì thật xa...

Sau bao đêm trằn trọc đắn đo, tôi quyết định thoát ly (1963), mặc dù mẹ tôi buồn, em tôi khóc...

Lần đầu tiên bước chân ra Trường-Đời, tôi cảm thấy cái gì cũng xa lạ... cả một sự ngại ngùng như vệt đến với tôi.

Sau hơn ngót tháng trường lang thang tìm việc, tôi đâm ra oán ghét tất cả mọi người !

Túi tiền vơi dần, vơi dần... tôi đành phải trở lại gia-đình ! Mẹ tôi vui, họ hàng tôi vui, anh em tôi vui... Song riêng tôi, tôi không làm sao vui được, vì thực ra, tôi không tìm thấy Niềm-vui !

Ăn bám gia đình, tôi tự thấy hổ thẹn với lương tâm.

Đã buồn qua bao chuyến đi thất bại, tôi lại càng buồn hơn ; muốn quyền sinh quách cho rồi, khỏi bận tâm, bận trí... khỏi phải nghe

những chuyện trái tai, gai mắt... Nhưng phiền một nỗi, « Nhiệm-Vụ » cứ bắt buộc tôi phải sống ; phải sống đề mà hồ thẹn vì sự dốt nát, vì tài hèn, vì sức mọn của mình...

— Ấu là Số-mạng !

Đề cổ vui trong « Nhiệm-Vụ », tôi phải uống rượu, phải hút thuốc... — tôi xin nhắc lại, phải uống rượu, phải hút thuốc... — những sự việc mà trước đây, tôi đã nhiều lần khuyên một vài người bạn nên cố gắng chừa. Theo tôi, uống rượu, hút thuốc... là một số những hành động của kẻ sắp bị rơi vào hố sâu, vực thẳm... nghĩa là Hư-Hồng !

Và, trong Tương lai nếu thực sự tôi hư hỏng, ai là kẻ có tội ? — Tôi, hay xã-hội, hay at at ? ?

ngày mai sẽ ra sao ?

★ YÊN - SINH

(Thanh-niên Công-chức — Quảng-Ngãi)

Mỗi lần cuối tháng, đến lãnh lương, tôi lại được anh bạn phát-ngân-viên vốn vả soạn trong

tủ sắt tìm xấp bạc có đề tên tôi, tay anh chìa cho tôi quyền sở ký nhận lương, và tháng nào cũng

như tháng nấy, trước khi đưa xấp bạc đến tay tôi, anh kê ra vanh vách :

— Lương anh 2.500\$ nhé, tiền tem 5\$ nhé, nguyệt - liêm đoàn-thề 5\$ nhé, nước uống trong tháng 5\$ nhé, anh mượn trước hôm 22 tây 200\$ nhé vì chi là 215\$ nhé... Tôi toan đưa tay nhận số bạc lương sau 6 lần « nhé », anh bạn lại hạ thấp giọng hơn :

— Tháng này « đặc-biệt » thêm 25\$ tiệc tiến chân anh X. đi nhập ngũ nhé, 10\$ vé Tombola của hội X. nhé, còn lại 2.250\$ nhé, đây, đếm lại đi !

Quen với lối kê khai các khoản tiền cần trước trừ sau ấy, tôi chẳng cần phải ngạc-nhiên, chỉ lặng lẽ kiểm số bạc còn lại, bỏ vào cặp.

Đã hơn 24 lần lãnh lương ở sở với lối phát tiền quen thuộc của anh bạn phát - ngân - viên, nhưng lần này con số 2.250\$ làm cho tôi suy nghĩ, lo lắng vô cùng. Thời giá ngày càng tăng, chi tiêu ngày càng nhiều, vợ sắp sinh, đồng lương lại thấp ! Lo nghĩ chẳng phải là vô lý.

Hồi tuổi 18, rộn tình yêu thương người con gái, tôi rời bỏ nhà trường để mạnh dạn bước vào làm thư-ký với lương tháng

2 xấp rưỡi. Nàng cũng vì yêu tôi nên bằng lòng đeo chiếc nhẫn cưới trước ngày vào phòng thi. Dắt nhau đi dệt mộng đào-nguyên với chút học lực trung-học không có bằng bảo-chứng. Ngày còn là cặp vợ chồng son, phải tần tiện lắm mới khỏi túng thiếu. Nhờ vả cha mẹ chỉ có họa chẳng đề sấm sủ trong nhà. Rồi đưa con đầu lòng ra đời. Cũng với số lương đó. Suy tính thâu đêm, tôi vẫn không bớt xén được khoản chi tiêu nào trong gia-đình để trả tiền nần nhà Hộ-sinh cho vợ. Tôi đau lòng đem bán chiếc dây chuyền, vật sính lễ ngày xưa. Ba tháng sau, con chúng tôi đau, hết nhờ cậy vào gia-đình cha mẹ, vợ tôi đành đem bán chiếc nhẫn mặt ngọc, lấy tiền lo thuốc cho con.

Lần này vợ tôi lại sắp sinh đứa con thứ hai. Tôi vẫn lãnh với số lương cũ.

Tôi nhằm tính tiền chi-tiêu trong tháng : Thuê nhà 600\$, gạo 240\$, tiền chợ 450\$, sữa cho con 180\$, công cho con sen 150\$ điện 60\$, lật vật và bất thường chỉ 300\$. Còn dư được 270\$. Với món tiền dư này không sao chi tiêu đủ trong lúc vợ tôi sinh đẻ, nào tiền nần phòng, tiền thuốc, tiền bác-sĩ, công cho người

nuôi sinh. Tôi đành nhắm mắt nghĩ đến món nữ trang cuối cùng của vợ tôi : chiếc plaquo vàng 5 chỉ ! Nhưng rồi ngày mai sẽ ra sao ? Nếu vợ con ốm đau ! May

cái quần cái áo ! Những chi-tieu bất thường khác nếu có !... Ngày mai sẽ ra sao ? Tôi không dám nghĩ đến nữa.

hôm nay

hắn đã

bắt đầu đi

NHÀ THỜ

★ TRẦN-QUANG-TRUYỀN

(Thanh-niên Công-chức, Huế)

KHÚC nhạc rè rè sau cùng của bản Paloma vừa dứt, Huân nhìn tôi rồi cúi nhìn ly cà phê đen sánh, thờ dài, ngâm khế :

« Em ơi khóc không được
thơ cũng không ra lời... »

Tôi nhìn bạn với nỗi buồn thông-cảm, không nói.

Bar « Thái-Bình » về khuya buồn tẻ, hai chúng tôi là hai người khách sau cùng và đã ngồi trên ba giờ, bước ra khỏi quán, sau khi Huân đã lẳng-lặng đưa

tờ giấy mười đồng cho cô thân ngân. Chúng tôi đi dọc theo sông Hương, gió lạnh nhẹ mơn man, sương mù. Trong tâm-tư mỗi đứa đang nghĩ đến cái trống rỗng của đời mình.

★

Tôi biết hắn cách đây 2 năm, khi hắn đến nhận làm một công việc tầm thường ở sở tôi do một người quen thân có địa-vị xin cho.

Những ngày đầu, tôi nhìn hắn với đôi mắt « không hiểu nổi » : cái quần chật cứng, cái áo sơ-mi

có « co » bó sát tấm thân không mấy mập mạp, rồi đến cái tóc mới thật hoảng : nếu nhìn từ xa, ta khó phân biệt đấy là « Chàng hay Nàng », đôi giày gót thật nhọn, quần ngắn để hở đôi tất đỏ tươi... Với cái bộ gió ấy mà lại ngồi ở một Công đường thì thật là quái gở !

Nhưng tôi vẫn thấy ở hắn một cái gì cần tìm hiểu, nó chống đối nhau, nó mâu-thuẫn nhau, nó tượng-trưng cho lớp người đáng thương của thời đại : khuôn mặt sáng sủa thông-minh, hiền từ rất dễ thương, đôi mắt lúc nào cũng như chứa đựng rất nhiều xót xa... thêm cái phong-độ rất đứng đắn, trang-nghiêm. Ấy thế... mà lại như thế kia được sao ?

Ý nghĩ ấy khiến tôi « mạo-hiêm » — tôi nói mạo-hiêm vì tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện tìm hiểu đời tư của một người, kém lịch-sự — đi sâu vào đời tư của hắn, dầu tôi chưa làm việc ấy với bất cứ ai, nhưng tôi nhất định « thực-hiện » đối với con người hắn và tôi nghĩ rằng, hắn phải là mẫu người tiêu-biểu cho phần đông lớp trẻ đang mang cái tâm-trạng buồn nản, ề chề, không tìm được lối thoát và sẵn-sàng lao mình vào bất cứ thứ ăn chơi nào. Cóc cần hết cả, sống chỉ biết có « bây giờ ». Người ta thường

gọi bọn hắn là « Cao-bồi », du-đăng (?) v.v... mà ít có người chịu tìm hiểu xem tại sao bọn họ trở thành Cao-bồi, du-đăng...

Từ ngày hắn đến làm, tôi thấy hắn ăn ở ngay trong sở cùng với một tiểu-đội lính gác sở ; ít đi chơi, ít chuyện trò, và nếu có, chỉ thơ thẩn một mình và nhìn những cái nhìn rất xa xôi trong những buổi chiều về... Còn tôi trọ ở ngoài và một buổi chiều tôi tìm đến hắn. Tôi còn đang đứng ngoài cửa của căn phòng hắn ở, bỗng nghe tiếng Tây-ban-cầm nhẹ hắt ra cùng với giọng hát nhỏ, trầm ấm, thiết tha trong nhạc phẩm « Những ngày thơ-mộng ». Tôi nghĩ ngay, hắn có tâm-sự u-buồn và hắn đang trút tất cả vào tiếng đàn, lời ca của hắn để tìm quên... Chờ cho hắn hát xong bản nhạc buồn mà chính tôi cũng đang gởi gắm ít nhiều tâm-sự của mình trong đó. Tôi gõ cửa, cánh cửa hé mở và thấy hắn. Tôi nói ngay :

— Anh bạn hát hay quá, bản nhạc thật buồn, tôi cũng buồn và thích ca, thích đàn. Anh cho tôi làm quen với được không ?

— Cảm ơn anh, tôi thật hân-hạnh. Mời anh vào chơi. Hắn đáp.

Sau những câu chuyện thường tình của buổi đầu gặp gỡ, tôi từ

giã hân ra về lúc mười một giờ khuya với một niềm vui nho nhỏ và hy-vọng trong lòng.

Từ đó, trong những lúc rảnh, Hân thường tìm-đến tôi luôn để chuyện trò, có khi ngay cả trong giờ làm việc, và chẳng bao lâu, hân và tôi đã trở thành đôi bạn tâm tình rất quý mến nhau. Hân thành thật tâm-sự cho tôi nghe và tôi được biết rằng, Hân thi Tú-tài rớt một năm, Phụ-thân hân (Mẹ hân mất khi hân mới 10 tuổi) vì ở xa tưởng hân chơi bời không lo học hành mới bắt Hân về quê không cho tiếp tục học nữa, mặc dầu hân đã hết lời phân trần, nhưng phụ-thân hân không đổi ý-định. Thế là Hân bắt đầu bước chân vào đời : Hân vác đơn đi xin việc khắp cả và dự thi bất cứ cái gì. Lần nào Hân cũng được chờ đợi rồi khi có kết quả là Hân... lại về nhà năm chờ keo khác ! Trong câu chuyện Hân quả quyết bài vở làm đúng, hơn rất nhiều... kẻ, mà cái số... kẻ hân hơn kia lại... vênh mặt lên đường chuẩn-bị lãnh-lương! Hân thờ dài, tôi chép miệng: oái oăm thay !

Cũng bắt đầu từ đó, hân lao đầu vào cuộc sống ăn chơi, có mặt ở cả những chỗ kín đáo nhất..

Hân chán nản đến nỗi, là một

tín đồ Thiên-chúa-giáo. mà Hân ít đến nhà thờ và hình như chẳng bao giờ từ lâu rồi. Tôi hỏi Hân nghĩ gì về Tôn-giáo Hân đang theo. Hân đáp : « Mơ hồ quá ! cầu xin mãi chẳng được gì, mình trở thành con người lý, nhiều mồm... ! »

Thất-bại liên tiếp trên đường sự nghiệp. Hân chán nản cái thời-đại đảo lộn mọi giá-trị cõi trần này ; nhưng đã hết đầu, người yêu « lý - tưởng » của Hân sau những năm dài chờ đợi cho Hân có sự-nghiep đề... « không còn lạnh giá mãnh tim cõi... » mà than ôi, đã ba năm rồi, giấc mộng ấy vẫn như những áng mây chiều đi theo Hoàng - hôn xa lạ...

Khi đời sống riêng tư của tôi và Hân không còn giấu diếm gì nhau nữa, một hôm sau một chiều bia ngà ngà, tôi thành thật hỏi Hân với dụng ý xây-dựng, về quan-niệm cuộc đời của Hân và lối ăn mặc kỳ lạ.

Tôi thân mến bác bỏ luận-cứ của Hân và khuyên Hân nên « sắp xếp đời sống tinh-thần cho có hệ thống » để tạo cho Hân một niềm tin, đồng-thời thay đổi cách ăn

mặc mà không mấy ai không chê cười. Một phần nào làm giảm nhân-cách của Hân. Tôi lý-luận theo quan-niệm của mình và đã nói với Hân rất nhiều, trong mọi trường-hợp.

Tôi thấy thương Hân hơn, thương một con người biết phục-thiện, mà chỉ vì người ta ghét bỏ Hân bằng một quan-niệm thiếu suy xét ; không cho Hân thấy một ánh sáng, một tình thương dù là thừa thãi, một lời an ủi trong khi tâm hồn Hân trống rỗng kinh khủng, quờ quạng trong đêm tối mông lung của biển đời đầy giả dối và sa-dọa...

Hôm nay, Hân đã bắt đầu tìm đến Giáo-đường ngày Chúa-nhật và còn thường tìm đến khi chiều bắt đầu chết, chuông Thánh-đường ngân vang trong không-gian u-tịch. Ông quần Hân may đến 23, luôn mặc sơ-mi trắng và còn hay thắt

« cà-vạt » nữa, trông Hân bây giờ cứ như là một nhà mô-phạm chính hiệu.. Dĩ-nhiên, đời sống tinh-thần của Hân cũng theo với lớp vỏ bề ngoài mà thay đổi rất nhiều và hân đang chờ đợi một sự thay đổi thực-sự. Sự thay đổi ấy sẽ đến với những con người « Biết chờ đợi và chưa chết niềm tin. » Nếu nói cho Hân biết như thế...

Trên đường về nhà, tôi và Huân ghé vào vườn hoa, ngồi một ghé đá nhìn ra sông Hương và mỗi đứa theo đuổi ý nghĩ của mình, đều đều hút hết gần hai gói thuốc. Bỗng từ cầu Bạch-Hồ xa-xa, một ánh đèn le lói trong một con đò bơ vơ, âm thầm khua mái, nhẹ lướt trên dòng sông lạnh sương mờ phủ..

Bất giác Huân quay sang hỏi tôi :
— Con đò ấy đêm nay nó về đâu, Anh nhỉ ?

— Không biết nó sẽ về đâu, nhưng chắc chắn nó có bến đậu.



* NHỜ TRỜI LẦN SAU VẬY !

Một nhà giải-phẫu ở Saigon, nhận được điện-tín mời đi chữa bệnh cho một người đi săn cò, bị cò vớ tại Bình-Định.

Lúc Bác-sĩ đến nơi thì người bị nạn chịu không nổi vết thương, đã trút hơi thở cuối cùng.

Vợ nhà « thiện xạ » quá cố tiếp Bác-sĩ và nói mấy lời cảm tạ :

— Từ xa xuôi, Bác-sĩ đã bỏ công đến đây nhưng chẳng được kết quả gì ! Xin cảm-phiền Bác-sĩ, nhờ trời lần sau vậy !

HẠ - TUẦN

tnăng trước, ông Mac Namara, Bộ-trưởng Quốc-Phòng và Tướng Maxwell Taylor, chủ-tịch Ban Tham-mưu hỗn-hợp Mỹ đã qua công-tác ở Việt-Nam trong một tuần-lễ. Các ông qua đề làm gì và đã làm những gì thì các báo hàng ngày đều có nói.

Chúng tôi chỉ làm việc giới-thiệu đề cho bạn đọc biết thêm về hai nhân-vật đó, nhứt là ông Bộ-Trưởng Quốc-Phòng Robert Strange Mac Namara mà người

tà thường đề cao là một bộ óc điện-tử (cerveau électronique).

Đi chung với ông Bộ-Trưởng là Tướng Maxwell Taylor, 61 tuổi, người cầm đầu ban tham-mưu hỗn-hợp tức là vị tướng-lãnh lớn nhứt của *Ngũ-giác-đài* (Le Pentagone) gồm các vị tướng-lãnh của Thủy, Lục, Không-quân. Tướng Taylor được tiếng là người mềm dẻo chín-chắn khác với một số tướng-lãnh



cứng-rắn hung-hăng, chủ-trương quá-khích. Ông có phong-độ của một nhà trí-thức biết nghệ-thuật, âm-nhạc, khoa-học cũng như rành về chiến-lược, chiến-thuật là sở-trường của ông. Ông nói được 3 thứ tiếng Pháp, Đức, Nhật ngoài tiếng mẹ đẻ của ông là tiếng Anh.

Ông là người cộng-sự tương-đặc nhứt của ông Bộ-Trưởng Mac Namara.

ÔNG MAC NAMARA

Bộ Quốc-Phòng Mỹ là một bộ mà không ai ham lãnh, trái hẳn với những Bộ khác rất nhiều người ham muốn. Tám người đã thay nhau lãnh chức vụ này nhưng chỉ có một hai người bảo toàn được sức-khỏe và danh-dự sau khi chấm-dứt nhiệm-kỳ. Người ta còn nhớ trước đây ông Bộ-trưởng James Forrestal đã leo lên tầng lầu cao nhảy xuống khoảng không để tự-hủy thân mình. Ông mắc một chứng-bệnh mà người ta gọi đùa là bệnh Pentagonite. Pentagonite gốc ở

trường hợp-tác với ông.

Về phía quân-sự thì có các vị tham-mưu trưởng Hải, Lục, Không-quân với những tiêu-ban riêng biệt và hỗn-hợp. Về phía quân-sự, trên hết là ông chủ-tịch ban tham-mưu hỗn-hợp mà hiện nay là Tướng Taylor.

Ba binh-chủng đều có ngân-khoản riêng, có đời sống riêng, kế-hoạch riêng và thường không thống-nhứt với nhau. Trái lại họ còn ganh-tị nhau và tìm thế lẫn áp nhau.

Đoàn-kết được họ với nhau là một điều khó. Nhiều khi chính họ lại hợp sức nhau lại để chống đối với phe dân-sự là phe của ông Bộ-trưởng. Ông bộ-trưởng nào yếu bóng-vía, yếu thần-kinh là dễ mắc chứng pentagonite như trường-hợp của ông James Forrestal.

Trái lại cũng có những ông bộ-trưởng cứng-đầu đã phản-ứng một cách quá-đáng như hai ông Charles Wilson và Roger Kyes. Ông sau này đã có

lần nóng giận la một tướng-lãnh như sau :

«Tôi không tới đây để quét tuyết». Ông làm bộ cúi xuống mơn trớn những ngôi sao của nhà tướng rồi nói : « Tôi tới đây để làm nổ những ngôi sao ». Nhưng rồi lần lần bọn dân-sự

ÔNG BỘ - TRƯỞNG QUỐC-PHÒNG MỸ MAC NAMARA

★ Thiếu - Sơn

chữ Pentagone và tức là Ngũ-giác-đài. Đây là một đ. ông có 7.000 văn phòng, 1.900 phòng rửa mặt, 150 thang lầu, 28 cây số hành lang và có 25.000 người làm việc ở đó.

Trên hết là ông Bộ-trưởng quốc phòng với nhiều vị thứ-

ÔNG MAC NAMARA

cũng chịu thua bọn quân-sự. Vào khoảng những năm chót của triều - đại Eisenhower thì chiến-lược Hoa-Kỳ đã trao qua tay bọn tướng-lãnh, ông bộ-trưởng chỉ còn là một bù-nhìn.

Ông Kennedy đặc-cử Tổng-Thống muốn chinh-đốn lại bộ Quốc-Phòng nên ông đã mời ông Mac Namara làm bộ-trưởng vì ông biết ông này là người có tài. Ông này hồi đó làm Tổng Giám-Đốc hãng xe Ford. Hãng này đương bê - bối nhờ ông chinh-đốn lại mà trở nên thịnh-vượng. Nhờ ông mà Công-Ty mỗi năm lời được 427 triệu đô-la. Ông ăn lương mỗi năm 420.000 đô - la nghĩa là lời 20.000.000 bạc V.N. Ở Bộ Quốc-Phòng mỗi năm ông chỉ hưởng số lương 25.000 đô-la lời 1.000.000 bạc V.N.

Nhưng ông không quan-tâm đến những thiệt-hại về tiền-bạc mà ông chỉ sợ cái chứng bệnh pentagonite như đã nói ở trên. Ông tự nhủ : *« Có lẽ không ai có thể thành công được. Có lẽ tôi chỉ giữ vững được 6 tháng. Có lẽ không một ai có đủ sức chịu đựng nổi. Nhưng người ta đã gọi đến tôi, tôi cũng ráng thử coi. »*

Ông bán tất cả những cổ-phần của ông lời 3 triệu đô-la

để khỏi còn dính-lưu gì với Công-ty tư-bản và để có thể giữ mình ngay-thẳng và liêm-chính trong chức-vụ của mình.

Một tuần-lễ sau khi bắt tay vào việc ông đã phải la lên với người cộng-sự : *« Tôi nói với ông rằng cái chòi này là một đám rừng, một đám rừng ».*

Ngũ-giác-dài quả thật là một đám rừng, một đám rừng rậm mà người nào lạc vào dễ mất phương-hướng không biết đường ra. Hồ-sơ chồng chất như núi. Nhơn-viên đông như kiến. 7.000 văn-phòng và 3.000 tiểu-ban. Ngoài ra còn những mâu-thuẫn và tranh - chấp giữa 3 binh-chủng và giữa 2 phe quân-sự và dân-sự.

Phải có bộ thần kinh vững và rất nhiều nghị-lực mới sống nổi ở trong đám rừng này. Hơn nữa ông bộ - trưởng phải lãnh vai tuồng lãnh-đạo lại càng thấy khó-khăn và chán-nản vô cùng.

Nhưng ông Mac Namara không chán-nản. Ông tới sở sau 7 giờ sáng và có khi ngồi luôn suốt 18 giờ để nghiên-cứu hồ-sơ, tìm hiểu từng vấn-đề, đặt ra những câu hỏi và buộc người trả lời phải đưa ra những sự-kiện đầy-đủ, cụ-thể và phân-minh.

Ông có tài về thống-kê nên

ÔNG MAC NAMARA

lạnh-hội rất mau, nhớ kỹ, không thích những cái gì mơ-hồ và đại-khải.

Ông yêu-cầu một cộng-sự viên trả lời cho ông về một câu hỏi. Ông này trả lời trên 5 trương giấy. 20 phút sau ông bộ-trưởng trả lại và ghi thêm : *chưa đầy-đủ và thiếu chi-tiết.* Ông này sửa đổi và bỏ -túc thành một phúc-trình 9 trương. Bản này cũng bị trả lại. Rốt cuộc bản phúc-trình biến thành một cuốn bạch-thờ 16 trương. Lần này ông bộ-trưởng mới vừa ý. Ông đọc rồi giữ luôn cho ông.

Công việc thì gặt-gao như thế nhưng cách đối xử lại rất lịch-sự và lễ-độ nên chẳng bao lâu ông đã chiếm được cảm-tình của mọi người.

Nội trong 6 tháng ông đã bỏ được 400 tiểu-ban trong số 3000 tiểu-ban ở Ngũ-giác-dài.

Trong 2 năm ông đã thành-công trên 3 điểm :

1.—Chánh-quyền dân-sự được củng-cố vững-chắc ở Ngũ-giác-dài để ăn khớp với đường lối chung của chánh-phủ.

2.—Thay đổi và tăng-cường lực-lượng quân-sự của Mỹ.

3.—Định lại vai tuồng và cách xử-dụng cái lực-lượng đó cho phù-hợp với chủ-trương của chánh-phủ.

Trước kia ông bộ-trưởng chỉ ngồi đó để điều-hòa những chủ-trương của các ông tướng-lãnh. Bây giờ ông bộ-trưởng bắt buộc tất cả phải thực-hiện chủ-trương chung của chánh-phủ. Những ông nào kỳ-khôi, bướng bỉnh thì bị khép vào-kỷ-luật không nhơn tay.

Ông Mac Namara đã thành công.

Robert Mac Namara sanh ngày 9.6.1916 tại San Francisco. Cha ông làm nghề bán giày. Tổ-tiên ông là người Ái-Nhĩ-Lan di-cư qua Mỹ vào khoảng năm 1860. Khi mới chấp-chứng biết đi Robert đã thích leo núi. Lớn lên ông không bỏ thói quen đó và còn thích trượt tuyết.

Khi ông mới hai tuổi mẹ ông mỗi ngày đều đọc sách cho ông nghe và ông cũng chăm chú ngồi nghe. Tới tuổi đi học thầy giáo lấy làm kinh-ngạc mà thấy ông biết đọc sách như một đứa trẻ 13 tuổi và có một trí nhớ phi-thường. Qua trường trung-học ông vừa học vừa chơi mà cũng được điểm cao.

Năm 1933, ông vào trường Đại-Học ở Californie và chuyên về hai khoa kinh-tế và triết-học. Tốt-nghiệp rồi ông vào Đại-học-đường Harvard và theo học những lớp về doanh-thương. Đậu cử-nhan năm 1939, kiếm việc

làm và cưới vợ. Vợ ông cũng là một giáo-sư khoa-học và thề-dục.

Đại-Học-Đường Harvard mời ông làm giáo-sư. Thế-chiến thứ hai bùng nổ, ông tình nguyện nhập-ngũ nhưng không được vì mắt ông cận-thị.

Năm 1943 ông xin vô làm chuyên-viên tồ-chức ở hạm-đội không-quân thứ 8 và được qua tòng sự ở Anh. Ông biết rằng trong thời-kỳ chiến-tranh phải vào quân đội thì mới tiến-thân được.

Ông căn-cứ theo một vài điều-khoản trong luật-lệ Hoa-Kỳ và đặc-cách xin được vào làm sĩ-quan. Hết giặc ông trở về nước với chức Trung-Tá. Lúc đó ông mới 29 tuổi. Ông cùng một nhóm bạn bè toàn là những người có học-thức, nhiều khả-năng họp nhau lại đề thảo kế-hoạch tồ-chức lại nền kỹ-nghệ và doanh-thương Hoa-Kỳ. Đoàn người này được các công-ty tư-bản mời hợp-tác và đã đóng góp nhiều trong cuộc phục-hưng kinh-tế của thời-bình.

Mac Namara được Công-ty Ford mời hợp-tác và đã giúp cho công-ty này đương bê-bối được

phát-triển mạnh-mẽ như đã nói ở trên.

Một người bạn đã phê-bình ông như sau :

— *Thật không thể tưởng-tượng được. Ông đã giải-quyết trên một chục vấn-đề trong một lúc một cách mau lẹ và không cần có một lời ghi chép nào ở trước mắt. Nếu có người phản-đối ông thì lập tức người đó bị ông trưng ra những con số và những lý-luận mà chính anh chàng đã đưa ra cho ông mấy tháng về trước. Phải cần có một mức thiên-tài mới lãnh hội và giải-quyết mau chóng được những bài toán rất khó khăn.*

Còn phải cần một sự tập-trung cao-độ và một sức làm việc phi-thường.

Chính nhờ những đức-tính nói trên mà ông Mac Namara đã khai-phá được đám rừng ở Ngũ-giác-đài, chỉnh-đốn và tồ-chức nền quốc-phòng Mỹ cho xứng đáng với vai tuồng bá-chủ của khối tự-do.

John Hubbell trong tạp - chí Sélection tháng 9 năm 1961 đã viết:

• *Ở địa-vị đáng sợ đó, ngày 20-1-1961 đã có người mạnh-*

dạn tới ngòi, một trong những người giỏi nhứt của nước Mỹ ở thế-kỷ XX, ông Robert Strange Mc Namara, 44 tuổi. »

Mỗi khi Tổng-Thống Mỹ hỏi ý-kiến về một nước nào, về một vùng nào, ông Bộ-Trưởng phải sẵn sàng trả lời : *ở đây dễ ăn, nên đánh. Ở đó khó ăn, nên huề.*

Khi Nga phóng chiếc vệ-tinh đầu tiên lên không-gian chính ông bộ-trưởng quốc-phòng phải thúc-dây cuộc thi đua thám-hiềm không gian đồng-thời với cuộc thi đua chế vũ-khí nguyên-tử.

Mục-phiêu đầu tiên là muốn thắng Nga để diệt Nga. Nhưng cuộc thi-dua đã tạo cho cả hai bên có một số vũ-khí hạch-tâm thặng dư để phá tan địa cầu và làm cho cả hai ông bá-chủ đều

chết. Ông bộ - trưởng Mac Namara lật-đật bỏ mục-phiêu thứ nhứt và nhắm đuổi theo mục-phiêu thứ hai là huề với Nga để chung sống hòa-bình.

Trước đây cũng ở tạp-chí Phò-Thông tôi đã viết bài « *Chiến-lược nguyên-tử* ». Người đề ra chiến-lược đó chính là ông Mac Namara. Chính do ý-kiến của ông mà Tổng - Thống Kennedy đã nhần-nại thương-thuyết với Nga để ký thỏa-ước ngưng thí-nghiệm nguyên-tử, mở-màn cho những thỏa-ước tài-binh sẽ phải có ở tương-lai.

Thành ra ông bộ - trưởng Quốc-phòng Mỹ lại chính là một người đã đóng góp nhiều cho nền Hòa-bình của nhân-loại. Tró trêu thay !



★ MỪNG HỤT

— Món của dốt lò của em có mùi vị giống như món của của mẹ anh đã làm...

— Thế à! Vinh-dự cho em quá! Em đã làm được món ăn anh thích giống như món ăn của bà cụ...

— Chắc em đã biết mẹ anh là một đầu bếp có tiếng tăm, ai cũng phải phục, nhưng có một món bà làm hỏng mãi.

— Món gì vậy, anh?

— Món của dốt lò!

P. C.

CẦU CỨU

Mến tặng các bạn cố nhâ-ý họa họa bài
«khóc đi em» và «tìm bạn đang trình» của tôi.

★ HL — HOÀI-VIÊN-PHƯƠNG
(Vĩnh - Bình)

Đôi mi khép kín mà sao lệ
Chan chứa, rơi đều như tiếng mưa ?
Suốt đời ta khổ vì nhân-thế
Thì cứ xem như gió trở mùa
Nắng xuân ấm-áp không còn nữa
Phượng đã về rồi biết nói sao !
Dù muốn hay không kia ánh lửa
Đốt thiêu mùa hạ đổi thay màu
Xuân chẳng riêng ta, xuân tất cả
Của ai đang sống hận buồn đau
Cuối mùa những đóa hoa tươi-tả
Rồi chỉ lặng nhìn biết nói sao ?
Ai đau thông cảm mà tri-kỷ !
— Có chứ ! Mình ta giữa cuộc đời
Tình cảm ! Ô hay ! Toàn ủy-mị
Ta muốn neo thuyền giữa bể khơi
Nhân thế ! A ha ! Đời đen bạc !
Đời đời mấy lượt trở bàn tay
Nhân thế ! A ha ! Đời chua chát !
Hôm qua đâu phải chuyện ngày nay
Tay gầy không đủ ngăn dòng lệ
Ta khóc ! Hừ ! — Sao lại chẳng cười ?
Dù đời có xử cùng ta tệ
Thì cứ cười cười ! Dẫu hết hơi
Hết hơi thì nổi dòng hơi lại
Rồi kiếp cười lên ! Hãy ráng cười !
Cười cho những đứa không bề trái
Ai tiếp cười dùm ?.., Tôi hết hơi...

(Thi văn đoàn Tình Đất Mẹ — Vĩnh - Bình)



hai bóng đen

★ NGUYỄN-THẾ-GIÁC
(Qui-nhon)

Mưa rá rích vài bóng đen ướt át
Gió giao canh tê-tái nấc âm thanh.
Tiếng kêu rên những mảnh hồn lưu lạc
— « Ôi ! lạnh lòng », vắng vắng suốt tàn canh.

Hai bóng đen đi nhau trong mưa gió
Miệng hít-hà chạy kiếm mái hiên tranh.
Hai bóng đen bước vào nhà lấp-ló
Lạnh xé lòng đến nỗi phải thất-thanh.

Đến gần họ tôi nắm tay khe-khe :
— « Áo tôi đây người đắp đỡ buốt lòng ».
Họ nhìn tôi, hé môi khô thò-thè :
— « Cảm ơn người thương xót kẻ long-đong ».

Người anh tình, đứa em còn thoi thóp
'Nằm co-ro thở từng nhịp đều đều...
Anh yếm-âu đôi tay gầy, xoa bóp,
Trắng đêm trường ngồi bên cạnh em yêu.

Tôi cảm-động thương mẫu người cô-độc,
Mái đầu xanh đã ướt đẫm cô đơn.
Giữa chợ đời biết bao nhiêu tang tóc !
Biết bao lần uống cạn nỗi oán hờn.

Đứa em gái hơi thở càng yếu ớt,
Lặng tay anh tự hỏi nào chẳng hay.
Khóc nghẹn-ngào bên xác em không ngớt,
Trời nhả tâm gieo nỗi khổ, niềm cay.

Anh buồn-bã chết theo người em gái,
Hai bóng đen từ đó vắng muôn đời.
Từ thân ơ gieo chỉ mùi tang hải.
Để oan hồn nức nở nỗi sầu vơi.



Những Người tên và Lịch sử

Vì một lý-do riêng, chúng tôi ngưng bài «Hoàng-phủ Phi-Giao», và đăng bài sau đây để thay thế. Xin bạn đọc thông-cảm.

★ Tân-Phong

20. — Quận Chúa ANASTASIA

● MỘT BÍ-MẬT LY-KỲ NHẤT
và MỘT VỤ-ÁN SỒI-NỔI NHẤT
TRONG LỊCH-SỬ THẾ-KỶ 20

ANASTASIA
thật hay giả ?

HIỆN NAY DƯ-LUẬN THẾ-GIỚI HÃY CÒN PHÂN-VÂN...

(tiếp theo P. T. 112)

CÁC báo chí Âu-châu đua nhau phanh-phui vụ «bí-mật Anastasia» và mệnh ai nấy đi khám-phá tận nơi tận gốc. Theo những cuộc điều tra của nhiều người thì có lẽ những tiết lộ của «Bà Tschaïkovski», (vợ của người lính Tschaïkovski, theo lời cô ấy khai), là đúng với sự thật, và công-chúa Anastasia, cô gái út của Nga-Hoàng, có lẽ đã thoát chết được nhờ một sự may mắn phi thường. Theo cô thuật-lại, thì trong những người lính ôm 11 xác chết bỏ lên xe nhà-binh để chở đi đốt, có một người là Tschaïkovski thấy xác cô còn nóng và còn thở, liền đem giấu riêng một nơi, và trên xe chỉ còn 10 xác chết đem đi đốt mà thôi. Trong đêm tối khủng-khiếp, không ai để ý đến sự biến mất một cái xác, và khi xe nhà binh chở đóng xác đến ven rừng, mấy người lính chỉ lo đốt cho mau cháy thành tro để rồi họ đổ đồng tro xuống một cái giếng sâu, rồi lấp đất lại. Không ai ngờ có một cái xác đã thoát khỏi cuộc thủ-tiêu khủng-khiếp vội vàng ấy.

Người lính Tschaïkovski thừa lúc đêm khuya lộn-xộn đã giấu được cái «xác» còn sống của

công-chúa Anastasia, liền đem được cái xác ấy về tận quê-quán của y ở Bucarest, thủ - đô xứ Roumanie. Nơi đây y đã săn-sóc cho nàng và thừa một lúc nàng mê-man bất tỉnh, y lấy nàng có chữa.

Tất cả những lời tự-thú của nàng như trên kia, và trường-hợp nàng tự - tử, thái - độ của nàng từ lúc được người canh sát vớt lên cho đến suốt thời - kỳ nàng ở bệnh viện Dalldorf, đều là những yếu-tố để cho một số đông người, nhất là trong thân tộc của nàng, các ông Hoàng bà Chúa của nước Nga, di-cư ở Đức, ở Mỹ, và những cựu sĩ-quan của Nga - Hoàng, tin chắc rằng nàng chính là Công chúa Anastasia.

Nhưng trái lại, có một số đông người khác cũng trong thân-tộc của nàng, nhất là công-chúa Irène de Prusse, dì của Anastasia, ở Berlin, lại quả-quyết rằng nàng chỉ là một kẻ đàn-bà giả-mạo, chứ công-chúa Anastasia chính-thức đã chết rồi, và không thể sống lại được.

Câu chuyện ly-kỳ nhất, là phe nhìn nhận và phe không nhìn nhận Anastasia đều có những bằng-cớ đích-xác, thật khó mà phân-biệt phải trái, và chính những sự-kiện trái-ngược ấy đã được



Một bức ảnh cũ 3 công-chúa Nga (Anastasia đứng bên trái), đăng trên báo Berliner Illustrierte Zeitung, số 43, ngày 23-10-1921, là khởi-điểm « Vụ bí-mật Anastasia » làm xôn-xao dư luận quốc-tế cho đến ngày nay.

phơi-bày ra trước tòa-án Hamburg ở Đức ngày 15-5-1961, chỉ làm cho vụ bí-mật Anastasia càng bí-mật thêm mà thôi.

CUỘC ĐỜI PHIÊU-LƯU CỦA « CÔNG-CHÚA ANASTASIA »

Ở Việt-Nam, các báo không có nói đến vụ án ly-kỳ này, cho nên chỉ những người có theo

dõi các báo chí Tây-phương mới biết đến mà thôi, tuy nó đã làm sôi-nổi dư-luận quốc-tế nhất là từ 1950 đến 1961.

Nay chúng ta hãy trở lui lại thời-gian ấy và dò theo những bước phiêu-lưu của « cô gái vô-danh » kia từ lúc bá-tước Kleist đến nhà thương Dalldorf xin rước nàng về ở nhà ông ngày 22-3-1922. Các bạn đã biết rằng Bá-tước Kleist tin chắc cô-gái vô-danh chính là công-chúa Anastasia. Ở nhà bá-tước Kleist ít

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH

lâu, nàng bỏ đi đến ở nhà ông Grunberg, cựu thanh-tra cảnh-sát Nga, di-cư ở Đức. Rồi nàng bị bệnh lao, vào nhà thương Westend, một thời-gian ra ở lại nhà bá-tước Kleist. Tháng Giêng 1925 nàng trở lại ở nhà Grunberg. Bệnh lao tái phát, nàng vào bệnh viện La Vierge, được một phụ-nữ Nga săn-sóc chu đáo, bà Rathlef. Năm 1929, bà này có viết và xuất-bản một quyển sách dày, nhan đề là « Anastasia ? Enquête sur la survivance de la plus jeune des filles du Tsar Nicolas II » (Điều-tra về sự sống sót của cô con gái trẻ nhất của Nga-Hoàng Nicolas Đệ-Nhị) để chứng minh một cách chắc-chắn rằng « cô gái vô-danh » kia là công chúa Anastasia, mà bây giờ trong lý-lich chính thức gọi là « Bà Tchaikovsky », vợ góa của người lính Ba-lan đã cứu nàng.

Cuối năm 1929, một công-chúa trong hoàng-tộc Nga, di-cư sang Mỹ từ lâu và lấy chồng Mỹ, là công-chúa Xenia, một trong những người di của Anastasia, lấy tên chồng là Mrs. Leeds, mời nàng sang Mỹ ở với công-chúa. Không muốn để nàng mang mãi cái tên khó đọc « Bà Tchaikovsky », và để tránh cái nhục làm quả-phụ một người

lính Ba-Lan, công-chúa Xenia đặt cho nàng cái tên Mỹ là « Bà Anderson ». Đến năm 1931, « Bà Anderson » từ-giã nước Mỹ, trở về Đức, ở trong một bệnh viện bài lao. Và từ đấy, các báo Âu-Mỹ gọi nàng là Bà Anderson !

Hiện bà vẫn còn ở nước Đức, trong một khu rừng núi hoang vu gọi là Forêt-Noire, trong một ngôi nhà nhỏ giữa bốn bức tường cao có hàng rào dây kẽm gai, bao bọc chung quanh, với sự bảo-trợ của một hoàng-thân Đức. Prince de Saxe Altenburg, và sự săn-sóc thường xuyên của Bà Bá-tước Đức Von Heydebrand ở hầu-hạ Công-chúa.

● TRƯỚC TÒA ÁN HAMBURG (15 5-1961)

NGƯỜI đàn bà nay đã trên 60 tuổi với cả một dĩ-vãng phiêu-bạt trầm-luân trong 45 năm, mà không ai biết tên thật là gì, kẻ gọi là Bà Tchaikovsky (theo tên Nga) người gọi là Bà Anderson (theo tên Mỹ), kẻ bảo là Công-chúa Anastasia, người bảo là không phải công-chúa, đã chán-nản đến nỗi tìm đi ẩn-trú trong một khu rừng hoang, lại bị gọi ra trước một phiên-tòa

Công - chúa
Anastasia, hồi
16 tuổi, với
chữ ký của
nàng trên tấm
ảnh, chụp tại
Moscou năm
1917 trong
cung-điện của
Nga - Hoàng.



→
đề nghe
người ta xử
về lý - lịch
của mình!
Phiên-tòa ở
một thành -
phố Đức,
nhưng hầu như

một phiên tòa quốc-tế vì có rất
đông các báo chí trên Thế-giới
đến dự. Thật là một vụ kiện hi-
hữu trong lịch - sử. Ai kiện?
— Chính là một số các ông
Hoàng bà Chúa của Cự trào
Nga - Hoàng Nicolas II, giòng
họ Romanoff, hiện ở Đanemark
và ở Đức, kiện người đàn-bà vô-
danh kia không phải là Công chúa
Anastasia. Và ai kiện lại? Cũng
chính là một số ông Hoàng bà
Chúa khác của giòng họ Nga-
Hoàng, cương quyết nhìn - nhận
đấy là công-chúa Anastasia!

Còn chính đương-sự, với ba
bốn cái tên giả-tạo khác nhau,
cả tên Nga lẫn tên Mỹ, lại cứ
im-lặng: nàng không trả lời rằng
phải, nàng không trả lời rằng
không!

Trước kia, nàng đã thú nhận nàng
là Công-chúa Anastasia, nhưng
bây giờ nàng không cần cãi vả
nữa. Ai bảo phải, nàng cũng ừ; ai
bảo không phải, nàng cũng...ừ!

Hồ-sơ Anastasia phô-bày giữa
tòa-án Hamburg rất nhiều, không
thề kể hết ra đây từng chi-tiết,

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH

chỉ biết tòa-án đã đưa ra nhiều
lý-do để kết luận rằng:

« Bà Anderson — Tschai-
kovsky không phải là Công-
chúa Anastasia ».

Tại sao Tòa-án xử-xét như vậy?

Chỉ vì một lý - do quan-
trọng nhất, là Bà có tiết-lộ rằng
hồi Đại-chiến 1914-18, quận-chúa
de Hesse của nước Đức là anh
của Hoàng-hậu Nga, có bí-mật
đi qua Nga để lên-lút vận-động
đình-chiến. Quận chúa de Hesse
ra tòa phản-đối kịch-liệt rằng
hồi đó ông không hề có qua
Nga lần nào cả.

Về điểm này, các người
bên - vực cho Công - chúa
Anastasia quả-quyết rằng hồi
1916 Quận-chúa de Hesse có
bí-mật sang Nga để vận-động
đình-chiến riêng, nhưng việc đó
được giấu kín vì sợ mang tiếng
là phản-bội với các đồng-minh
của Đức, và đó là một hành-
động hèn-nhát của Quận-chúa
giữa lúc chiến-tranh. Do đó mà
Quận-chúa de Hesse là người
hăng-hái nhất ra tòa để phủ-nhận
« bà Anderson » là Công chúa
Anastasia. Đây là vấn-đề danh-dự
của nước Đức đối với Lịch-sử
Âu-châu.

Và chính là điểm rất quan-
trọng trong vụ án Anastasia.
« Bà Anderson » đã vô-tình đưa

ra một việc bí-mật trong trận
thế-chiến 1914-18, không ngờ
việc ấy có liên-hệ đến danh-dự
của nước Đức và riêng danh-dự
của Quận chúa de Hesse.

Một lý-do thứ hai, là người
ta biết rằng Nga-Hoàng có gởi
tại Ngân-hàng Anh-quốc một số
tiền kết-xù, từ 10 đến 20 triệu
roubles. Nếu « Bà Anderson »
được tòa-án chứng-nhận là Công
chúa Anastasia, thì nàng là con
gái chính-thức của Nga-Hoàng,
sẽ là người được hưởng cái gia-
tài vĩ-đại kia. Vì thế nên hai
người di của nàng là Công-chúa
Irene và Công-chúa Olga ra tòa
cương-quyết phủ-nhận nàng là
Anastasia. Chỉ vì vấn-đề quyền-
lợi cá-nhân. Họ muốn đừng có
Anastasia để cả gia-quyển của
họ được chia nhau gia-tài của
Nicolas II.

Dư-luận cho rằng các vị quan-
tòa Hamburg đã bị áp-lực của
Quận-chúa de Hesse vì vấn-đề
chính-trị, và của các bà Chúa ông
Hoàng của giòng họ Romanoff
vì vấn-đề quyền-lợi nơi gia-tài to
lớn của Nga Hoàng còn gởi ở
Ngân hàng Anh, nên đã tuyên bố
một bản án bất công và sai lầm.



↑ Hoàng Thái-tử Nga với 3 Công-chúa trong ngục-thất ở Moscou. Ảnh do một người lính gác ngục chụp 3 tháng trước đêm bị thảm mà Nga-Hoàng Nicolas II và cả gia-quyển 11 người bị quân cách mạng tàn-sát.

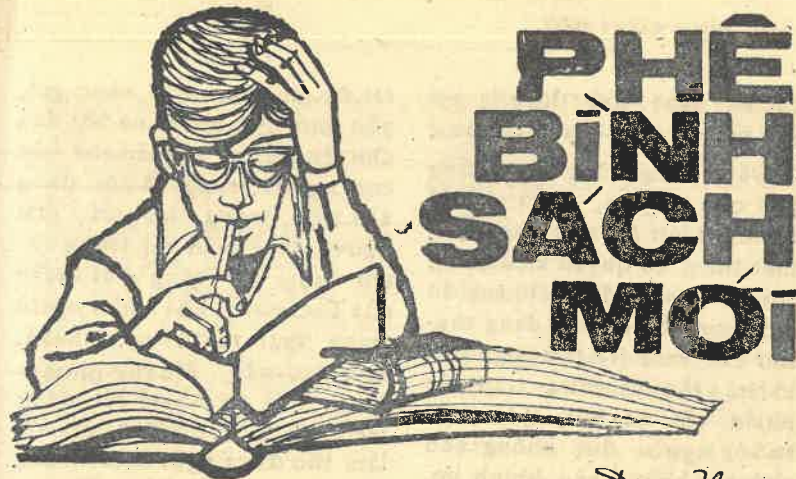
Kết cuộc tòa-xử: đối với pháp luật Bà Anderson-Tschaikovsky không phải là Công-chúa Anastasia. Nhưng dư-luận thì chính là Công chúa Anastasia đã bị gia-tộc của giòng họ Romanoff không nhìn nhận.

Vì một gia-tài trên 20 triệu đồng rúp, và vì một hành-động thảm lén của một ông Hoàng

nước Đức muốn ếm nhem không cho tiết lộ một việc làm hèn-nhất của ông trong lịch-sử.

★ Tân-Phong

KỲ SAU : ★ Danh-nhân Thế-giới : Đại nhạc-sư của thế-kỷ XX : CLAUDE DEBUSSY



PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

★ Diệu-Huyền

TÌNH VỀ ĐẠI LỘ

Thơ của Đại-Tôn HOÀNG-PHONG-LINH
Tác - giả xuất - bản

ĐÂY là một trong hàng trăm tập Thơ Tình của bạn trẻ xuất bản trong mấy năm gần đây. Những tập thơ khổ lớn hơn tờ giấy đánh máy 21x27, in hoặc quay ronéo độ bốn năm trăm quyển, chứa đựng trên dưới ba bốn chục bài, tình thơ tha-thiết, rên-rỉ, đau-thương, lời thơ cô gắng điều-luyện, hoặc bừa-bãi dễ thương, — đã đưa nhau ra đời giữa sự

lãnh-đạm hoàn-toàn của công-chúng và sự khinh-khi mai-mĩa của giới Văn-ngệ. Rất nhiều các thi-tập ấy không hứa-hẹn một tương-lai nào cả, và đã bị âm-thảm mai-một theo thời-gian.

Tôi đã đọc kỹ tất cả, không bỏ quyển nào, và đã tìm thấy nhiều điểm khá ái trong đồng Thơ lãng-mạn ấy của một số bạn-trẻ từ 18 đến 30 tuổi, mà

thê-hệ ngày nay thường gọi là «mắm xanh của dân-tộc».

Đành rằng cũng có những bạn quá tự-phụ, chưa chỉ đã tự-tôn mình là một thiên-tài, một thi-sĩ có quyền kiêu-căng, coi rẽ người đời. Nhưng đó chỉ là sự biểu-dương đáng tha-thứ của tuổi trẻ thường thiếu khiêm-tôn và chưa tiếp-xúc nhiều với xã-hội. Tôi thiết tưởng người đời không nên ghét họ, không nên khinh họ, và phải nhận thức cái chứng-bệnh ấu-trì của thời-đại, mà thời-gian, thực-tế, và Văn-hóa sẽ dần dần chữa khỏi, và phải có trải qua một thời-kỳ điên loạn rồi mới có sự nỗ lực xây-dựng một Văn-ngệ phát-triển lành-mạnh vững-chắc hơn.

Tác-giả «*Tình về Đại-Lộ*», một thanh-niên hoạt-bát, có tri-thức căn-bản tốt đẹp, rất thông-thạo về Anh-ngữ, giúp-việc cho một cơ-quan ngoại-quốc, và bốn tính rất yêu thơ, mê thơ, là một trong những thi-sĩ có nhiều triển-vọng của lớp trẻ 1962.

Tôi nói lớp trẻ 1962, vì lớp trẻ mới, hưởng-ứng phong-trào Thơ Bạch-Nga hiện nay, đã từ bỏ dần-dần những đề-

tài ủy-mị than mây khóc gió, yêu nhớ tình nhân, và bắt đầu chuyển-hướng về thân-thê của con người trong xã-hội đang xáo-trộn, trong thê-giới loài người đang biến-cải, trong vũ-trụ đang mở rộng giới-tuyến của Tư-tưởng, của muôn nghìn trạng thái tư-tưởng, thuần-túy, cao-siêu. Hoàng-phong-Linh, một tiêu-biểu rất đáng mến của thê-hệ 1955-1962, đã làm thơ đề cao-ngợi thần-tượng của tình yêu mê-ly, đã say-mê thơ vì say-mê tình yêu lãng-mạn, mục-phiêu chính của tuổi-trẻ vô-tư-lự, ham sống, ham vui, ham khiêu-vũ giữa trường đời tự-do, thác-loạn. Nếu có buồn chán, cũng vẫn là cái buồn của tuyệt-vọng, của tình người đang-dở, của lời thề bị phản-bội, trong lứa tuổi hoa-niên:

Dương thế chưa đi hết nửa
đường

Đầu xanh tình hận đã buồn
vương

Tâm-tư thầm kín ôm đời khóc
Tiếng nấc chìm trong nhạc phố
phường.

Đại-lộ chiều say nắng phố
phường

Âm ba gờn-gợn sắc diu hương

Đi trong thiên hạ lòng hoan-
đại

Đạp nắng mà ngâm thơ viễn-
phương.

Tất cả tâm-tư của tác-giả, —
của bạn trẻ nói chung, —
đều thiết tha gửi gắm vào
«em», tất cả vào «người em
sâu mộng» được lý-tưởng-
hóa nhiều hơn là thực-tế:

Tôi tiếc ngày xưa tôi khóc em
Tình yêu như gió thoảng qua
rèm

Sao em lại nở làm dang-dở
Tháng mộng ngày mơ, sao thể
em?

Cho tôi xin lại nguồn thơ mất
Lam vốn cho đời say mất xanh
Van em trao trả ngày hoa mặt
Và trả cho tôi giấc mộng lành

Đứng trên lĩnh vực khách
quan mà xét, với những yêu-
tô thơ-mộng của tuổi trẻ, thì
những câu thơ như thê thật
là đẹp, đẹp vì giản-dị, vì chân
thật, vì trẻ.

Hoàng-phong-Linh không
ngần-ngại viết:

Em đi vào hồn tôi bằng gót
giày rất nhọn

Giòng máu tươi loang lổ
bước chân em.

Đề cho «gót giày mũi kim»
—(talon-aiguille)— của mỹ-nữ

dâm lên tâm-hồn mình, người
bạn trẻ quả thật đã đề cho mỗi
tình-si hạ mình xuống quá
thấp, cho đến đôi:

Tôi ghen ngào vào phố vắng
đường êm

Mang vết thương vào cuộc
đời đen tối.

thì cũng đáng thương-hại cho
một chàng trai của thê-kỷ có
tâm hồn thơ mộng đôi-dào,
lời thơ rất đẹp, nhưng ủy-mị
quá, không còn hơi nóng của
Thơ thuần-túy nữa. Nhưng
trái lại, rất đáng mến khi
chúng ta thấy tác-giả «Viết
riêng cho một thằng bạn: Vinh
Xương»:

Có 1 thằng làm thơ bằng nước
mắt

Những đêm dài đếm bước một
mình

1 thằng say theo cung đàn diu
đặt

Ngâm tơ lòng bằng giọng buốt
tâm linh

2 thằng cùng nhau đi — bàn tay
nắm chặt.

Mơ cuộc đời là một buổi bình
minh.

Thơ như thê, tôi cho là thơ
hay. Ảnh-tượng linh-động và
cảm-động của đôi bạn trẻ
nghèo, hiền từ và ngây thơ,
trước cuộc đời mà mình nhìn
trong mơ như buổi bình-minh.

Chàng trai thê-hệ vẫn sống

trong giấc mơ triền-miền của
tình yêu chỉ mơ « em », « thờ »
em, chỉ « em » là tất cả, là
« Hoàng hậu » ngự-trị toàn
vẹn trong lòng mình.

Tôi mơ đường hoang vắng
Chỉ mình em với tôi
Thơ vâng tôi dâng tặng
Tình yêu, hoa, bướm... thôi !

Nhưng ôi, toàn mộng cả
Thờ-ơ em vẫn đi
Chiều buồn như hoang đảo
Lòng tôi nặng tình si

Tôi trở về cô-độc
Ôm theo hình bóng em
Tóc dài thơ nhớ khóc
Chiều buồn đường vắng thêm.

Hay lắm ! Đây không còn thơ
ngây như Nguyễn-Bính nữa,
không phải đắm-say khoái lạc
như Nhật-Tuần. Đây là si-mê
rạo-rực của chàng trai 1960, si-
mê trong tuyệt-vọng điên-
cuồng, trong thương khóc vằn-
vơ, trong chiều buồn nhạt-nhèo.

Cậu con trai Hoàng-phong-
Linh xui-xẻo làm sao ! Thi-
sĩ sao mà vô-duyên lắm thế ?
Luôn luôn toàn là tuyệt-vọng,
rối đến khi được một người
yêu, thì đêm Noel :

Sao không đi lễ cùng anh
Đêm nay rực-rỡ kinh-thành hoa
đăng
Một mình anh giữa giá băng...

Tìm em giữa sóng người tuôn
Áo màu xưa ?... tím cả nguồn
thơ điên

Em về lạnh buốt cao nguyên
Nửa đêm Đà-lạt u-huyền sương
rơi

Đàn thông diu tiếng lá-lơi
Nhịp chân em với một người,
chao ôi !
Đường cao ôm bóng choàng đôi..

Hoàng-phong-Linh là một
thi-sĩ có chân tài, và có nhiều
triền-vọng.

Nhưng, toàn tập thơ « Tình
về Đại-lộ » chỉ toát ra lời than-
thở, buồn-rầu, tuyệt-vọng. Chỉ
một hay những chiếc bóng
huyền-ảo, cứ đeo đuổi mãi,
làm ám-ảnh liên-miền trong
tâm-hồn người bạn trẻ, không
còn chỗ cho một lý-tưởng nào
khác hơn, tốt đẹp, thanh cao
hơn.

Đáng khen và đáng trách.
Khen nhà thơ trẻ tuổi tài-hoa;
có ý thơ tha-thiết, giọng thơ
chân thành. Nhưng trách
chàng trai nước Việt, tổ-quốc
trải qua bao cơn nguy-biến,
sao chàng không đem tài-năng
do Thượng-đề đã phó thác cho
đề ca ngợi những thần-tượng
cao siêu hơn, thuần túy hơn,
vinh-hạnh cho ngời búi thi
nhân hơn?

Thề hệ ngày nay mong ở nơi
các tài hoa son trẻ một cô
gắng trau-dồi Văn-hóa, chuyển
hướng tâm-hồn, nhằm mục
phiêu thiêng-liêng của giá-trị
Con-Người giữa Loài người
và giữa Vũ-trụ. ★ ●



(Tiếp theo P.T. 111)

Lời Tòa soạn : Vì một lý-do riêng, chúng tôi tạm ngắt nơi đây
một đoạn dài, đợi một chương khác sẽ bổ túc vào.

Nay chúng tôi tiếp-tục bằng chương sau đây...

MỘT buổi sáng thứ
Hai, trông đánh tự
trường được một lúc, thì ông
« Địa » (học trò gọi tắt ông
Địa-réc-tơ Deydier) và các
giáo-sư Pháp-Nam. (1) đều
hết sức ngạc-nhiên thấy hầu
hết học-trò các lớp từ Đệ-
Nhất niên lên Đệ-tứ-niên, đi
học đều mặc âu phục. Ông Địa
và các giáo-sư đều gọi đó là
« một cuộc cách-mạng » ! Vì
lần đầu tiên học-sinh Qui-
nhơn; và cùng một lúc cả
học-sinh toàn-quốc, đi học

« mặc đồ Tây ». Trước đó, từ
Bắc chí Nam học trò chỉ mặc
« đồ An-nam », và mang guốc,
hoặc đi chân không. Học trò
Bắc-kỳ mặc áo the đen, hoặc
áo vải quỳền trắng, quần
vải quỳền trắng. Học trò
Trung-kỳ mặc áo « trắng đằm »
đen, và quần vải quỳền trắng.
Học trò Nam-Kỳ mặc đồ bà-
ba trắng, chỉ con nhà giàu

(1) Lúc bấy giờ tiếng thông-
dụng gọi là Pháp-Nam, chứ không
gọi là Pháp-Việt.

mới mặt: đồ Tây, mang giày Tây. Ở Trung và Bắc-Kỳ; học trò mặc đồ Tây là việc hi hữu, dù là con nhà giàu, hay con nhà quan.

Bỗng dưng, sau cuộc bãi khóa toàn-quốc niên-khóa 1926-1927, học-sinh Trung-học cả ba Kỳ đều bảo nhau « mặc đồ Tây » hết, và đồ tây may toàn bằng vải nội-hóa.

Khởi điểm phong-trào « đi học mặc đồ Tây » là do học-sinh Quốc-học, Huế. Còn cuộc vận động « đồ Tây may bằng vải nội-hóa » lại là do học-sinh trường Qui-nhơn. Nói cho đúng với sự-kịch lịch-sử và xã-hội, thì hai phong-trào kia đều do ảnh-hưởng của đời sống « âu-hóa » đã bắt đầu phát triển mạnh mẽ ở Sài-gòn trước tiên, từ ngày cụ Phan-chu-Trinh ở Pháp hồi hương, và ở Bắc-kỳ từ ngày cụ Phan-Bội-Châu bị Tây bắt ở Thượng-Hải đưa về Hà-nội. Do cuộc tuyên-truyền miệng, vì hầu hết những phong-trào toàn-quốc lúc bấy giờ đều do khẩu truyền gây ra, chứ không phải do nơi cổ động trên báo chí.

Báo chí « An-Nam » suốt các thời-kỳ cách-mạng tiền-chiến đều chỉ đóng vai trò thụ-động. Hoặc họ phê-bình đả-phá các phong-trào ái-quốc theo mệnh-lệnh của Tây, Chưa bao giờ, trong thời kỳ sôi nổi 1925 — 1927, báo chí An-nam đóng vai tiên-phong hay chủ-động, dắt-dẫn quần-chúng, trừ một đôi tờ như Cloche Félée của Nguyễn-An-Ninh, và La Jeune Indochine của Vũ-đình-Dy ở Saigon, Tiếng Dân của cụ Huỳnh-thúc-Kháng ở Huế, L'Argus Indochinois của Amédée Clémenti ở Hà-nội, là những cơ-quan riêng-biệt độc-lập, của những nhà trí-thức cách-mạng Annam và Tây.

Phong-trào học-trò đi học mặc đồ Tây bằng vải nội-hóa, năm 1927, cũng không phải do báo chí phát-động. Trái lại, có nhiều tờ báo lại còn làm thơ con cóc và đem những triết-lý đạo-đức vụn ra mà chê nhạo nữa là khác. Mặc kệ, bọn học-trò bảo nhau: Tây họ thầy tụi mình mặc áo quần An-nam, họ khinh mình là nhà-quê, họ chửi mình là « sale race ! »

(Nói-giống dơ-bần), thì từ nay tụi mình mặc đồ Tây đi học.

Hôm ấy, trò Quỳnh, trò Hào, trò Thu (quê Phan-Thiết), trò Tuấn, trò Ứng (quê Quảng-Nam) ngồi bàn chuyện tại nhà thầy Phạm-đào-Nguyên về vấn-đề « mặc đồ Tây », do mấy anh Quốc-Học đề-xướng hôm trước. Lúc đầu trò Hào còn e-ngại:

— Tụi mình mặc đồ Tây, sợ ông Địa với các giáo, sư cho tụi mình là vô-lẽ, hay làm phách, thì sao?

Trò Thu chuyên môn giọng cười hài hước:

— Mõa mặc đồ Tây mà mõa cứ học thuộc bài khỏi ăn hột vịt là mõa « măng phú ! » Mấy ông giáo sư mặc đồ Tây, có làm phách và vô-lẽ với ông Địa không?

Quỳnh:

— Tao chỉ sợ xin tiền may đồ Tây cha tao hông cho.

Tuấn:

— Tao thì đi năn-nỉ anh thợ may cho tao may chịu, rồi nghĩ hè vô sẽ trả.

Hào cười hi-hi:

— Nghĩ hè vô, mấy bán bộ đồ tây đó để trả tiền cho thợ may hả?

— Nghĩ hè về quê, tao diện đồ Tây, đeo cờ-la-oách cho oai, thì cha mẹ tao khoái mắt, như định là cho tao tiền.

Hào:

— Ông già bà già tao thì dễ lắm, Ông mặc đồ Tây, ông cũng thích tao mặc đồ Tây cho giống ông. Nhưng tao sợ tụi mình mặc đồ Tây đi học bị ông Địa cầm, không cho mặc thì sao?

Nghĩ đến trường-hợp có thể ông Địa cầm học trò đi học mặc đồ Tây, trò nào cũng ái-ngại. Nhưng Tuấn bảo:

— Tao thì tao hông sợ ông Địa cầm. Cầm là vô-lý. Tao chỉ sợ lão Gabriel càng ghét tao rồi suốt năm cứ cho tao ăn trứng vịt. Nhưng tao hông cần.

— Mấy có lão Arago với lão Antomachi thương mấy, hề giờ Toán Gabriel cho mấy zéro thì qua giờ Luận Pháp văn ông Antomachi cho mấy 9 sur 10, Ông Arago cho mấy Lecture cũng 9 sur 10. Cái này bù qua cái kia.

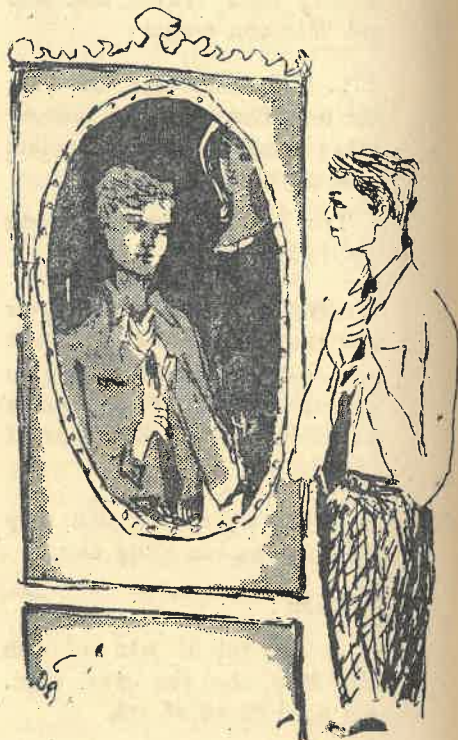
— Ủ, vậy cho nên tao đâu có sợ lão Gabriel.

Rốt cuộc, ai cũng tán thành mặc đồ Tây đi học, nếu xảy ra chuyện gì sẽ liệu sau. Nhưng Tuần đề nghị may bằng vải nội-hóa, đừng thêm may vải Tây. Cãi nhau một hồi lâu rồi tất cả chịu may bằng vải nội-hóa mua ở Quảng Nam. Vải dệt ở Qui-nhơn và Quảng-Ngãi không chắc và không đẹp bằng dệt ở Quảng Nam, may anh thợ may bảo thế.

Phòng-trào vận-dộng may đồ Tây được tuyên-tuyên miệng khắp giới học-sinh các lớp Trung-học. Học-sinh tiểu-học còn nhỏ tuổi, hầu hết các bậc phụ-huynh các em không cho mặc đồ Tây. Thề là nửa tháng sau, hai phần ba « học-trò lớn » đều có mỗi trò một bộ đồ âu-phục bằng vải nội-hóa. Họ gọi là « Nhứt bộ », vì trò nào cũng chỉ kiếm tiền may được một bộ mà thôi. Còn một phần ba học sinh, — tụi nhát gan nhát, sợ mặc đồ tây sẽ bị ông Địa phạt và giáo sư ghét, — nhát định áo dài đen, quần trắng, mang guốc.

Sáng thứ Hai ấy, Tuần dậy thật sớm, tắm rửa sạch sẽ để làm lễ khánh thành bộ đồ Tây đầu tiên của trò. Chải tóc

rẽ trois-quarts thật bảnh bao, xong Tuần trịnh trọng mặc sơ-mi trắng mới tinh, chiếc sơ-mi mới may duy nhất, cẩn thận cài từng cái nút xa-cừ, rồi thắt « cà-ra-oách » do anh thợ may đã bày cho cách thắt và Tuần đã tập mãi cả ngày chủ nhật để thắt cho đẹp, và cho ngay thẳng giữa cổ.



Xong, không mặc quần đùi vì Tuần ghét mặc quần đùi, cứ ở trường như thề Tuần lấy nhẹ-nhẹ cái quần Tây, xỏ nhẹ nhẹ vào hai ống chân, sợ nó « mất plis ». Hai tay cầm hai bên lưng quần, Tuần cúi xuống ngó từ dưới ngó lên xem có ngay thẳng không, rồi mới cài nút. Thắt giầy lưng vải, vì hồi đó chưa có tiệm nào bán thắt lưng da. (Anh thợ may giùm cái thắt lưng vải, Tuần phải trả thêm hai đồng bạc). Xong đâu vào đấy, Tuần lấy nhẹ-nhẹ chiếc áo vèt, vì cái một thời bây giờ là ai mặc đồ Tây cũng phải mặc đủ bộ quần và áo, chứ không ai mặc sơ-mi trần. Học-trò cũng mặc « đồ lớn » như người lớn vậy. Xong rồi đến việc mang giầy mà không có vớ. Vì mua vớ tốn tiền thêm, và chủ tiệm không bán chịu. Chỉ có anh thợ may là bằng

lòng may chịu mà thôi. Dĩ nhiên là trò Tuần may chịu cả cái cà-ra-oách, giá tiền thêm 2 đồng nữa, vì không có tiệm nào bán cà-ra-oách cả.

Xong đâu vào đấy, trò Tuần ngắm nghía trong tủ kiềm của ông chủ nhà, tự thấy ngượng-ngùng, mắc-cở, muốn cời ra hết, xếp cất vào va-li. Người đầu tiên trông thấy Tuần mặc đồ Tây là cô con gái ông chủ nhà, 14 tuổi, học trò lớp nhì. Cô Công Tôn-nữ-Thị-Linh khen « anh Tuần mặc đồ Tây đẹp quá », và cứ đứng đó trăm-trở khen mãi. Cô còn chạy xuống bếp gọi : « Mẹ ơi, lên coi anh Tuần mặc đồ Tây đẹp quá, nè Mẹ ! » Tuần hoảng hồn, chạy vô buồng trốn mất, không dám thò đầu ra...

(Còn tiếp)



★ ĐUỐI KHÉO !

Khách. — Khoảnh vườn của ông đẹp đấy chứ ! Nhưng xem nó có vẻ trống trải.

Chủ. — Ông nhận định đúng ! Nó trống trải là vì cây-cối còn non. Tôi mong mỗi ông trở lại thăm vườn chúng tôi khi nào cây cối trở đủ hoa quả. Chúng tôi rất lấy làm vinh hạnh.

P.C.



khóc cha

THU - NHỊ

(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

Nhớ chẳng Ba ! Một đêm xưa trong gian phòng thanh-vắng
Ba giật mình lắng nghe ai nức nở góc giường con
Lần bước đến... Ba hứa gì qua nét buồn trầm-lặng
Mà lâu nay... nước mắt tràn thấm mặn ướt môi son

Sáng hôm ấy, Ba đi khi đôi cây chưa vương nắng

Ngước nhìn trời con ngỡ giăng muôn vạn sợi tơ nâu

Sắp lên thuyền Ba còn đến vuốt tóc con căn-dận.

« Ba sẽ về... ! Vui đi con ! Đừng thái quá u-sầu !

Con chờ mãi... thu rồi thu .. nổi nhau dài dằng-dẵng

(Ba chưa về vì dây đeo cả chấn nghên lối đi)

Chiều êm-ả con thường ngồi trầm-ngâm bên hiên vắng

Nhìn mây bay, con tưởng-tượng ngựa trắng của Ba phi

Nhưng một hôm con nát lòng nghe tin các chị nhắn :

« Ba chết rồi ! Em liệu quần khăn trắng của cô-nhì ! »

Đau đớn quá, con gục đầu ngậm xót-xa cay-đắng

Mắt hoa nhìn vũ-trụ đắm trong vạn lớp sầu-bi !

Ngồi tưởng-tượng tiếng Ba vọng đâu đây vắng-vắng

Lệ trào... lặn... còn bỏ dở .. mấy vần thi...

.



một cảnh cây khô

MINH-ĐỨC

(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

Một cảnh cây khô

Từ phương trời nào

Theo sóng dạt dào

Trôi về nơi mô ?

Cảnh xưa ngây thơ

Chưa hề mong chờ

Chưa nghe ân ái

Quen đời hoang sơ

Trên lòng cát vắng

Áo cát màu trắng

Chiều nay gió về

Trao bờ yên lặng

Cành non mong manh

Từ rừng xa xanh

Chiều nào bạt gió

« Lìa cây sao đành »

Cành khô về đây

Chỉ lời mê say

Của chàng gió bề

Lặng lờ đêm ngày

Giã từ cây yêu

Nương hương xiêu xiêu

Say men nước mát

Trôi theo cô liêu...

Đêm nay cảnh buồn

Mơ tình quê hương

Mật mờ thăm thẳm

Cây rừng yêu thương.



tha thứ

ĐÀO - THANH - KHIẾT

(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

Đời sẽ vô-nghĩa-lý
Nếu người chẳng yêu nhau.
Đời sẽ sầu vạn kỷ
Nếu còn mãi thương đau.

Em như cơn gió thoảng
Nhẹ lướt qua đời tôi.
Em như tia chớp loáng
Nỡ giết tình lứa đôi!

Tháng năm dài lẫn lữa
Tôi tha thứ cho em
Và cả cho tôi nữa !
Mong ngày mai êm đềm...

Đời sẽ sầu vạn kỷ
Nếu còn mãi thương đau.
Đời sẽ vô-nghĩa-lý
Nếu người chẳng yêu nhau.



ngủ

ANH-TUẤN

(trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

Ngủ là quên hết cả...
Quên cả nỗi khổ đau
Quên cả mối lo âu
Của cuộc đời vất vả

Là không còn nghĩ tới
Những tranh giành bì đì
Những ham muốn tanh hôi
Của tâm hồn đen tối

Là bỏ cả yêu đương
Là bỏ cả tình thương
Là mặc kệ sự đời.
Không khóc cũng chẳng cười

Là nằm yên... yên... yên...
Như xác chết...
Là quên... quên... quên...
Quên... hết... !



MỘT BÀI
THƠ
CỦA VUA

THÀNH
THÁI

★ Thiện-Sinh

★ ★ HẸN HÒ ★ ★

Hẹn hò kia đã bao giờ
Kẻ trông bến nọ, người chờ cuối kia
Đừng ai nói đêm khuya thanh vắng
Đề đây rồi vàng trắng đời nhau
Lời thề trước cũng như sau
Gian truân cũng chịu, sang giàu cũng vui.
Bếp lửa tắt túi thui khôn thôi

Mượn vầng trăng thay đời đêm thu
Con thơ kêu khóc, hu hu
Vì chưng khát sữa nên ru lấy chường.
Chim trên rừng còn nưng con nó
Hưởng chi người nỡ bỏ loài thay
Vĩ đầu cây cả gió lay
Thì ta lại có hai tay làm gì ?
Vĩ đầu có chi chi đi nữa

MỘT BÀI THƠ

Cũng gắng công vun sửa như xưa
Bố người dãi gió dầm mưa
Màn trời chiếu đất sớm trưa thanh nhàn
Khuyên cùng chàng khoan khoan bước tới
Đề cây xuân cho mới cho xanh
Đây không phải đũa vô tình
Đãi đưa lờ miệng, rập rình con người.
Đừng ai cười duyên người lẳng lúu
Mối tơ se một phiếu (1) thì sẵn
Bến sông Giang, cùm núi Hằng
Sông Hoài cá nhảy, động Sần chim bay
Mấy năm nay co tay mà đếm
Thiếp cùng chàng đã mấy thu đông
Đừng ai nhớ, đừng ai trông
Chân trời góc biển cũng thông một lời
Làm sao cho sướng cả đời
Làm sao mới gọi là người trượng phu.

Thành Thái

(chữ ký của Vua Thành-Thái)

Trong những ngày lặn lội miền quê để thu thập tài-liệu về nhà cách-mạng Thái-Phiên, cũng như việc kháng thuế của dân Quảng Nam năm Mậu-thân, chúng tôi được các cụ — trong số đó có một hai người từng là yếu nhon cuộc chính biến Duy-Tân (1916) — đọc cho nghe bài thơ trên. Bài thơ ấy, theo các cụ chính là của vua Thành-Thái làm ra trong thời gian còn tại ngôi.

Lòng trong một thề thơ đầy sắc thái dân tộc với lời lẽ cực kỳ bình dân và mượn đôi nhân tình làm bối cảnh, nhà vua ký thác nỗi lòng ưu-uẩn và giải bày tất cả khó khăn trong công cuộc lật đổ ách thống-trị. Bởi vì, hơn ai hết nhà vua thấu rõ cái ương hèn, mê ngủ của đám quan lại hàng ngày xúng xính chiếc áo rộng ra (1) một cuộn

vào chốn nội cung :

*Bếp lửa tắt tắt thui khôn thối
Mượn vầng trăng thay đổi đêm
thu*

Cho nên, mượn lời ngọt ngào
một xuân nữ, nhà vua tạm xoa dịu
ngọn lửa căm hờn đang bốc cháy
nơi các nhà cách-mạng :

*Bó người dãi gió dầm mưa
Màn trời chiếu đất sớm trưa
thanh nhàn*

*Khuyên cùng chàng khoan khoan
bước tới*

*Đề cây xuân cho mới cho xanh
Đầy không phải đũa vô tình
Đất đưa lỗ miệng rập rình con
ngươi*

Người ta nói rằng có một đạo
nhà vua giả điên, len lỏi trong
dân gian để nghe ngóng và đánh
lạc hướng sự dòm ngó của người
Pháp. Phải chăng nhờ đó nhà
vua mới thấy được cái cảnh :

*Con thơ kêu khóc hu hu
mà thốt nên lời an ủi :*

*Vì chưng khát sữa nên ru lấy
chừng*

*Chim trên rừng còn nựng con nó
Huống chi người nữ bỏ loài thay
Vị dầu cây cả gió lay*

*Thì ta lại có hai tay làm gì ?
Vị dầu có chi chi đi nữa
Cũng gắng công vun sửa như xưa*

Cái mặc cảm của nhà vua đối
với đám dân Việt lầm than là nhận

thấy mình ngồi hưởng quyền quý
bên cạnh người Pháp, chẳng
khác nào một người vợ ngoại tình
nên đã lên tiếng thanh minh :

*Đừng ai cười duyên người lẳng
liu*

Mỗi tờ se một phiếu, thì sẵn

*Lời thề trước cũng như sau
Gian truân cũng chịu, sang giàu
cũng vui*

Hơn thế, nhà vua còn nhả nhủ
với những kẻ cùng mang chung
niềm quốc hận một ngày nào
« vàng trắng đòi nhau ». Nhưng
ngày đó chưa thực hiện, vua
Thành Thái đã chịu cảnh gian
truân nơi đất khách quê người.
Lời « Hẹn Hò » ngày xưa bao
kẻ trông người chờ, đến đến năm
Bính-thìn (1916) mới được vua
Duy-Tân, nối chí cha, thi hành..

Đưa bài thơ này lên, chúng tôi
những mong thỉnh ý kiến các bậc
thức giả. Bản ý chúng tôi là muốn
lưu lại những vần thơ cách-mạng,
nhất đó lại là những vần thơ của
một vị vua từng có thành tích
chống Pháp như vua Thành-Thái.
Ngoài ra, chúng tôi không có tham
ý nào khác hơn.



2 CUỘC TRIỂN-LÃM

HỘI-HỌA

★ Châu-Giang

1

● Nguyễn-Văn-Toàn

Son đầu — từ 19 — 30-9-1963
tại Alliance française,
đường Nguyễn-Huệ — Saigon

LẦN trưng bày trước của
Nguyễn-văn-Toàn — cùng với
Jacques Halpern — còn là
những dò dẫm, khó khăn. Lần
này đã chín chắn, vững và
đều. Trước tiên tôi thấy phòng
tranh Nguyễn-văn-Toàn gây
được không khí ấm của cuộc
triển lãm Hội-Họa.

Đây là cuộc trưng bày lần II.
Nhìn tranh anh tôi thấy khá
nhiều sự tốt đẹp trong cái đà
tiền của anh về sau.

Số tranh bày khoảng độ 6
chục. Thuộc cỡ trung bình.
Mỗi tranh đều giữ được mức
vững vàng của riêng nó. Người

xem sẽ nghĩ rằng với chất sơn
(matière) mà ông Toàn chơi
trên tranh phải khó nhọc, phải
công phu lắm. Nhưng thực ra
lại là những tranh làm rất
chóng, nghĩa là ông đã nắm
được khá vững kỹ-thuật sơn
dầu mà vẫn không làm mất
đi cái phóng túng, bạo dạn
của đường nét.

Nguyễn-văn-Toàn đã lựa một
số ít vẽ gần đây để trưng bày.
Điều này còn cho ta biết rằng
Nguyễn-văn-Toàn làm việc rất
hăng. Tuy nhiên cũng không
phải là điều lạ lắm ở những
người trai trẻ. Chính sự cần
cù, nhẫn-nại — một phần —
đã làm tranh Nguyễn-văn-
Toàn tiền bộ bấy giờ.

Tuy nhiên chất Jacques

Halpern còn ở tranh ông khá nhiều, từ phòng tranh trước lần này sự ảnh-hưởng đó thông sút-giảm bao nhiêu. Có thể là một điều đáng trách, nếu cái ảnh hưởng đó còn tồn-tại mãi ở tranh Nguyễn-văn-Toàn mai sau. Tôi nói thế có nghĩa là : ảnh-hưởng là điều tất yếu của những người được mình mện-phục, của những người được mình nhận làm cái đà khởi phát. Nó không thể tránh được ở những cây bút còn yếu ớt — nhất là Jacques Halpern lại là người giúp

2

★ Jean François Rogeon

Thầy thái họa (aquarelle), từ 20 đến 26 tháng 9-63 tại phòng Triền-lâm Đô-Thành, 165 đường Tự-do

François Rogeon vừa tới Saigon được ít ngày bằng xe Lambretta, một những nơi nằm trong hành trình du-lịch thế giới của anh.

Theo như những mẫu báo giá ở trong phòng tranh thì François Rogeon còn là một ca-sĩ nữa, và hiện anh đang hát tại La Galère.. Tài vẽ và ca hát đã giúp thêm anh những

Nguyễn-văn-Toàn nhiều ý-kiến ban đầu.

Bởi vậy ảnh hưởng chỉ là chiếc áo khoác ngoài, dần dần nó sẽ bị trút bỏ đi theo với thời gian, sự làm việc tiên-bộ. Cho nên cái quan-trọng không phải là sự ảnh-hưởng nhiều ít (lúc đầu) mà chính là sự không để bị ràng buộc với nó mãi mãi.

Nguyễn-văn-Toàn phong-phú, Nguyễn-văn-Toàn trẻ. Tôi tin rằng Nguyễn-văn-Toàn sẽ dễ dàng vượt qua những trở lực đó.

phương tiện cần thiết cho cuộc du-lịch.

François Rogeon 22 tuổi râu quay nón, một Rogeon ca sĩ và một Rogeon làm hội họa tài tử.

Kê ra tranh anh không có gì mới lạ, khác thường nhưng đó là những bức tranh vừa phải, xem được không khó chịu. Nó vừa đúng mức của một người vẽ tài tử như François Rogeon.

Tranh anh không lớn, khuôn khổ thích hợp cho những

người di chuyển luôn. Một người làm hội họa tài tử mà có được cách xử dụng thái thủv họa như F. Rogeon cũng là điều đáng quý vậy. Chắt aquarelle trong rất mát và nhẹ.

Mỗi nơi anh đến chỉ với thời gian ngắn. Bởi thế tranh anh hiện trưng bày có tính chắt những bức phác họa (esquisse) nhiều hơn. Tuy nhiên nó vẫn có cái ngay ngắn vừa độ cho một bức tranh treo được. Tôi cũng không muốn đòi hỏi gì nhiều hơn ở François Rogeon nữa.

Ông ghi lại những người, những cảnh mỗi nơi ông đi qua. Phần nhiều tranh trưng bày của ông ở đây vẽ những

bên thuyền ở Chợ-lớn, một số lớn vẽ những người buôn bán nghĩa là thuộc loại dân quê Việt-nam. Tôi nhìn tranh ông với một cảm tình tốt, cái cảm tình của một người muốn đón nhận những chân thành ở những người từ xa tới.

Tôi chắc rằng mọi người trong chúng ta đều đón nhận hội-họa, tiếng hát François Rogeon như một dĩ nhiên đón nhận một người khách dễ mến.

Hội Họa, và tiếng hát tài tử ấy như một sự chào hỏi, một cái bắt tay siết chặt giữa François và người lạ mặt chúng ta vậy.

BẢO - HIỂM

- XE CỘ • GHE TÀU NHÀ CỬA
- HÀNG HÓA • SANH MẠNG, V.V...

VIỆT-NAM BẢO-HIỂM PHẬT BÀ

(Việt-Nam Assurances)

Công-ty bảo-hiểm tất cả các loại rủi ro

Société d'assurances contre les risques de toute nature

Siège social : 13 Pasteur, Saigon

Téléphone : 23529

Adresse téleg. Vietassur

R. C. Saigon
No 3618 B

Phong Quốc

Báo Ngôn-Luận ngày Thứ sáu 13-9-1963 có đăng ở trang nhất bài thơ vui sau đây :

đề mừng Tao-Đàn Bạch-Nga

Biết đùa ai ? Đành đùa thi-sĩ
Chỉ xin ông Nguyễn Vũ đừng buồn.
Lúc này thơ xạo cạn nguồn,
Đề tài hơi bí mà chuẩn không xong
Cho nên đành phải « cù » ông,
Bạch-Nga thi-bá kính mong họa dùm.

Nghe ông Nguyễn-Vũ mở tao đàn,
Thơ ngỗng tha hồ họa giọng ngan (1)
Một góc hoang-vu bơi loạn xạ,
Mỗi tuần hội nghị nói miên man !
Lập trường cũng có, tuyên ngôn có,
Thiếu nữ không khan, phụ nữ khan.
Thời buổi khó khăn, e dễ mãi,
Mỹ, Phi, Pháp, Nhật (2) chật trần gian.

★ NAM-PHƯƠNG-SÓC

- 1) Ngan và ngỗng, thuộc cái giống mà người Tàu gọi là Nga đấy.
- 2) Trong tao đàn Bạch-Nga có nhiều nhà thơ ở rải rác khắp các nước Mỹ, Phi-luật-tân, Pháp, Nhật, thường vẫn gửi thơ về đăng trong báo Phô-Thông.

Cảm tạ Thi-sĩ Nam-phương-Sóc

Nhà Hán có Đông-Phương-Sóc
Với biệt-tài thơ móc, ba-gai,
Miền Nam Hậu-chiến thứ hai,
Có Nam-phương-Sóc khôi-hài cũng hay.
Cười đời thấy dễ, cười dai,
Gặp đời hết dễ, rứt vai hết cười !
Cù ai, đâu dám cù người,
Đành thôi, quay lại... chọc cười Bạch-Nga !
Lại còn bắt « họa » nữa a ?

Hòa-khúc e khi lỗi nhịp đàn,
Rằng Nga là Ngỗng ? Ngỗng là Ngan ?
Vịt « bơi loạn xạ » (1) hồ Ngôn-luận,
Cóc nhảy tung-hoành cảnh phế-mán.
Ngọn bút Dương-Hùng hoa gió cột,
Thâm cung Vũ-đế tiếng cười khan.
Vườn thơ lộng-tấu tung-bùng nhĩ,
Vịt, ngỗng ngan, gà, nhện thế-gian !

★ DIỆU-HUYỀN

- 1) « Bơi loạn-xạ » là chữ của Nam-phương-Sóc, không phải của tôi.

Thi-Sĩ Mỹ : X.J. Kennedy

Sinh năm 1929 (năm nay 34 tuổi) tại Dover, New Jersey, Huê-kỳ. Năm 1961 xuất bản tập Thơ Nude Descending a Staircase có tiếng vang sâu rộng trong quần chúng. Là giáo-sư Đại-học đường Michigan. Ông bị một vài kẻ ganh-ghét nói xấu và chê bai, ấy là bọn Văn-sĩ rẻ tiền không được công chúng hoan-nghehnh, bọn mà các nhà phê-bình văn-học chân chính gọi là « prétentious writers », « literary cliques », nhưng ông vẫn nổi tiếng và rất được các giới tri-thức và thanh-niên yêu chuộng vì giá-trị độc-đáo của Thơ ông trên Thi-dàn Mỹ 1950-1963,

Faces from a Bestiary

The Lion sleeps with open eyes
That none may take him by surprise.
The Son of God he signifies

For when a Lion stillborn lies
His mother circles him and cries.
Then on the third day he will rise.

2

Hyena is a beast to hate.
No man hath seen him copulate.
He is unto himself a mate

You who this creature emulate
Who with your mirrors fornicate
Do not repent. It is too late

(1961)

các bộ mặt trong chuồng thú

Con Sư-tử ngủ vẫn mở mắt
Đề khỏi bất-thần bị người chụp bắt.
Ý hẳn là Con của Chúa.

Vì khi Sư-tử sinh ra nằm nhắm mắt,
Mẹ nó đi vòng quanh và găm-thét,
Đến ngày thứ ba nó chồm dậy,

2

Xú-cầu (★) là con vật khá-ố,
Chẳng ai thấy nó giao-cầu.
Nó chỉ làm bạn thân với nó,
Hỡi ai bắt chước con vật đó
Thông-dâm với bóng trong gương,
Hãy đừng hối-tiếc. Trễ quá rồi đó !

N.V. dịch

★ Vài người chép tự-diễn dịch chữ Hyena : « con linh-cầu », là không đúng.

Thi-sĩ Nga : Boris Pasternak

Sinh năm 1890 tại Moscou, và cũng chết nơi đây năm 1960. Cử nhân Triết-học. Dịch nhiều Thi-phẩm của các Thi-sĩ Tây-phương. Xuất bản nhiều tiểu-thuyết và kịch. Sau Đệ-nhi thế-chiến, ông viết xong bộ truyện *Docteur Jivago* bị nhà cầm quyền Nga-Xô cấm in. Ông đưa lên ra ngoại-quốc và được xuất bản tại Ý. Bộ sách ra đời được ngay giải thưởng quốc tế Nobel 1958. Bị Chính phủ độc-tài Cộng-sản Liên-xô khùng bố và các báo Cộng-sản mạt-sát. Sau khi ông chết, vợ và con gái ông bị bắt đày đi Sibérie.

Le Rêve

Je vois l'automne en rêve à travers la fenêtre,
Toi, parmi les amis qui font les plaisantins ;
Mon coeur, tel un faucon qui vient de se repaître,
Descendait des hauteurs se poser sur ta main.

Vieilli, le temps passait, il estompait les aïtres,
La croisée embuée eut des reflets d'argent...
Septembre, ce matin, avait surgi des champs,
Couvert de pleurs de sang les vitres des fenêtres.

Le temps passait, fripant les fauteuils-Leur satin
S'éraillait et fondait, pareil à de la glace,
La cloche s'assourdit, la voix hésite et passe
Comme un écho, mon rêve, atténué, s'éteint...

Je m'éveillai dès l'aube obscurcie, automnale,
Quand le vent, s'éloignant en rapides rafales,
Comme un char de blé mûr perdant ses brins de miel,
Emportait les bouleaux qui couraient dans le ciel

Traduit en français par **Katia Granoff**
(Anthologie de la Poésie Russe — Gallimard 1961)

★ ★ **giấc mơ** ★

Mùa thu hiện qua cửa sổ, về trong giấc mơ,
Một đám bạn-bè nô đùa, anh thấy có em :
Tìm anh như con chim ưng vừa mới ăn no,
Từ trên núi cao bay xuống, đậu trên tay em.

Ngày tháng trôi qua căn-cối, mờ bãi tha-ma,
Cửa kiến động sương, long lạnh ánh ngời ngân-thủy,
Tháng chín, sáng nay, từ các cánh đồng hiện ra,
Trùm lên những sông cửa sổ mấy giòng huyết-lục

Ngày tháng trôi qua, sa-tanh lốt ghế đã mòn
Rách nát tơ bời, tan chảy y như nước đá,
Chuông đồ vang rền, tiếng em ngáp ngừng, véo von
Như tiếng dội, giấc mơ anh phải dần, tan rã,

Trời thu hãy còn mờ, anh tỉnh giấc chiêm-bao
Gié sớm thôi nhanh bay qua át-ào vun vút,
Như một xe lúa chín, mất đâu những bông ngọt ngào,
Chở những cành phong lẫn trên vòm trời ngun ngút...

N.V. dịch

Theo bản dịch Pháp-văn của Katia Granoff trong bộ « Nga-xô thi ca toàn tập » Gallimard— 1961.

Thi-sĩ La-tinh

Lucrèce

(Sinh vào khoảng 98 năm trước Chúa Jésus Christ. Chết lúc 43 tuổi. Tên thật, viết theo chữ Latin : **LVCRETIUS**. Thi sĩ Lucretius chuyên môn làm thơ tả đời sống của những người đầu tiên mới xuất hiện trên trái Đất. Thơ của ông nhiều lắm, có thể nói là một công trình vĩ-dại mà ông viết trong lúc say sưa sau khi uống một thứ nước bùa của Tinh-yêu. Không hiểu tại sao ông chết bằng cách tự-tử trong lúc Thơ ông được người thời bấy giờ yêu chuộng vô cùng. Đây, tôi chỉ xin trích một đoạn :

Necdum res igni scibant tractare, neque uti
pellibus et spoliis corpus vestire ferarum,
sed nemora atque cavos montes silvasque colebant
et frutices inter condebant squalida membra,
Verbera ventorum vitare imbresque coacti.
Nec commune bonum poterant spectare, neque ullis
moribus inter se scibant nec legibus uti.
Quod cuique obtulerat praedae fortuna, ferebat
Sponte sua sibi quisque valere et vivere doctus.
Et Venus in silvis jungebat corpora amantum :
Conciliabat enim vel mutua quamque cupido
Vel violenta viri vis atque impensa libido
Vel pretium : glandes atque arbuta vel pira lecta.
Nuda dabant terrae, nocturno tempore capti,
cricum se foliis ac frondibus involventes.

đời sống của những người đầu tiên

Họ chưa biết cách làm cho có lửa,
và cho có áo che thân với những con thú đã lột da.
Họ ở trong bụi-bờ, trong động, trong rừng dày,
Che tấm thân trần nhám dưới các cành cây
Khi gió đánh, hoặc khi mưa dớn.
Họ không biết trọng của cải chung,
Không biết gì là luật-pháp, là thuần phong,
Kiếm được mồi, ai nấy mang đi, chỉ biết
bảo nấng sức mạnh, và cơn đói riêng của mình,
Và Venus trong rừng cho đôi nhân-tình dính vào với nhau.
hoặc cùng một thềm muốn rạo rục chiếm cô nàng
hoặc do sức-mạnh hung hăng cào sát xác thịt, hoặc tặng
Những quả dương mai, hạt dê, quả lê, được chọn lựa ngon nhất.
Khi ban đêm bao trùm, họ nằm trần truồng trên đất,
đắp bằng lá, bằng cành cây,..

N.V. dịch

SÁCH BÁO MỚI

★ **Thế hệ mới**, giai phẩm do **Thế-văn-Phong** chủ trương với sự cộng tác của **Mặc-Nhân, Thê-Hoa, Thiều-Uyên, Phạm-kim-Khải, v.v. . .** Địa chỉ 105/5 Nguyễn-văn-Thành, Gia-định. 88 trang — giá 15\$.

★ **Mộng tình**, tiểu thuyết của **Thanh-Thủy** tác-giả. xuất-bản — giá 59\$.

★ **Chánh Sách Chiêu Hồi**

Của Ủy-ban Liên-bộ Đặc-trách áp chiến-lược. Không để giá.

★ **Rừng**, thi tuyển của một nhóm bạn trẻ ở Đà-nẵng: **Phương-Tấn, Lệ-Thùy-Lam, Xuân-Thao, Nguyễn-dạ-Thảo, Ngân-Hà, v.v. . .** giá 28\$.

★ **Thành Mây**, Thơ của **Hàn-yến-Thu**, học sinh Huế. 12 bài. Không để giá bán.

★ **Hương thề còn đó**, Thơ của **Linh-Diệu** và **Thanh-Tâm-Thùy**. Trung-học **Minh-Chánh**, Chợ-lớn. 21 bài — giá 20\$.

★ **Le Désarmement est possible**. Edité par la Fédération Mondiale des Anciens Combattants, 16 rue Hamelin, Paris 16è, France.

Le Désarmement est le thème d'un programme lancé par la Fédération mondiale des Anciens Combattants comme une preuve nouvelle du fait que, comme le dit son Credo, « nulle voix n'est plus qualifiée pour s'élever en faveur de la Paix que celle des hommes qui ont combattu dans les guerres ».

★ **Giai-cấp tư-sản hấp-hối** của **Tô-Kam**

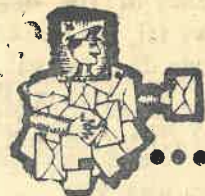
I. — Giai-cấp tư-sản : một khối người hỗn-tạp.

II. — Chứng tâm bịnh khó trị của con người tư sản.

III. — Hiện trạng của giai-cấp tư-sản trên thế-giới.

IV. — Tiễn tới một liên-minh tư-sản quốc-tê

Khô sách nhỏ. 35 trang — giá 4\$



La' thu

PARIS

Paris, ngày 30-9-1963

Minh-Dức

Bạn thân mến,

SÁNG nay vừa đưa chú bé **Trần Kim Quang** vào trường **Saint Louis**, đáng lẽ chú ấy đã vào từ hôm qua chủ nhật, theo lệ nhà trường thì các sinh viên nội trú đều phải vác hòm xiềng vào trước nhưng sáng nay chú bé mới vào được chỉ vì nhà trường lơ đễnh thế nào mà có đến cả chục người đành ra về vì không đọc thầy tên mình treo ở bảng tuy giấy tờ hồ sơ, sớ hiệu đã có đầy đủ.

Ngày tựu trường thì ở đâu cũng giống hệt nhau, hẳn bạn đã biết rõ lắm rồi. Tuy vậy ở đây có hơi khác một tí, vì chen lẫn trong đám sinh viên và học sinh Pháp có độ vài chục sinh viên Việt-Nam, toàn các cậu mới từ quê nhà sang chưa đến một hai tuần.

Cậu nào cũng mặt mày thơ ngây, chưa trắng bụi phong trần, mầu da hơi tái xanh (tại

sao xứ ta đầy mặt trời mà người nào mới sang trông cũng xanh bạn nhỉ? Phải ở vài năm mới bớt.) Tôi đứng đằng xa nhìn đèn các ông kỹ sư tương lai của nước nhà đang họp lại chuyện trò bên nhau, đủ ba giọng Nam, Trung, Bắc chen lẫn.

Họ nói tiếng Pháp còn ngập ngừng, lẽ cồ nhiên vì bên nhà ít có dịp nói thường, vả lại phần đông, nhất là vào trường này các cậu đều thi tú tài toán cả nên đâu có thì giờ mà trau dồi ngoại-ngữ. Dân Việt ở bên này nổi tiếng là giỏi toán, mặc dầu ở quê nhà họ học theo chương trình Việt và đồ tú tài Việt. Nói đến tú tài Việt tôi lại nhớ đến một người quen ở Saigon, nhờ hồng phúc ông bà để lại, thì đồ được cái tú tài Pháp nên rất kiêu hãnh, kiêu hãnh đến nỗi nhìn ảnh một người khác mà biết ngay rằng « mặt này là mặt tú tài Việt ». Cồ nhiên là tôi đã phục lẫn lóc!! May mà những kẻ có tài như người này là của hiem ở quê nhà, phải không bạn, nếu không thì buồn cho quê hương biết mây.

Nhưng thôi, hãy trở về với « những con cừu của chúng

ta ». Sau khi chạy đi tìm ông thư ký, hỏi kỹ lại, biết chắc rằng nhà trường đăng trí thật, thế là chúng tôi đành phải đưa « quan kỹ sư », tương lai của chúng ta về nhà ngủ tạm thêm một đêm nữa vậy.

May mà « quan kỹ-sư » rất ngoan, hình như trước lúc rời quê hương đã từng bỏ công nghiên cứu tìm hiểu cuộc sống của người sinh viên ở Pháp là thế nào và có lẽ ở nhà bỏ mẹ cũng đã dạy bảo rất nhiều.

Có hai lời giáo dục một lời là chỉ cho con biết giá trị của sự làm việc, giá trị của đồng tiền làm ra v.v.v... Còn một lời giầy con làm thế nào cho người khác thấy mình là « goai » làm thế nào để « lấy le » v.v... Bạn có để ý thấy thế không? May quá chú bé Quang lại được nhận cái thứ giáo dục thứ nhất. Có lẽ một phần cũng do bản tính trời sinh của mỗi người. Chỉ tội nghiệp cho những bậc cha mẹ đã cò sức giầy bảo con mà tính nết con vẫn cứ muốn nói dộc đề lấy « le » thì lại là một chuyện khác.

Hôm nọ ngồi tâm sự vụn, chú bé dặn tôi : « Thế nào

hè này chị cũng kiếm cho em một chân rửa bát, em làm một tháng để lấy tiền đi nghỉ hè chị nhé ». Có lẽ tại tôi kể cho chú bé ấy nghe rằng kỳ nghỉ lễ tháng Juillet vừa rồi đi Saint Malo tôi ở trọ trong khách sạn có một sinh viên đang sửa soạn thi thạc sĩ, làm nghề dọn bàn ở đây. Ông sinh viên ấy đã có vợ làm giáo sư tại một Lycée, ông ta khoe rằng đã 5 năm nay ông ta làm nghề này. Mỗi kỳ nghỉ hè làm hai tháng còn một tháng đi nghỉ chỗ khác, tiền kiếm ra đủ mua sách vở hoặc sắm quần áo, đỡ phải nhờ vợ. Ông ta lại còn kể rằng sau năm năm làm việc bây giờ ông ấy đã có giấy chứng nhận chuyên môn hầu bàn. Bạn có phục không. Chịu là ông ta làm việc rất thành thạo lại nói chuyện với khách rất thông minh nên khách nào cũng ưa.

Tôi hứa với chú Quang và sẽ cồ giữ lời, nếu có thể kiếm được việc gì ít vất vả hơn thì càng hay.

Đem qua về sự chú bé buồn, nhân dịp ông bạn kịch sĩ Maurice Travail mời đi xem hát có ông ấy đóng tuồng nên chúng tôi đưa luôn cả chú bé

đi cùng.

Bạn hẳn có nghe nói đến cái rạp Théâtre de Paris là một trong những rạp hát sang trọng xinh xắn nhất ở Paris hiện đang diễn vở La grande oreille của P. A. Breal do Jacques Fabri đạo diễn và thủ cả vai chánh.

Nếu có dịp sang Pháp thì thế nào cũng mời bạn nên đi xem, bạn sẽ được cười những trận cười rất ý nghĩa chứ không phải những trận cười rỗng tuếch giọng gào như trong mấy cái phim chiếu bóng rẻ tiền thường ngày, người này ném chiếc bánh có kem vào mặt người kia hoặc những nét mặt trợn mắt méo mồm v.v..., như cồ cù vào lưng khán giả.

Vở tuồng đặt khung cảnh vào thế kỷ thứ XVII hồi vua LOUIS thứ XIV nhưng tâm lý của các nhân vật thì ở ngay thế kỷ XX này ta cũng vẫn thường gặp. Cốt chuyện kể lại tâm trạng và hoàn cảnh một người dân Pháp thuộc vào hạng trung lưu : ông Dupont một kẻ ngoan đạo, cha hiền chồng tốt, vì trót nuôi nhầm phải tên phụ làm vườn là một chú Huguenot (protes-

tant partisan de Calvin, Zwingle et Luther). Gặp vào lúc nhà vua ra lệnh bãi trừ đóng cửa tất cả những nơi hành đạo những kẻ có đạo Cơ-đốc. Giam cầm những ai cưỡng lệnh nhưng lại tha thứ cho những kẻ biết hồi lỗi nghĩa là chịu ký giấy tự nguyện xin bỏ đạo để trở về với Thiên-chúa-giáo. Chú làm vườn của ông Dupont vô tình giẫy cho cậu con trai út trong nhà hát những bài hát của đạo Cơ-đốc. Bị bắt quả tang ông Dupont phải phạt tù, đi dày, phạt tiền nếu chú làm vườn không chịu ký giấy xin bỏ đạo.

Mặc dầu bị giam cầm, đánh đập, dọa nạt rồi van vãn, cô em họ bằng lòng yêu, chịu làm vợ, bà chủ nhà quỳ xin, khóc lóc chú ta vẫn nhứt định không ký giấy. Mãi sau lúc có lính đến để bắt ông Dupont đi dày và tịch biên gia sản, vì thương hại cậu bé út mà chú Huguenot đành nhắm mắt chịu ký giấy bỏ đạo.

Tôi chỉ kể đại khái vậy thôi còn để bạn tự tìm xem lấy nếu có dịp, thế mới thích chứ bạn nhỉ.

Đoạn cuối rất cảm động mặc dầu bạn vừa cười vang lên

khí nghe những lời năn nỉ của ông chủ với người phu làm vườn, Chú Blaise.

— Tôi sẽ chia cho anh một nửa gia sản của tôi...

— Chẳng cần tiền...

— Anh không biết chứ vào đạo rồi nếu anh có làm gì bậy bạ anh chỉ việc đền tìm cha xưng tội, cha bảo đọc ba lần kinh thế là hết tội...

— Bộ ông tưởng chúa ngài nghe đây à, chúa ngài đâu có đại gì...

Đại khái cái đời thoại nó là như thế. Bạn có dịp xem tuồng ấy nhất định bạn sẽ đồng ý với tôi tha hồ cười.

Tuy giá vé hạng nhất đến 20 quan nhưng có phải đêm nào bạn cũng đi xem hát đâu.

Viết đến đây bị con mèo phá rầy cứ đúng 10 giờ là nó bắt đi ngủ bằng cách nhảy ngổ ngáy vào trang giấy đang viết, làm như nó có nuốt cái đồng hồ vào bụng hay sao mà nó biết được giờ tài thế bạn nhỉ. Vậy chứ trong P.T. số 111 ở mục «đáp bạn bồn phương» chị Diệu-Huyền giả lời cho ông Nguyễn phước Bàn ở Tam.kỳ về vụ xe hơi

không chịu chờ mèo, làm thế nào đây hở bạn. Nếu tôi về nước mang nó về mà xe hơi không chịu chờ thì bạn có vui lòng chờ chúng tôi không, hay là đi ngang Ai.Cập tôi thả cho nó nhảy dù xuống vì người Ai-cập xưa vẫn tin rằng vong linh ông bà cha mẹ chết rồi hay nhập vào giồng mèo nên ở đây mèo được quý trọng lắm.

Bạn đọc đến đây sẽ nhận



★ NHỮNG VỤ RỬA HẬN

Người ta không lạ khi thấy tại Ba-Tây có những cuộc rửa hận mà người ta không muốn Cảnh-sát bận tâm vào.

Một hôm tại trung-tâm Sao Paulo, hai người choán nhau rất kịch liệt trước mắt một đám đông bao vây đứng xem.

Bỗng có tiếng báo động :

— Cảnh-sát.

— Thế là cả nhóm người đứng xem tản-mác mỗi người một nơi. Còn hai người đánh nhau thì bỏ cuộc, vồ vại nhau, nói cười hề-hà ra tuồng thân-thiết với nhau lắm.

Cảnh-sát đi qua xong và khuất-dạng, hai « chiến-sĩ » lại tái đấu với những quả móc, quả dăm thôi sơn.

Phải, muốn rửa hận nên bắt chước tánh anh-hùng của người Ba-tây, chứ đừng như những « anh hùng rom » Việt-Nam ta, chưa xáp trận thì hùng-hồ lắm, nhưng mới trao đổi vài quả dăm thì là « má tà » như bông, và khi Cảnh-sát đến thì ông nào cũng tranh phần « bị đánh » vẹo ba sườn.

P.C.

Số 114, 1-11-1963

Kỷ - niệm Đệ - Ngũ Chu - niên

tạp-chí **PHỒ-THÔNG**

Thề - lệ

Giải thưởng Tao-Đàn Bạch-Nga 1964

DIỆU-HUYỀN

THIỆU-SƠN

B.S. ĐÀM-QUANG-
THIỆN

B.S. NGUYỄN-TUẤN-
PHÁT

TÂN-PHONG

TẾ-XUYỀN

NGUYỄN-VỸ

v. v...

... và những bài của :

MINH-ĐỨC (Paris)

NGUYỄN-VĂN-CỔN

(Paris)

VÕ-QUANG-YẾN (Paris)

TRẦN-VĂN-KHÊ (Paris)

THANH-NHUNG (Tokyo)

ĐÀO-THANH-KHIẾT

(Manila)

DIỆU-THANH

(Washington)

v.v...



Hồi-ký của NGUYỄN-VỸ ★ Hồi ký của NGUYỄN-VỸ

TÔI xin phép bạn đọc cho tôi xưng « tôi », trong tập hồi-ký này, vì cái thằng tù 69 là tôi. Xin thú thật với các bạn rằng đây là một khổ-tâm, không phải cái khổ-tâm đi ở tù, mà là cái khổ-tâm tự bắt buộc phải xưng « tôi » trong một tập hồi-ký. Từ xưa đến nay, biết bao nhiêu nhà Văn nhà Thơ phải đi ở tù. Và từ xưa đến nay biết bao nhiêu là nhà Văn nhà Thơ ở tù về đã viết hồi-ký.

Ở Việt-Nam, chắc các bạn đã đọc « Ngồi tù khâm-lớn » của Phan-Văn-Hùm, « Souvenirs de Prison » của Vũ-Đình-Dy, « Thi tù từng thoại » của cụ Huỳnh-Thúc-Kháng, v.v... Còn nhiều nữa.

Sự thật, giá sử bây giờ tôi đi ở tù, tôi không sợ. Vì tôi đã ở tù hai lần rồi. Nhưng tôi thật sợ viết hồi-ký lao-tù. Nó là một môn Văn-ngệ. Phải viết làm sao cho đúng với sự thật 100 phần 100, mà phải là những sự thật hấp-dẫn, có lý-thú, có ý-nghĩa, để cho những ai không có dịp đi ở

tù sẽ hiểu qua cái đời sống của thằng tù, để cho những ai đang ở tù sẽ rút một vài kinh-nghiệm của cái thằng đã ở tù.

Tôi sẽ kể lại chuyện ở tù của tôi từ tháng 12 năm 1940 cho đến tháng 1 năm 1945 từ nhà Lao của Kampétai Nhật bốn, qua nhà Lao Mật-thám Hà-nội, vào Lao Vinh, Lao Huê, Lao Tuy-Hòa, đến Lao Trà-khe.

Các bạn sẽ gặp trong thiên hồi-ký này nhiều tên quen thuộc — những người tù như tôi, ở chung với tôi — từ một chàng thi-sĩ nghiện thuốc phiện, tên là Lưu-trọng-Lưu..., một chàng văn-sĩ ốm-nhóm tên là Khái-Hưng, một ông bí-thư của Hồ-chí-Minh, nghiện thuốc lạo, tên là Hồ-tùng-Mậu sò tù 40, cho đến một vị Linh-mục 75 tuổi, rất đáng kính trọng, tên là Cha-Huê sò tù 102. Vui cũng có nhiều, và dĩ nhiên, buồn cũng có nhiều. 10 vui + 10 buồn + 100 lo + 1000 hy-vọng. Lẽ sống duy-nhất ở trong tù là hy-vọng. Hy-vọng Đông-Minh thắng trận, chiến-tranh mau hết, hy vọng được mau về. Đó là những hy-vọng thiết-thực. Lại còn những hy-vọng bông-lông để lừa-gạt những thất-vọng đau-đớn. Hy vọng một chiếc máy bay B 29 tự nhiên ở trên trời bay xuống đậu ngay trong sân tù cho bọn tù leo lên máy bay thoát ngục. Hy vọng một trái bom thả xuống cho đồn lính chết hết, cho mình thoát thân. Hy-vọng một cơn bão lớn làm bay hết lính và tù, để mạnh ai nấy trốn.

Và thỉnh thoảng, ban đêm, nằm hy vọng... một nàng Tiên từ trên mây đi xuống, bay qua rào lưới sắt, len qua song cửa ngục, vào nằm với ta... để nàng nghe ta ngâm thơ, để ta nghe nàng thổi sáo...

Suốt 5 năm bị giam-hãm trong tù, chỉ sống bằng những hy-vọng êm đẹp như thề, và nhờ những hy-vọng như-thề mới sống được 5 năm trong tù.

Giá sử tôi sẽ đi ở tù một lần nữa, nhưng chắc chắn sẽ là lần chót trong đời tôi, — Sự bắt quá tam kia mà! — thì chắc chắn tôi cũng sẽ sống trong tù với những hy-vọng đại khái như trên kia.

Trong tù, cơm sạn, mắm dòi, cá thúi, rau sâu, ăn vào chỉ mau chết. Chỉ có hy-vọng là nuôi ta sống mãi. Loài người tàn nhẫn làm cho ta thất-vọng, nhưng Trời, Phật, Chúa, luôn luôn hiển-từ, luôn luôn giúp đỡ những kẻ đau khổ và trung kiên hy-vọng.

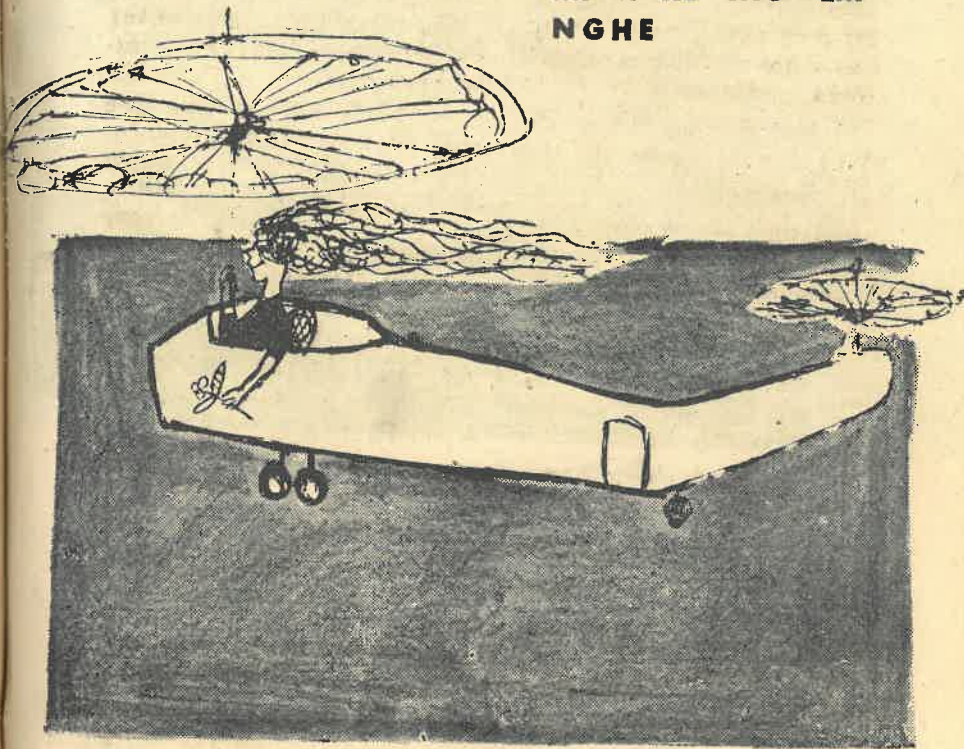
Bạn đọc thân mến ơi, viết thiên hồi-ký này tôi hằng cầu-nguyện cho các bạn đừng bao giờ bị đi ở tù. Và bạn nào thương tôi xin cầu nguyện cho tôi không bao giờ đi ở tù nữa, để tôi viết nốt thiên hồi-ký này...

N. V.

● KỲ-SAU: Chương I. « Mời ông đi chơi với tôi..., khỏi cần mặc quần... »

MÌNH ƠI !

MÌNH KỂ CHO EM
NGHE



CÁC LOẠI PHI-CƠ TỐI-TÂN
CỦA

MỸ — ANH
PHÁP HIỆN NAY ...

LO GIỜ khuya, trời sáng đẹp quá, bà Tú trải chiếu ở gian hoa ông-ti-gôn, và gọi Tú :

— Minh ơi ! Minh viết gì đó chưa ?

— Gần xong.

— Xong rồi Minh ra ngồi với nhá.

15 phút sau, ông Tú ra sân. Tú nắm tay âu-yếm kéo ông đi xuống cạnh bà.

Một chiếc phi-cơ bay chậm chậm trên vòm trời, hai chấm xanh nhấp-nháy như hai ngôi sao đi vào mắt. Tiếng động-cơ vang vọng trong đêm thanh... Bà Tú nhìn eo một lúc rồi hỏi :

— Máy bay đi đâu giờ này, hình nhĩ ?

— Có lẽ là một phi-cơ đang tập vượt ban đêm.

— Tập vượt sao bay chậm thế ?

— Đây là loại phi-cơ **Trainer**, phi-cơ dùng để tập-vượt của Không-lực Huê-Kỳ (U.S. Air-force), như kiểu **Bacon Super 6**. V.M. của nó chỉ 36 km/h, nghĩa là mỗi giờ bay nhanh được 62 ki-lô-mét.

— V.M. là gì ?

— Là Vitesse Maximum, tốc-độ tối-đa. Phi-cơ tập vượt của Mỹ còn nhiều kiểu nữa, như **North America AT.6**, V.M : 134km/h, và **Beech A17**, kiểu

« **Expeditor** », V.M. = 370km/h, **Beech AT8**, V.M : 360km/h. Cũng có những kiểu tập-vượt bay mau hơn nữa như **Lockheed U-2**, V.M ; 795km/h ; **Lockheed T.33**, V.M đến 1000km/h.

— Còn phi-cơ chiến-dấu của Mỹ có mấy loại, tốc-lực bao nhiêu hả Minh ?

— Muốn biết rõ như thế, phải chia ra **U.S. Air-Force** (Không-lực Mỹ) và **U.S. Navy-Air-Force** (Hải-Không-lực Mỹ).

★ KHÔNG-LỰC MỸ

Có nhiều kiểu phi-cơ tối-tân chế tạo từ 1947 đến 1963, như những kiểu phi-cơ phản-lực **Bell X1** V.M : 1610km/h.

Người Mỹ **Charles Yeager** đã thí-nghiệm và đem nó ra sử-dụng năm 1947. **Bell X1** là chiếc phi-cơ phản-lực đầu tiên của Thế-giới, đã vượt qua bức tường âm-thanh.

— Bức tường âm-thanh là bức tường gì hả Minh ? Âm-thanh sao lại có « bức tường » ?

— Âm-thanh truyền đi với tốc-lực 1200km/giờ, (vitesse du Son). Chiếc phi-cơ nào bay nhanh hơn 1200km, tức là đã vượt qua giới-hạn của tốc-lực âm-thanh. Trong Khoa-học người ta gọi là : vượt qua bức tường âm-thanh,

MÌNH ƠI

(dépasser le mur du Son). Con số 1200 của tốc-lực âm-thanh, các nhà Khoa-học cũng gọi nó là con số **Mach 1**. Chiếc phản-lực cơ (Avion à réaction) **Bell X1** của Không-lực Mỹ bay mau đến 1610km/h, tức là nó đã vượt quá bức-tường âm-thanh 410km/h. Như vậy, tốc-lực của nó được **Mach 1,1/2**.

— Minh ơi, hèn chi lâu nay em cứ nghe nói phi-cơ phản-lực « vượt qua bức tường âm-thanh » mà em không hiểu nghĩa là thế nào. Bây giờ em mới hiểu rõ.

— Nhưng em nên nhớ rằng **Bell X1** bay với tốc-lực 1610 km/h năm 1947, còn thua các kiểu phi-cơ tối-tân sản-xuất mấy năm gần đây.

— Minh kể hết cho em nghe. Minh nói về cả phi-cơ Anh, Pháp, Mỹ, Nga nữa nhé.

— Anh đang nói về phi-cơ Mỹ, đề anh nói tiếp cho hết kiểu phi-cơ Mỹ đã. Không-lực Mỹ còn nhiều loại phi-cơ chiến-dấu sản xuất năm 1951 như **Republic F.84 E**, hay là **F.84 F, F.84 G**, là những phi-cơ phản-lực mà V.M. (tốc lực tối-đa) đến 1050 km/h, hoặc 1058 km/h. Có thứ như **RF-84 F**, V.M. đến 1080 km/h.

Các loại phi-cơ săn giặc khác

hữu-hiệu không kém như :

Curtiss F.87 (jet), V.M : 1000 km/h, **Sabre** (phản lực), V.M : từ 1000 đến 1250 km/h.

Người ta còn nhớ tai-nạn hi-hữu và kinh-khủng xảy ra cho viên phi-công Mỹ **George Smith** ngày 26-2-1955, lái chiếc **Sabre**, một loại phi-cơ siêu-thanh...

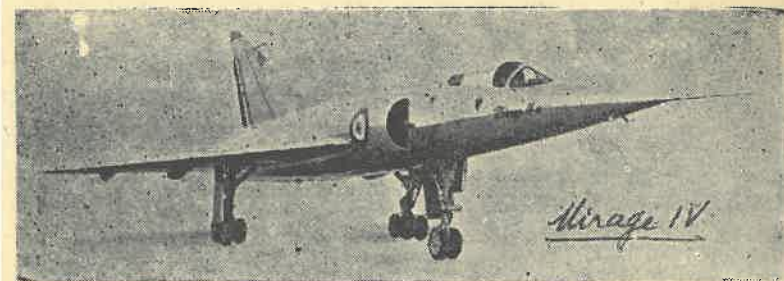
— Phi-cơ siêu thanh là phi-cơ gì, Minh ?

— Là **Avion Supersonique**, loại phi-cơ vượt khỏi bức tường âm-thanh. Em nên nhớ những danh-từ khoa-học mới ấy để nói chuyện cho dễ hiểu...

— Minh sợ em quên hả ? Không đời nào em quên đâu Minh ơi. Phi-cơ siêu-thanh là phi-cơ bay nhanh hơn tốc-lực của âm-thanh phải không ? nghĩa là nó bay nhanh hơn 1200 ki-lô-mét một giờ, và như thế là nó vượt qua bức tường âm-thanh. Nếu nó vượt lên trên 1200 km/h, tức là nó đạt được con số **Mach 1**, nếu nó bay 2 lần nhanh hơn là 2400 km/h thì nó đạt đến con số **Mach 2**, hoặc 3600 km/h thì tới con số **Mach 3**... Em nói đúng không ?

— Đúng. Em của anh là một Nữ tài-tử Khoa-học trứ-danh !

— Thôi, bỏ đừng ngạo tui nữa bồ ! Nói tiếp đi, bồ !



Chiếc Mirage IV của Pháp

— Lúc này anh nói ngày 26-2-1955, chàng phi-công tập-sự **George Smith**, 31 tuổi, cao 1m83, cân nặng 96 kí, lái chiếc **Sabre F 100**, một phi cơ siêu-thanh mà chàng chưa thông-thạo với nó lắm. V.M. của chiếc **Sabre F 100** là 1250Km/h. Smith ở nhà ra phi-trường hồi 9 giờ sáng, vội vàng leo lên máy bay mà không đề-phòng, mở máy cho luôn tốc-độ siêu-thanh. Lúc chiếc **Sabre** vượt qua "vách-tường âm-thanh" thì nó nổ lên một tiếng dữ-dội và rơi nhào xuống biển, với một tốc-độ bằng ba tốc-độ âm-thanh. Smith liền bị thần-kinh rối loạn máu chảy ra hai con mắt, hai lỗ tai, trông con người mờ lại không trông thấy nữa, cái bụng bị phồng lên, phổi và tim bị ú máu. Khi người ta đã vớt được Smith lên bờ, và tức-tức đem vào bệnh viện thì Smith bất tỉnh luôn 5 ngày... Nhờ 11 Bác-sĩ chuyên-môn của Không - quân Huê - Kỳ tận

tâm cứu-chữa đêm ngày với y-khoa tối-tân, qua ngày thứ 6 Smith mới khỏi chết. Bị sức không khí quá mạnh trong lúc phi cơ vượt qua bức tường âm-thanh, mà chàng không đề-phòng, làm xé rách hết quần áo, cho đến chiếc nhẫn đeo trong ngón tay cũng bị gió rút ra văng đầu mất. Đây em xem: sức mạnh khủng khiếp của bức tường âm-thanh có thể làm tan-nát ra từng mảnh vụn chiếc phi cơ Super-Sabre kết-xù, với tốc-độ 1250 Km/h, và sát hại luôn cả chàng phi công tập-sự.

Nhưng đây mới chỉ là chiếc **Sabre V.M. 1250 Km/h** mà thôi, nghĩa là mới tới con số **Mach 1**. Năm 1960, Mỹ chế ra kiểu **Lockheed F104**, loại **Starfighter** với V.M. 2500 Km/h. nghĩa là đạt đến **Mach 2**. Năm 1962, không - quân Huê - Kỳ có thêm loại phi-cơ siêu thanh **Con-**

vair **F106** với V.M. 2600 km/h. Hiện giờ không có loại phi - cơ siêu-thăng nào trừ **Phi-cơ Hòa-tiến (avion - fusée)** vượt quá **Mach 2** như thế. Kiểu **Super-caravelle** của Pháp mạnh nhất, V.M. cũng chỉ đến 2500 km/h, như **Lockheed F104** mà thôi.

— Minh ơi, từ này giờ em nghe Minh kể các tên máy bay đều có chữ **F** như **Sabre, F100, Lockheed F104, Convair F106**, F là gì hả Minh ?

— F, là **Fighter**, máy bay chiến-dấu, máy bay đánh giặc. Năm 1961, Huê-kỳ có thí-nghiệm loại phi-cơ siêu-thanh **Bell XF 109** lần đầu tiên cất cánh bay thẳng (**décollage vertical**) như máy-bay chuồng-chuồng, V.M.

cũng 2500 km/h.

— Minh ơi, còn máy bay ném bom của Mỹ, cũng có chữ **F** hay không ?

— Máy bay ném bom thì có chữ **B (Bomber)** như **Boeing B 29 Boeing B36, Boeing B 39**, V.M. : 560 km/h. Những kiểu phi - cơ này, hồi đó, người ta thường gọi là **Forteresses volantes** (pháo đài bay) vì nó lớn lắm, có thể chứa được từ 9 đến 10 người.

Năm 1945, Mỹ ném bom Nhật, cũng hay dùng loại phi-cơ **New America B45**, danh-hiệu **Tomado**, V.M. 900km/h. Loại **Boeing B50**, V.M. chỉ có 560km/h, nhưng **Boeing B52**, V.M. đến 1050km/h.



Boeing 707 — 4 phản động cơ

✱ **HẢI KHÔNG-LỰC MỸ**
Cũng sử-dụng nhiều loại phi-cơ chiến đấu như **Douglas A2D**

"**Skypharsh**", chế tạo năm 1947, V.M. 840km/h.
Douglas A 3D . Skywar-

rior », chế tạo năm 1955, V.M. 992km/h.

Douglas A-4D « Skyhawk » 1955, V.M. : 1050km/h.

Douglas F-4D « Skay » 1956, V.M. 1200km/h.

Lockheed WV1. « Constellation » radar 1945, V. M. 56 km/h.

« Bearcat » máy bay đuổi giặc, một chỗ ngồi, V.M. 600km/h.

« Orion », máy bay đuổi tàu lặn, 1957, V.M. 722km/h.

« Tiger », V.M. 2188km/h.

« Bristol » T. 188 (1960) V.M. : 2400km/h.

Còn nhiều nữa. Đây là chỉ kê những loại phi-cơ chiến đấu thường được sử dụng nhất. Còn nói về Phi-cơ Hòa-tiến (avions-

fusées) của Mỹ thì có phi-cơ Hòa-tiến X15 « tốc độ tối đa là 7250km/h, và lên tới độ cao 107 890 mét (Phi công Joseph Welker đã thực hiện kỷ lục ấy ngày 22-8-1963 với chiếc phi-cơ hòa-tiến thí nghiệm X15).

— Phi-cơ thương mại của Mỹ thì có những loại gì hả Minh?

— *Avions de ligne* của Mỹ có 4 loại: Boeing, Convair, Douglas, Lockheed :

Boeing 707 (1958) V.M. 900 km/h

Boeing 720 (1960) V.M. 1000 km/h

Boeing 707-320B (1961) V.M. 1000 km/h

Convair CV.440 Metropolitan, V.M. 465 km/h

Convair 880 (1959) V.M.

990 km/h

Douglas DC-3 (1953 - Dakota) V.M. 368 km/h

» DC. 4

» DC. 6. v.v..

Lockheed, « Electra » V.M. 722 km/h. v.v..

— Bây giờ Minh kể các loại phi-cơ Anh đi.

Về Không-lực Hoàng-gia-Anh (R.A.F. : Royal Air Forces) cũng có những loại ASR (Aid Sea rescue), B (Bomber), C (Cargo) F (Fighter) LF. (Low Fighting, FR. (Fighter reconnaissance) v.v....

★ KHÔNG-QUÂN VÀ HẢI-QUÂN HOÀNG-GIA-ANH (R.A.F) VÀ ROYAL NAVY

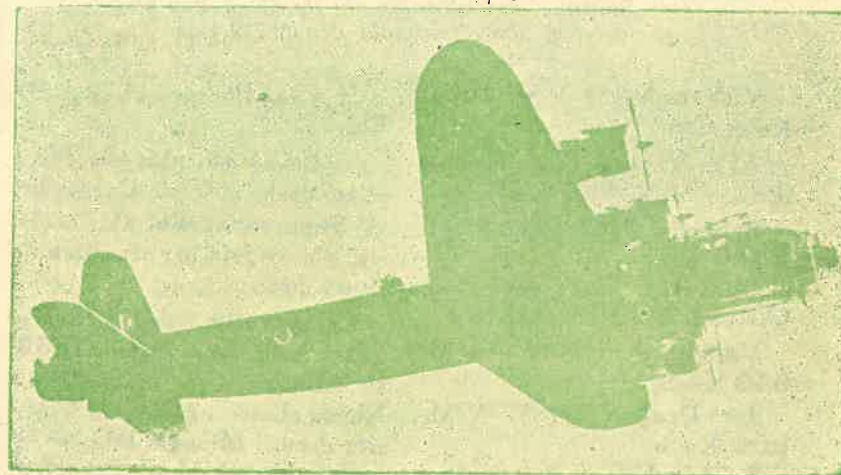
Gloster « Squirt » (1945) phản-dộng-lực sản giặc, V.M. : 900 Km/h.

Gloster « Meteor », phản-dộng-lực sản giặc hai động cơ VM 960Km/h.

Hawker « Sea Hawk » V.M. 900 Km/h.

Hawker « Tempest », (1961) V.M. 640 Km/h

English Electric « Canberra » ném bom, V.M. 1000 Km/h.



Chiếc Short Stirling, một trong những phi-cơ ném bom tối-tàn nhất của Không-lực Hoàng-gia-Anh.



Phi-cơ Hòa-tiến (avion-fusée) X-15 V.M. 7250 km/h
Bên cạnh, phía sau, là F. 104 đi hộ tống X-15



Máy bay sân-giấc nổi tiếng nhất của Anh, chiếc **Spittfire**. Trong trận đê-nhị thê-chiến vừa qua, loại này được sản-xuất đến 22.749 chiếc

Vickers N-133 V.M. 1000
Km/h.

Avro Vulcan, ném bom 4 động-cơ V.M. **960** Km/h.

Bristol T-188 (1960) V.M. 2400 Km/h.

Còn máy bay thương mại (Avion de ligne) của Anh có :

Vanguard (1961) V. M. 640 Km/h.

Jet Dragon (1961) V.M. 800 Km/h.

Bristol 175 « Britannia » V.M. 626 Km/h.

Comet DH16 (1949) phản-lực-cơ V.M. **800**Km/h.

— Còn Phi-cơ tối-tân của Pháp ?

— Phi-cơ mới nhất của Pháp và trứ-danh nhất có **Caravelle** và **Supercaravelle**. Đây là các loại phi-cơ jets bay rất nhanh và rất mỹ-thuật.

Caravelle do **Pierre Satre** chế - tạo năm **1959** và **Mirage IV**. năm 1961. Những phi-cơ này đều có V.M. siêu thanh. **Mirage IV**: 1822 km/h; bay cao được **20.000** mét, **Supercaravelle**. V. M. : 2500 km/h (**Mach 2**) lên cao được **19.000** mét, trong khi đó

★ New-York	←	→	★ Paris
Năm 1927			33 giờ 29'
1957			12, 15'
1958			7, 30'
1965			1, 30'

Trái Đất sẽ càng thu hẹp lại, loài người sẽ càng được gần-gũi nhau hơn.

Ông Tú chỉ ngón tay lên mặt trăng đang chạy đua với hai chấm xanh đỏ của chiếc phi-cơ trên một nền trời nở đầy tinh-tú, và khẽ bảo :

— Ngày du-lịch lên Trăng có lẽ cũng không còn bao xa nữa !

Bà Tú gác đầu lên vai ông Tú :

— Minh mơ mộng rồi phải không ?
Minh nói chuyện du-lịch

SUPERCARAVELLE

loại **Comet** của Anh cũng muốn đạt tới mức tối - cao nhưng bị thất-bại hoàn-toàn.

Đây là chúng ta chỉ kể những kiêu trứ - danh nhất trên thế-giới, những phi-cơ không lồ, những « pháo-đài » không - lồ (les super-forteresses géantes) đã coi rẻ bức tường âm-thanh của vũ-trụ.

Theo dự-định của Pháp và Mỹ, rồi đây năm **1965** sẽ có thể xuất-hiện một kiểu máy bay siêu-đẳng mà tốc-độ tối-đa sẽ là **Mach 3**, nghĩa là sẽ đến **3220**km/h, ba lần tốc-độ âm-thanh. Chừng đó, chúng ta sẽ có thể lên máy bay ở **Saigon 8 giờ sáng** thì **11 giờ 30** đến **Paris**, không quá 3 tiếng đồng hồ.

Chúng ta hãy tính theo đây, sẽ thấy phi-cơ mỗi ngày mỗi bay mau như thế nào :

lên Trăng làm em thêm muốn chảy nước miếng ! Thôi, Minh ơi, từ nãy giờ Minh cho em đi tàu bay muốn ngộp... Minh đi vào giường ngủ với em.

Ông Tú ôm bà Tú nằm ngay xuống chiếu dưới giàn hoa antigone :

— Hai đứa mình đêm nay nằm đây ngủ cũng được.

★ **DIỆU. HUYỀN**

ĐÁP BẠN BỐN-PHƯƠNG và THƯ BẠN ĐỌC

Vì kỳ này nhiều bài quá nên xin tạm gác 2 mục **Đáp bạn bốn phương** và **Thư bạn đọc** qua kỳ sau. Mong bạn đọc thông-cảm. Đa tạ.
P.T.

HỖ TÍN

Thánh thật mừng em **Trương Minh Trí**, Sinh viên Dược Khoa, vâng lệnh mẫu-thân, làm lễ thành hôn cùng Cô **Công-tằng-tôn-nữ-Song-Xuân**, con gái Ông Bà Ưng-Quyền, Dalat, và chúc đôi tân hôn bền duyên cảm sắt.

NGUYỄN-VỸ

HỖ TÍN

Chúng tôi được tin mừng Bác sĩ Nguyễn Bính, 434 Nhân-Vị, Chợ-lớn đã làm lễ thành hôn cho cháu là Cô **Nguyễn-thị Diệu-Minh**, hiện tòng học tại Paris, kết duyên cùng cậu **William Galligani** con trai của Ông bà Albert Galligani, ở 20 Rue Puech-du-Teil, Nimes, Gard (Pháp)

Xin thành thật mừng Ông bạn Thi sĩ Biển-ngũ-Như, và chúc đôi tân hôn được muôn vãn hạnh phúc. Cô Nguyễn-thị Diệu-Minh, sinh-viên Khoa-học Chính-trị, là cựu biên-tập-viên của Phổ-Thông ở Paris, ký biệt hiệu là **Phương-Loan**. Nhân dịp này, xin thân-mến chúc mừng cô bạn.

N. V.

TÌM VIỆC

● Nữ giáo viên có Tú-tài I, nhận kèm trẻ từ Độ lục trở xuống, điều kiện dễ dàng. Thư cho cô Ngọc Anh (nhờ tòa soạn chuyển).

● Thanh-niên 23 tuổi, đứng đắn, có bằng Tú-tài toán. Có khả năng dạy học. Nhận kèm học sinh tại tư-gia hoặc hợp tác với tư-thực từ độ-từ trở xuống hoặc luyện thi đệ-thất. Thư cho Ô. Võ Tấn 493/93 Lê văn Duyệt Saigon.

● Nữ sinh đệ tứ, học lực khá, có chí, gia đình nghèo, sợ đỡ dang việc học. Cầu mong được những nhà hảo tâm nhận làm con, cháu, em đỡ đầu để giúp đỡ hầu được đi học cao hơn. Nhờ tòa soạn Phổ Thông chuyển hộ.

● Sinh viên Khoa học, nhận dạy tại Tư gia một vài hay từng nhóm các bạn học từ lớp Độ Tứ trở xuống về: Toán, Lý Hóa, Anh-Pháp, Thư cho: Huỳnh-ngọc-Cần, 383, Nguyễn-công-Trứ, Saigon.

● Sinh viên năm thứ 2 ban Khoa-học Toán, nhận kèm tại tư gia. Biên thư cho Quảng-đình-Khoan 6/25 Lê văn Duyệt — Saigon,

TÌM NGƯỜI THÂN THUỘC

● Ông hòa thượng Thê (tục danh) quê ở Sadéc đã bị đẩy đi Cồn-nôn vào năm 1930 và bà Giỏi quê ở Bểntre cũng có một đứa con trai sinh tại nhà ông cựu giáo-viên Nguyễn-văn-Minh, làng Phú-Nhơn Sadéc. Muốn tìm ông Minh hay thân nhân của ông Minh. Ông Minh có đứa con trai tên Mậu và đứa con gái tên Tư. Địa chỉ:

● Trần quang Nhã 70/5 Đường Phan thanh Giản — Khiêm Ích — Định Tường,

TÌM CHỊ

● Phạm-văn-Bưởi 32 tuổi. Quê ở Phú-cát Huế, nay ở Cư xá Ty Công Chánh Banmethuot là em của Phạm-thị-Ngân tự Hương trước ở Huế rồi đi theo ông Khoai giúp việc cho thầy Bưởi ở Lào, nay ở đâu cho em biết tin. Bà con ai biết chị tôi hiện giờ ở đâu xin chỉ theo địa chỉ của tôi. Đa tạ.

Optalidon

VIÊN THUỐC MÀU HỒNG

TRỊ ĐAU NHỨC !



Quý vị đã dùng đều
CÔNG NHẬN:

Chỉ có **Optalidon**
là **CHÂN ĐỪNG SỰ ĐAU NHỨC**
NHANH CHÓNG HƠN CẢ





K.N. số 200 ngày 20-6-63



K.N. số 242, NGÀY 20-6-63

CƠ BẢN KHẮP NƠI

HO, BỔ-phế linh-đơn Thụy-Lâm loại A

TR/ : Các chứng họ lâu năm, nhiều đàm, ho cảm, ho đàm ho gió, yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.

Bạch-Đới, hoàn Thụy-Lâm

TR/ : Cứng đầu con, ngứa cửa mình, ra huyết trắng (các tiệm thuốc Bắc đều có bán)

Nhà thuốc **THỤY-LÂM** 191 Gia-Long, Saigon

K.N. số 425 ngày 25-9-63

Cần Đến kinh kỳ,

Bần thần đã dưới, hay là đang

Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hối các tiệm thuốc Hoa-Việt, Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc «**Ông Tiên**» Phú Lâm Cholon

K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa,

Ghê chốc, lở loét, gãi tới đầu lan tới đó,

không phát thoa phết sơ sài ngoài da mà

hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »** 30 năm sáng lập. Hối các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)

1) **HƯỢT PHÁT PHÒNG LAO THẢO** thuốc trị Ho đàm, Ho siêng, Ho yếu phổi cho người lớn.

2) **AN THẦN BƯU** trị yếu tim mất ngủ, hồi hộp choáng váng chóng mặt, thần kinh suy yếu

3) **ĐẠI BỒ LONG PHỤNG TINH** trị các chứng mệt mỏi đau lưng, ít ăn ngủ, lao lực quá độ.

4) **PHỤ NỮ HỒI XUÂN TỔ** trị bệnh phụ-nữ kinh nguyệt trời sứt, thiếu máu mặt mét da xanh, ít ăn ngủ hay đau lưng.

5) **DƯỠNG THAI BẢO SẢN HOÀN** trị quý bà khi có thai bị ọa, mửa, bón, thai trần, thiếu máu bần thần đã dưới

6) **THẢO LINH SƠN** trị phong thấp, đau nhức khớp xương.

7) **Thuốc PHONG NGỪA** Di-an-Hòa trị các chứng phong ngứa, ghê chốc lở loét ngoài da.

8) **KIỆN NHI THẢO**, thuốc bổ trẻ em, tì vị yếu ăn ít tiêu gầy còm, đồ mỡ hội trộm, cam tích.

9) **BẠCH TRẦN CHÂU** trị mụn cám mụn bọc trên da mặt. (có đề bán ở các tiệm thuốc bắc)

Tổng-phát hành : Nhà thuốc **DI-AN-HÒA**

252 A, Lê Thánh Tôn — Saigon

K.N. số 385 ngày 21-8-63 đến ngày 20-2-64

CHAI MỚI

PHẨM CHẤT THƯỢNG HẢO

TRÌNH BÀY TUYỆT MỸ



Xi-rô Con Cọp: Cam, Chanh, Lựu, Bạc-Hà, Dầu, đóng vỏ 2 loại chai cũ 63cl quý vị đã biết và chai mới, CHAI HỘT GẠO rất mỹ-thuật. Cả 2 loại chai đều cùng một phẩm chất Xi-rô như nhau.

Tinh chế với đường nguyên-chất và hương liệu trái cây, thảo-mộc chọn lọc, tươi tốt và đầy sinh-tổ, từ lúc chế-biến trong phòng lạnh cực tinh sạch đến lúc vỏ chai, mọi việc đều hoàn thành bởi máy móc, dụng-cụ tự động tối tân, không một lúc nào cần nhờ đến bàn tay người. Xi-rô Con Cọp, loại CHAI HỘT GẠO, giá rẻ mà phẩm chất vô song, khác hẳn với các thứ Xi-rô pha chế theo lối thủ công nghệ.

Thơm ngon tuyệt vị và cực tinh khiết, Xi-rô Con-Cọp, đóng CHAI HỘT GẠO rất mỹ thuật, làm vừa ý mọi người và riêng thích hợp với các trẻ em trong những ngày nóng bức, cần có một thức giải-khát tiện dụng, ngon lành và hoàn toàn hợp vệ-sinh.

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÀN KHÁP CÁC NHÀ THUỐC A U M Y

HEPATIC

Kiểm nhận số 350/BY.T. ngày 2-8-63

KINH LÝ VĂN PHÒNG
110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-thoại : 23.187.

Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thành Giản

SAIGON

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chính :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cục Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện - Thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghị thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

BAN . NÓNG . CẢM . HO
Euquinol

K.N. số 351/BYT 2-8-63

POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ DƯỠNG THAI và THỜI KỲ CHO CON ĐÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-ỢT, CHÂN MỘC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆN TRƯỞU ĐƯỢC

K.N. số 251 BYT/QCDP/18-10-62

GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

KÉO SINH TỔ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆN TRƯỞU ĐƯỢC

K.N. số 252 BYT/QCDP/18-10-62

XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ
TA THÊM CỦA

3 LÔ ĐỘC ĐẮC
mỗi lô :

1.000.000\$

Xổ Thứ Ba Hàng Tuần
mỗi vé 10\$

Thần-Tài chẳng vị riêng ai
cứ mua vé số
thì Thần-Tài sẽ đến thăm

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

BỔ - CÁO QUAN - TRỌNG về
DẦU CÙ-LÀ

MAC-PHSU

Kính thưa quý vị khách hàng,

Gần đây, vấn đề trí trá nhân hiệu và nhại theo hình thức ve Dầu Cù-Là MAC-PHSU đã lừa gạt khách hàng đã hết hiệu quả vì bọn gian manh đã bị án tại Tòa.

Nay chúng lại giở thêm mảnh khoe gian lận khác, tìm mua hộp và ve dầu của hiệu MAC-PHSU đã dùng rồi đem về lén lút rót vô thứ dầu do chúng pha chế giả mạo với dụng tâm gạt gẫm là dầu Cù-Là MAC-PHSU thứ thiệt để bán lấy lợi! Chúng ngụy tạo phẩm được và danh hiệu, hành động vô lương này có thể gây tai hại đến sức khỏe khách hàng!

Đề tránh cho quý vị thân chủ khỏi nạn mua lầm thứ giả và vô tình mắc mưu gian trá của bọn chúng, kể từ thượng tuần tháng 6 dương lịch năm 1963, Nhà Thuộc MAC-PHSU kịp thời tăng phần bảo đảm cho quý vị bằng cách trình bày hai đặc điểm ngoài hộp và trong ve dầu như sau đây :

1. Hộp Dầu — Mỗi ve Dầu Cù-Là

MAC-PHSU số 1 và số 2 vẫn được đựng trong một hộp giấy trắng in màu xanh dương như lâu nay nhưng cả hai nơi góc mở của nắp trên và nắp dưới đều có dán « Nhân Cầu Chứng » hình đàn bà Miến-Điện với hoa trắng cài mái tóc. Nhân tròn, in màu đỏ trên giấy trắng mỏng y theo đây.



2. Ve Dầu — Trên mỗi ve Dầu Cù-Là từ số 1 đến số 4 đều có dán 1 băng « Giấy Bảo Đảm MAC-PHSU » ngang qua nắp thiếc, hai đầu giấy dán sát mí nhãn chai. Trong băng có chữ ký màu đỏ của bọn hiệu Chủ nhân in lên chữ MAC-PHSU màu xanh dương.

(xem tiếp trang sau)